SIGMUND FREUD



Văn Minh Và Những Bất Mãn Từ Nó

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud (1856 – 1939)

Civilization and Its Discontents (1930)

Lời người dịch

Trong Future of an Illusion (1927) Freud phê phán các tổ chức tôn giáo độc thần Abraham là một lường gạt tập thể, một huyễn tưởng của nhân loại (a mass “delusion” - từ R. Dawkins dùng lại trong tác phẩm gần đây rất nổi tiếng của ông The God delusion). Đến năm 1930, tác phẩm này - Civilization and Its Discontents ra đời sau khi châu Âu vừa chấm dứt một cuộc chiến kinh hoàng, trong đó tất cả sức mạnh của khoa học kỹ thuật đã đem dùng để tàn sát con người – thế chiến thứ I.

Đây là một tác phẩm tuy ngắn nhưng rất quan trọng và chính yếu của tư tưởng Freud, cũng là tác phẩm nay đã thành cổ điển và phổ thông nhất của ông. Những mâu thuẫn cá nhân nội tại trong não thức, trước đây ông đã tiên phong dùng kỹ thuật phân tâm để hiển lộ những ego và id, ẩn dấu dưới đáy vô thức - tên ông gọi - nay ông phóng chiếu ra xã hội phương Tây, để thấy văn minh con người xây dựng cũng chính là một không gian tranh chấp, một đấu trường giữa cá nhân và tập thể. Văn minh có một giá con người phải trả, đó là phải chịu những bất mãn nó đem theo cùng với những bước “tiến bộ” của nó.

Chủ đề của Freud là văn minh đến nay do con người dựng nên ở phương Tây, không nhất thiết phục vụ con người. Theo ông chính văn minh tự nó là nguồn của những bất mãn, những không hạnh phúc của những con người tự gọi mình là văn minh. Con người bị câu thúc đến dồn nén thành điên rồ, ông cảnh cáo - thế nên văn minh cũng có thể trở nên điên rồ, vì cả hai đã phát triển song song. Nhìn con người như luôn luôn tìm thỏa mãn những bản năng tự nhiên dù bản chất là ích kỷ và tham lam ham hố, và văn minh như những động lực xã hội ngăn cấm, kiểm soát hay đè nén chúng, nên trong xã hội phương Tây, luôn thường trực một ám ảnh quen thuộc về phạm cấm, về tội lỗi.

Và ám ảnh này – có thể dùng để giải thích sự có mặt dai dẳng và phi lý của đạo Kitô.

Tôi chọn dịch bản văn này – trong chiều hướng đó.

Trân trọng

Lê Dọn Bàn

Chương I

Không thể nào thoát khỏi ấn tượng rằng người ta thông thường dùng những tiêu chuẩn sai lạc để đo lường - rằng họ tìm quyền lực, thành công và của cải cho chính họ, và ngưỡng phục những điều này thấy trong những người khác, và rằng họ lượng giá non thấp những gì có giá trị chân thực trong đời sống. Và tuy thế, trong khi làm bất kỳ một phán đoán tổng quát nào thuộc loại này, chúng ta ở trong nguy cơ quên mất thế giới con người và đời sống tinh thần của nó muôn màu muôn vẻ như thế nào.

Có một số ít người được những người đương thời của họ không kèm được ngưỡng mộ với họ, mặc dù sự lớn lao của những người này nằm trên những cống hiến và những thành tựu hoàn toàn xa lạ với những mục đích và lý tưởng của đám đông quần chúng. Người ta có thể dễ dàng nghiêng sang để giả định rằng sau rốt chỉ có một thiểu số tán thưởng những con người lớn lao này, trong khi phần lớn đa số chẳng quan tâm gì đến họ. Nhưng sự việc có lẽ không đơn giản như thế, nhờ vào những bất đồng giữa những suy nghĩ và những hành động của người ta, và vào sự đa dạng nhiều loại của những thôi thúc ước mong của họ.

Một vị trong số hiếm hoi khác thường này, tự xưng là bạn tôi trong những thư từ của ông với tôi. Tôi đã gửi ông quyển sách mỏng của tôi, trong đó luận giải tôn giáo như một ảo tưởng [1], và ông trả lời rằng ông hoàn toàn đồng ý với phán xét của tôi về tôn giáo, nhưng ông đã lấy làm tiếc rằng tôi đã không hoàn toàn hiểu thấu nguồn gốc đích thực của những tình cảm tôn giáo. Điều này, ông nói, bao gồm trong một xúc cảm khác thường vốn bản thân ông không bao giờ thiếu vắng, vốn ông tìm được nhiều người khác xác nhận, và ông có thể giả định là nó hiện diện trong hàng triệu người.

Đó là một xúc cảm mà ông muốn gọi là một cảm giác về "vĩnh cửu", một

xúc cảm như về một gì đó không cùng tận, không giới hạn - nó đã giống như, là "đại dương" mênh mông. Xúc cảm này, ông nói thêm, là một thực tế hoàn toàn chủ quan, không phải là một tín điều của lòng tin tôn giáo; nó mang theo với nó không bảo đảm nào về bất tử của cá nhân, nhưng nó là nguồn của năng lượng tôn giáo vốn được những Nhà Thờ và những hệ thống tôn giáo khác nhau đã nắm lấy, chúng hướng dẫn nó vào những băng tầng đặc biệt, và không nghi ngờ gì cũng bị chúng làm cạn kiệt. Một người, ông nghĩ rằng, có thể đúng đắn tự gọi mình là có tôn giáo trên nền tảng của chỉ một mình xúc cảm đại dương này mà thôi, ngay cả nếu người ấy bác bỏ mọi tin tưởng và mọi ảo tưởng.

Quan điểm được bày tỏ từ người mà tôi hết sức vinh dự được xem là bạn, và chính ông là người một lần đã ca ngợi sự kỳ diệu của ảo tưởng trong một bài thơ [2], gây cho tôi không ít khó khăn. Tôi không thể khám phá ra được xúc cảm "đại dương" này trong chính tôi. Không phải là điều dễ dàng để đối phó một cách khoa học với những xúc cảm. Người ta có thể cố gắng để mô tả những dấu hiệu sinh lý của chúng. Chỗ nào điều này là không thể được - và tôi sợ rằng xúc cảm đại dương cũng sẽ thách thức lối mô tả về đặc điểm này - không có gì còn lưu lại, chỉ trừ rơi trở về trên nội dung có tính ý tưởng vốn nó là sẵn sàng nhất được liên kết với xúc cảm.

Nếu tôi đã hiểu người bạn tôi cho đúng, với nó ông có ý chỉ về cùng một điều, giống như sự an ủi được một nhà viết kịch sáng tạo và có phần nào lập dị, đem cho người anh hùng của mình là người đang đối mặt với cái chết tự gây ra. "Chúng ta không thể rơi ra ngoài thế giới này" [3]. Đó là nói rằng, nó là một xúc cảm về một sự ràng buộc không thể tháo gỡ, trong tư cách là một với thế giới bên ngoài như một toàn bộ. Tôi có thể nhận xét rằng với tôi điều này có vẻ đúng hơn như một gì đó trong bản chất thuộc về một nhận thức trí thức, vốn nó không phải, nó là sự thật, là không có một giai điệu xúc cảm đi kèm, nhưng chỉ giống như thể sẽ có mặt với bất kỳ hành động khác nào của tư tưởng thuộc cùng phạm vi bằng nhau.

Từ kinh nghiệm của riêng tôi, tôi không thể thuyết phục bản thân tôi, về bản chất nguyên thủy của một xúc cảm loại giống như vậy. Nhưng điều này không cho tôi quyền phủ nhận rằng trong thực tế nó xảy ra trong người khác. Câu hỏi duy nhất là liệu nó được thông dịch một cách chính xác hay không, và không biết nó có nên được xem như là fons et origo [4] của toàn bộ nhu cầu về tôn giáo hay không.

Tôi không có gì để đề nghị hầu có thể có một ảnh hưởng quyết định trên giải pháp của vấn đề này. Ý tưởng về sự tiếp nhận của con người về một điều báo cho biết sự nối kết của họ với thể giới quanh họ qua một xúc cảm trực tiếp, vốn nó từ khởi đầu được hướng về mục đích đó, nghe ra rất lạ và gắn vào quá lệch lạc với dàn khung kết cấu của tâm lý chúng ta – khiến người ta thì có lý do chính đáng trong cố gắng để khám phá một giải thích phân tâm - đó là, một giải thích di truyền - về một xúc cảm loại như vậy. Dòng suy nghĩ nối sau tự nó nảy ra trong trí.

Bình thường, không có gì chúng ta chắc chắn về nó hơn là xúc cảm về tự ngã của chúng ta, về ego [5] riêng mỗi chúng ta [6]. Ego này xuất hiện với chúng ta như một gì đó có tính tự trị và nguyên khối đơn nhất, đánh dấu tách biệt rõ rệt với mọi thứ khác. Một dạng ngoài như thế là một đánh lừa, và rằng về mặt ngược lại, ego thì tiếp tục hướng nội, không có bất kỳ phân định nào rõ nét, vào thành một thực thể trí não [7] vô thức vốn chúng ta chỉ định như là cái id , và nó dùng như là một loại mặt tiền cho id - đây đã là một khám phá được khảo cứu phân tích tâm lý thực hiện đầu tiên, vốn sẽ vẫn còn nhiều hơn nữa để nói với chúng ta về sự quan hệ của ego với id. Nhưng hướng ra phía bên ngoài, ở bất kỳ mức độ nào, ego dường như duy trì những đường dây phân giới rõ ràng và sắc nét.

Chỉ có duy một trạng thái - đã thừa nhận là một trạng thái không bình thường, nhưng không phải một trạng thái có thể dán nhãn hiệu như bệnh lý được - trong trạng thái đó nó không làm điều này. Ở đỉnh cao trong tư cách

của yêu đương, ranh giới giữa ego và đối tượng có cơ đe dọa bị tan chảy đi mất. Ngược với tất cả chứng cớ từ những giác quan của mình, một người đang yêu tuyên bố rằng "tôi" và "nàng" là một, và sẵn sàng xử sự như thể đó là một thực tại [8]. Những gì có thể được tạm thời bỏ đi với một chức năng sinh lý (nghĩa là bình thường) tất nhiên, cũng phải chịu để bị quấy nhiễu bởi những tiến trình bệnh lý.

Bệnh lý học đã làm chúng ta quen thuộc với một số lượng lớn của những trạng thái trong đó những đường ranh giới giữa ego và thế giới bên ngoài trở nên bất định, hoặc trong đó chúng thực sự không được vẽ chính xác. Có những trường hợp trong đó những phần của cơ thể riêng một người, ngay cả những phần của đời sống trí não của chính ông ta - những nhận thức, những suy nghĩ và những xúc cảm của ông ta -, xuất hiện xa lạ với ông ta và như thể không thuộc về ego của ông ta; có những trường hợp khác, trong đó ông gắn vào thế giới bên ngoài những sự việc rõ ràng bắt nguồn từ ego riêng của ông ta và đáng lẽ phải được nó thừa nhận. Thế nên, ngay cả những xúc cảm của ego riêng của chúng ta là đối tượng của những nhiễu loạn, và những ranh giới của ego không phải là không thay đổi.

Suy nghĩ cân nhắc thêm nữa, bảo chúng ta biết rằng cảm-giác-ego của người trưởng thành không thể đã vẫn cùng là một kể từ khi khởi đầu. Nó đã phải trải qua một tiến trình phát triển, tất nhiên, không thể chứng minh được, nhưng nó thừa nhận là được xây dựng với một mức độ xác suất có thể tin được [9]. Một trẻ sơ sinh còn ngậm vú mẹ hẳn vẫn chưa phân biệt được ego của mình với thế giới bên ngoài như nguồn của những cảm giác tuôn chảy vào nó. Nó dần dần học để làm như vậy, khi đáp ứng với những thúc giục khác nhau [10].

Nó phải bị ấn tượng rất mạnh mẽ bởi sự kiện là một vài nguồn kích thích, vốn sau này nó sẽ nhận ra như những cơ quan cơ thể chính nó, có thể cung cấp cho nó những cảm giác bất cứ lúc nào, trong khi những nguồn khác

thỉnh thoảng lại lẩn trốn khỏi nó - trong đám đó, những gì nó mong muốn hơn tất cả, là bầu vú của người mẹ - và chỉ xuất hiện trở lại, như một kết quả của việc nó la khóc đòi giúp đỡ.

Trong cách này, lần đầu tiên có gán đặt một “đối tượng” phản ngược với ego, trong hình thức của một gì đó tồn tại “bên ngoài”, và nó chỉ có thể buộc xuất hiện bằng một hành động đặc biệt [11]. Một khuyến khích xa hơn nữa đi đến một tháo gỡ ego khỏi khối lượng tổng quát của những cảm giác - đó là, đi tới sự nhận thức về một “bên ngoài”, một thế giới bên ngoài - được cung cấp bởi những cảm giác không thể tránh, thường xuyên, và nhiều lớp của đau đớn và khó chịu, bực bội; vốn sự loại bỏ và lẩn tránh chúng được nguyên tắc lạc thú [12] ra lệnh, trong sự thực tập của sự thống trị không hạn định của nó.

Một khuynh hướng nổi lên để tách biệt khỏi ego, tất cả mọi thứ có thể trở thành một nguồn của khó chịu loại giống như thế, để ném nó ra bên ngoài, và tạo ra một ego-lạc-thú thuần khiết, vốn nó đương đầu với một “bên ngoài” lạ lùng và đe dọa. Những ranh giới của ego-thuần-lạc-thú nguyên thủy này không thể thoát khỏi sự sửa đổi qua kinh nghiệm.

Một số trong những điều mà người ta không muốn buông bỏ, vì chúng đem lại lạc thú, tuy nhiên không phải là ego, nhưng là đối tượng; và một vài đau khổ mà người ta tìm cách trục xuất lại quay ra là không thể tách rời được khỏi ego vì tư cách của nguồn gốc bên trong của chúng. Người ta đi đến học một tiến trình, qua một chiều hướng có chủ ý của những hoạt động giác quan của một người, và qua tác động bắp thịt thích hợp, người ta có thể phân biệt giữa những gì là ở bên trong - những gì thuộc về ego - và những gì là ở bên ngoài - những gì bắt nguồn từ thế giới bên ngoài.

Trong cách này người ta làm bước đầu tiên hướng tới sự dẫn nhập của nguyên tắc thực tế [13] vốn nó là thống trị sự phát triển trong tương lai [14]. Sự phân biệt này, tất nhiên, phục vụ mục đích thực tiễn là làm cho một người

có khả năng để bảo vệ mình chống lại những xúc cảm không thích thú, mà một người thực sự cảm thấy hoặc một người thấy bị nó đe dọa. Ngõ hầu chống đỡ được những kích thích không thích thú nào đó phát sinh từ bên trong, ego có thể sử dụng không những phương pháp nào khác hơn là những phương pháp nó sử dụng chống lại không-thích-thú đến từ bên ngoài, và đây là điểm khởi đầu của những nhiễu loạn bệnh lý quan trọng.

Trong cách này, sau đó, ego tách rời chính nó với thế giới bên ngoài. Hoặc, nói cho đúng hơn, ban đầu ego bao gồm tất cả mọi thứ, sau đó nó phân tách một thế giới bên ngoài ra khỏi từ chính nó. Xúc cảm về ego hiện nay của chúng ta, do đó, chỉ là một dư-thừa đã tóp nhỏ lại của một bao gồm lớn rộng hơn nhiều - thực vậy, một xúc cảm ôm-lấy-tất-cả - xúc cảm đó tương ứng với một kết buộc mật thiết hơn giữa ego và thế giới xung quanh nó.

Nếu chúng ta được phép giả định rằng có nhiều người, trong đời sống tinh thần của họ có xúc cảm ego chính này, ở một mức độ nhiều hoặc ít hơn, vẫn dai dẳng tồn tại trong họ bên cạnh xúc cảm ego hẹp hơn nhiều và phân giới sắc rõ hơn nữa của sự chín chắn trưởng thành, giống như một thứ đối ứng của nó. Trong trường hợp đó, những nội dung ý tưởng thuận hợp với nó sẽ chính xác là của những gì của sự vô hạn và của một kết buộc với vũ trụ - cùng những ý tưởng vốn với chúng, người bạn của tôi đã diễn giải là xúc cảm “đại dương”.

Nhưng chúng ta có hay không một quyền để giả định sự tồn tại của một cái gì đó mà ban đầu đã có ở đó, bên cạnh của những gì đã về sau vốn bắt nguồn từ nó? Chẳng nghi ngờ gì. Không có gì lạ trong một hiện tượng như vậy, dù là trong lĩnh vực trí não hoặc nơi nào khác. Trong thế giới động vật, chúng ta giữ quan điểm rằng những loài phát triển cao nhất đã được tiến hành từ những loài thấp nhất; và dẫu thế chúng ta tìm thấy tất cả những thể dạng đơn giản vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Loài của những giống bò sát [15] vĩ đại đã tuyệt chủng, và đã mở đường cho

loài của những động vật có vú, nhưng một đại diện đích thực của nó, giống cá sấu, vẫn còn sống giữa chúng ta. So sánh tương tự này có thể là quá xa, và nó cũng bị yếu đi vì trường hợp những loài thấp hơn còn tồn tại hầu hết không phải là tổ tiên thực sự của loài phát triển cao hơn ngày nay.

Như một nguyên tắc, những nối kết trung gian đã tuyệt giống và chúng ta chỉ biết được qua sự tái dựng. Trong lĩnh vực của não thức, về mặt khác, những gì là nguyên thủy là quá thông thường được gìn giữ bên cạnh của những phiên bản chuyển đổi vốn đã phát sinh từ nó rằng đến nỗi không cần thiết phải cung cấp những trường hợp như bằng chứng. Khi điều này xảy ra, nó thường là hậu quả của một sự tách rẽ ra trong phát triển: một phần (trong ý nghĩa định lượng) của một thái độ, hay thôi thúc bản năng vẫn giữ nguyên không thay đổi, trong khi một phần kia đã trải qua phát triển xa hơn nữa.

Điều này đưa chúng ta đến vấn đề tổng quát hơn của sự bảo tồn trong lĩnh vực của não thức. Vấn đề hầu như còn chưa hề được nghiên cứu [16], nhưng nó thì quá hấp dẫn và quan trọng khiến chúng ta có thể được phép chuyển chú ý của chúng ta sang nó một lúc, dẫu cho lý do của chúng ta là không đủ.

Bởi vì chúng ta đã vượt qua được sai lầm của giả định rằng sự quên lãng mà chúng ta quen thuộc với, là biểu hiện một sự phá hủy của vết tích-ký ức - đó là, một sự hư vô hóa nó - chúng ta đã có khuynh hướng nhận quan điểm ngược lại, rằng trong đời sống trí não không có gì từng một lần thành hình mà có thể diệt vong – rằng tất cả mọi thứ, một cách nào đó được bảo tồn, và trong những hoàn cảnh thích hợp (lấy thí dụ, khi hồi tưởng ngược về quá khứ cho đủ xa) nó có thể lại một lần được đưa ra ánh sáng.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nắm bắt những gì liên quan đến giả định này, bằng cách lấy một tương tự từ một lĩnh vực khác. Chúng ta sẽ chọn lịch sử của Thành phố Vĩnh Cửu [17] như một thí dụ. Những sử gia kể cho chúng ta biết rằng Rome cổ xưa nhất là Quadrata Roma, một địa điểm định cư có tường rào trên đồi Palatine.

Sau đó, tiếp theo giai đoạn của Septimontium, một liên đoàn của những khu định cư trên những ngọn đồi khác nhau; sau đó đến thành phố giới hạn bởi những bức tường Servian; và vẫn sau đó nữa, sau tất cả những biến đổi trong những thời kỳ của nền cộng hòa và những Caesars đầu tiên, là thành phố mà Hoàng đế Aurelian xây tường thành của ông bao quanh.

Chúng ta sẽ không truy nguyên những thay đổi mà thành phố đã trải qua xa hơn thêm nữa, nhưng chúng ta sẽ tự hỏi chúng ta, nếu như có một du khách, người mà chúng ta giả sử sẽ được trang bị kiến thức lịch sử và địa hình đầy đủ nhất, vẫn có thể tìm thấy được bao nhiêu xót lại của những giai đoạn đầu này trong Rome của ngày nay.

Ngoại trừ một vài khoảng trống, ông sẽ thấy những bức tường của Aurelian gần như không thay đổi. Ở một vài chố, ông sẽ có thể tìm thấy những phần của bức tường Servian nơi chúng đã được khai quật và đưa ra ánh sáng. Nếu ông biết cho đủ - nhiều hơn khảo cổ học ngày nay biết - ông có lẽ có thể truy ra vết tích trong đồ thị của thành phố, toàn bộ dãy tường đó chạy, và nét chính của Quadrata Roma. Về những tòa nhà mà có thời đã chiếm khu vực cổ xưa này, ông sẽ không tìm thấy gì cả, hoặc chỉ có rất ít vẫn còn, vì chúng thôi không tồn tại nữa.

Những tài liệu tốt nhất về Rome trong thời đại cộng hòa sẽ chỉ có thể cho ông khả năng nhiều nhất là chỉ ra những vị trí nơi những đền thờ và những dinh thự công cộng của thời đại đó đã đứng. Địa điểm của chúng hiện nay bị những tàn tích chiếm chỗ, nhưng không phải những tàn tích của chính chúng, nhưng của những phục hồi đã làm sau khi chúng bị cháy hoặc tiêu hủy.

Hầu như không cần thiết phải nhận xét rằng tất cả những gì còn lại này của LaMã cổ đại được tìm thấy lồng khớp chặt chẽ vào mớ lộn xộn của một thủ phủ vĩ đại đã lớn lên trong vài thế kỷ vừa qua kể từ thời Phục hưng. Chắc chắn không phải là có một ít vốn là cổ đại vẫn còn chôn vùi trong đất của

thành phố, hoặc dưới những tòa nhà hiện đại của nó. Đây là cách qua đó quá khứ được được giữ lại trong những địa điểm lịch sử giống như thành Rome.

Bây giờ chúng ta hãy cùng, theo một chuyến bay của tưởng tượng, giả sử rằng Rome không phải là một cư trú của con người nhưng là một thực thể thuộc về tinh thần với một quá khứ lâu dài và phong phú tương tự - một thực thể, đó là nói rằng, trong đó không có gì đã một lần đi đến hiện hữu mà đã mất đi, và tất cả những giai đoạn đầu của sự phát triển vẫn tiếp tục tồn tại song hành với những gì mới nhất.

Điều này có nghĩa rằng trong Rome, những cung điện của Caesars, và Septizonium của Septimius Severus sẽ vẫn dựng lên như chiều cao xưa của chúng trên đồi Palatine, và lâu đài S. Angelo sẽ vẫn có những bức tượng đẹp tiếp tục đứng trên những lỗ châu mai làm dáng cho chúng như cho đến khi có cuộc vây hãm của những người Goths, và vân vân như vậy. Nhưng còn hơn thế này. Tại nơi Caffarelli Palazzo đã chiếm chỗ, một lần nữa sẽ đứng - mà Palazzo không phải bị gỡ bỏ - đền thờ của Jupiter Capitolinus; và đền này không chỉ ở hình dạng mới nhất của nó, như người LaMã thời Đế quốc đã nhìn thấy nó, nhưng cũng trong một hình dạng sớm nhất của nó, khi nó vẫn cho thấy những dạng Etruscan và được trang trí với những hoa văn mái ngói bằng đất nung.

Ở chỗ Coliseum bây giờ đang đứng, chúng ta có thể cùng lúc chiêm ngưỡng Golden House đã biến mất của của Nero. Trên Piazza của Pantheon chúng ta nên tìm thấy không chỉ Pantheon của ngày nay, như Hadrian đã để lại cho chúng ta, nhưng trên cùng một địa điểm, dinh thự Agrippa đã dựng lên ban đầu; quả thật vậy, cùng một mảnh đất sẽ chống đỡ cả nhà thờ Santa Maria Sopra Minerva, và cả ngôi đền cổ vốn nó được xây dựng trên đó. Và người quan sát sẽ có lẽ chỉ phải thay đổi hướng nhìn, hoặc vị trí của mình để gọi lên một cảnh quan này hay một cảnh quan khác.

Rõ ràng là không cần phải quay đẩy mơ tưởng của chúng ta tiếp tục xa hơn

nữa, vì nó dẫn đến những điều không thể tưởng tượng và thậm chí vô lý. Nếu chúng ta muốn trình bày lại diễn tiến lịch sử trong những điều kiện không gian, chúng ta chỉ có thể làm điều đó bằng sự đặt kề cạnh nhau trong không gian: vì cùng một không gian không thể có hai nội dung khác nhau. Nỗ lực của chúng có vẻ là một trò chơi vô hiệu. Nó chỉ có một biện minh. Nó cho chúng ta thấy chúng ta đã xa như thế nào khỏi việc nắm vững những đặc điểm của đời sống tinh thần bằng cách tái trình bày chúng trong những thuật ngữ hình tượng.

Có một phản đối xa thêm nữa phải được xem xét. Câu hỏi có thể được nêu lên – tại sao chúng ta lại chọn đúng ngay quá khứ của một thành phố để so sánh với quá khứ của não thức. Sự giả định rằng tất cả mọi thứ quá khứ thì được gìn giữ - đứng vững, ngay cả trong đời sống tinh thần, chỉ với điều kiện là cơ quan của não thức vẫn giữ nguyên vẹn, và những mô tế bào của nó không bị hư hỏng do chấn thương, hoặc viêm nhiễm.

Nhưng những ảnh hưởng tàn phá vốn có thể so sánh được với những nguyên nhân của bệnh tật như thế này không bao giờ thiếu trong lịch sử của một thành phố, ngay cả khi nó có một quá khứ ít phức tạp hơn so với Rome, và như London, ngay cả khi nó đã hầu như không bao giờ phải chịu đựng những sự đột nhập của một thù địch. Những phá hủy và thay thế những tòa nhà xảy ra trong tiến trình phát triển hòa bình nhất của một thành phố. Một thành phố do đó là tiên nghiệm không thích hợp cho một so sánh loại này với một cơ cấu trí não.

Chúng ta cúi đầu trước điều phản đối này, khi từ bỏ nỗ lực của chúng ta để vẽ một tương phản ấn tượng, và thay vào đó, chúng ta sẽ quay về những gì sau cùng có liên quan gần gũi hơn với đối tượng so sánh - cơ thể của một con vật hay một con người. Nhưng ở đây, cũng vậy, chúng ta tìm thấy cùng điều tương tự. Những giai đoạn đầu của phát triển thì không trong ý hướng nào vẫn được gìn giữ; chúng đã được hấp thụ vào những giai đoạn sau vốn

chúng đã cung cấp vật liệu cho những giai đoạn đó. Thai phôi không thể được khám phá ở người trưởng thành.

Tuyến thymus của tuổi thơ được thay thế sau tuổi dậy thì bằng mô liên kết, nhưng tự thân nó thôi không còn hiện diện nữa; trong tủy xương của người trưởng thành tôi có thể, là đúng thực vậy, truy nguyên những phác thảo của xương của đứa trẻ, nhưng chính nó đã biến mất, sau khi kéo dài và dày lên, cho đến khi nó đạt được hình dạng cuối cùng dứt khoát của nó. Thực tế vẫn còn là chỉ trong não thức là một bảo tồn như thế của tất cả những giai đoạn trước đó song song với hình thức cuối cùng có thể có, và rằng chúng ta đang không ở trong một vị trí để trình bày hiện tượng này trong những thuật ngữ tượng hình.

Có lẽ chúng ta đang đi quá xa trong việc này. Có lẽ chúng ta nên tự hài lòng với khẳng định rằng những gì là quá khứ trong đời sống tinh thần có thể được bảo quản và không nhất thiết phải bị tiêu huỷ. Nó luôn luôn có thể có rằng ngay cả trong não thức một số của những gì là cũ là bị xòa nhòa hoặc bị hấp thụ - cho dù trong tiến trình bình thường của những sự vật, hoặc như là một ngoại lệ - cho đến một mức mà nó không thể phục hồi, hoặc làm sống lại được bằng bất kỳ phương tiện nào; hoặc sự bảo quản nói chung là phụ thuộc trên một số điều kiện thuận lợi nào đó. Có thể, nhưng chúng ta không biết gì về nó. Chúng ta chỉ có thể giữ chặt vào sự kiện - nó đúng hơn là quy luật hơn là ngoại lệ - để quá khứ được bảo tồn trong đời sống tinh thần.

Thế nên, chúng ta là hoàn toàn sẵn sàng thừa nhận rằng xúc cảm “đại dương” hiện hữu trong nhiều người, và chúng ta có khuynh hướng truy nguyên nó về một giai đoạn đầu của xúc cảm-ego. Câu hỏi nêu lên sau đó là - tuyên xưng gì để đòi xúc cảm này phải được xem như nguồn của những nhu cầu tôn giáo.

Đối với tôi tuyên xưng thực không có vẻ mạnh mẽ. Sau tất cả, một xúc cảm chỉ có thể là một nguồn của năng lượng nếu chính nó là biểu hiện của một

nhu cầu mạnh mẽ. Những dẫn xuất của những nhu cầu tôn giáo từ sự bất lực của trẻ sơ sinh, và sự khao khát về người cha vốn nó dựng dậy, có vẻ như với tôi không thể chối cãi, đặc biệt là vì xúc cảm thì không đơn thuần chỉ kéo dài từ những ngày thơ ấu, nhưng là vĩnh viễn duy trì bởi sự sợ hãi về sức mạnh vượt trội của Số Phận.

Tôi không thể nghĩ được bất kỳ một nhu cầu nào trong thời thơ ấu cũng mạnh như sự nhu cầu về sự bảo vệ của một người cha. Do đó, phần đóng của xúc cảm đại dương, vốn nó có thể tìm kiếm một cái gì đó tựa như khôi phục lại quá-yêu-chỉ-mình [18] vô hạn, là bị lật đổ khỏi một nơi trên chính diện. Nguồn gốc của thái độ tôn giáo có thể được truy ngược trở lại trong những nét đại cương rõ ràng xa cho về đến những xúc cảm của sự bất lực ấu trĩ trẻ con. Có thể có một cái gì đó thêm xa hơn nữa sau đó, nhưng với hiện tại, nó bị gói trong tối tăm.

Tôi có thể tưởng tượng rằng xúc cảm đại dương đã trở thành kết nối với tôn giáo muộn hơn về sau. Sự "đồng nhất với vũ trụ" vốn dựng thành nội dung ý tưởng của nó nghe giống như một nỗ lực đầu tiên ở một sự an ủi tôn giáo, dường như thể nó đã là một cách khác để tuyên bố phủ nhận sự nguy hiểm mà ego nhận ra như đe dọa nó từ thế giới bên ngoài. Hãy một lần nữa để tôi thú nhận rằng, rất khó khăn cho tôi làm việc với những số lượng mơ hồ không thể nắm bắt này.

Một người bạn khác của tôi, người có lòng khao khát kiến thức vô độ đã dẫn ông đến làm những thí nghiệm khác thường nhất, và đã kết thúc bằng đem cho ông một kiến thức bách khoa, đã đảm bảo với tôi rằng qua những thực hành Yoga, bằng cách rút mình khỏi thế giới, bằng cách sửa chữa sự chú ý của những chức năng cơ thể, và bằng những phương pháp đặc biệt của phép thở, một người trong thực tế có thể khơi dựng dậy những cảm giác mới, và một kết hợp những cảm giác hữu cơ bao gồm nhận thức về sự hiện hữu của cơ thể [19] trong tự thân một người, mà ông xem như là những hồi quy về

với những trạng thái nguyên sơ của não thức vốn bị che phủ từ đã lâu rồi.

Ông nhìn thấy trong chúng một cơ sở sinh lý học, như nó đã là, thuộc nhiều về trí tuệ của chủ nghĩa thần bí. Là điều sẽ không khó để tìm thấy những kết nối ở đây với một số những biến cải mờ khuất của đời sống tinh thần, chẳng hạn như những nhập định và xuất thần. Nhưng tôi xúc động để kêu lên trong những lời của người thợ lặn của Schiller: “. . . Hãy để hắn cùng vui, với những người thở trên kia trong ánh sáng hồng” [20]

Lê Dọn Bàn tạm dịch-bản nháp thứ nhất

(Jul/2011)

(Còn tiếp...)

Nguyên văn tiếng Đức: Sigmund Freud. Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Dịch từ bản tiếng Anh: Sigmund Freud. Civilization and its Discontents. Translated & Edited: James Strachey. W.W. Norton & Company. NewYork, 1961.

Có đối chiếu và tham khảo với một vài bản tiếng Anh hiện có khác, và bản dịch tiếng Pháp: Sigmund Freud. Malaise Dans La Civilisation. Traduit de L’Allemand par Ch. Et J. Odier. Presses Universitaires De France. Paris, 1971

[1] [The Future of an Illusion (1927c)] - Tương lai của một Ảo tưởng – bản dịch Lê DọnBàn:

Dịch theo bản : Sigmund Freud, Civilization and its Discontents, Ed. & Tr. James Strachey, Norton &Co., New York, 1961

Freud định nghĩa “văn minh”: “Kultur”: tổng số những thành tựu và những

quản thúc làm đời sống chúng ta khác biệt với đời sống thuần sinh vật trước đây của tổ tiên chúng ta, nó phụng sự hai mục đích – nêu tên là: bảo vệ con người chống lại thiên nhiên và điều chỉnh quan hệ tương hỗ giữa chính con người với nhau.

Những chú thích trong ngoặc vuông [ ] là của dịch giả bản Anh Ngữ của James Strachey.

Những chú thích khác, không trong ngoặc vuông – là của tôi - LDB.

[2] [Cước chú thêm 1931: Liluli (1939) – Kể từ sự xuất bản hai tập sách La vie de Ramakrisna (1929) và La vie de Vivekanada (1930), tôi thôi không dấu sự kiện là người bạn đã nói trên trong bài văn là Romain Rolland. (Rolland đã viết cho Freud về "xúc cảm đại dương" trong một lá thư Dec 5, 1927, không lâu sau khi The Future of an Illusion xuất bản)]

[3] Christian Grabbe, Hannibal : "Ja, aus der Welt warden wir nicht fallen. Wir sind einmal darin."

[4] tiếng Pháp trong nguyên văn – "gốc và nguồn"

[5] Ego ("I" hay "Ich"), id ("it" hay "Es"), super-ego ("over-I" hay "Über-ich") – Trong bản dịch này và những bản dịch khác của những tác phẩm của Freud – tôi đề nghị giữ nguyên những từ đặc biệt này của ông, trong tiếng Anh, như libido, ego, id, … lý do nếu dịch là gì đi nữa, cũng sẽ là phiền phức và quanh co hơn để tìm một ký hiệu khác thay thế cho chúng, mà sẽ không trọn nghĩa (thí dụ - ego không phải là bản ngã, id không là căn cước, libido không đơn giản là nhục dục,..). Chúng có những nội dung rất đặc biệt "Freud", chúng ta nên để nguyên khi đọc ông.

Id là chỗ trụ của thèm muốn và bản năng, nó hoàn toàn vô thức. Ego, vốn phần lớn là hữu thức, bắt đầu như một cơ cấu tâm lý không phân biệt – như Freud trình bày ở chương I, Khi đứa trẻ học phân biệt giữa chính nó (ta) và

những đối tượng nó ham muốn (cái khác), ego phát triển như là một cơ cấu phân tách với id. Sự phân biệt này kết quả từ những thất vọng ban đầu - khi những thàm muốn không được thỏa mãn của chúng ta. Khi Freud nói đến ego, ông nói về một thứ gì đó tự hiểu nó là ai. Còn super-ego là sự tự phê phán được chủ quan hóa. Sự chủ quan hóa như tiếng nói của người cha, hay của uy quyền.

- Lương tâm: Super-ego (Uber-Ich): Qui luật đạo đức xã hội

- Hữu thức: Ego (Ich): Tư tưởng, suy nghĩ, ý tưởng, hình ảnh (kể cả giấc mơ) trong hữu thức

- Vô thức: Id (Est): Những dục vọng không được chấp nhận, những bản năng xấu xa dơ bẩn đáng khinh.

[6] [Một vài chú thích về cách Freud dùng những thuật ngữ "ego" và "self" sẽ tìm thấy trong bài giới thiệu của người biên dịch tập The Ego and the Id (1923b), Standard Ed., 19,7.]

[7] mental entity.

[8] [Cf. một cước chú ở Phần III của câu chuyện về trường hợp Schreber (1911c) Standard Ed., 12, 69.]

[9] [Cf. nhiều bài viết về chủ đề phát triển-ego và cảm xúc-ego ghi năm tháng từ luận văn của Ferenczi trong 'Những giai đoạn trong sự Phát triển của Xúc cảm và Thực tại', (1913) đến những đóng góp của Federn những năm 1926, 1927 và muộn hơn.]

[10] [Trong đoạn văn này, Freud lập lại trên một mảnh đất quen thuộc. Ông đã bàn về vấn đề không lâu trước đó, trong luận văn về sự 'Phủ nhận' (1925h), Standard Ed., 19, 236-8. Nhưng ông đã bàn luận về nó trong nhiều dịp sớm hơn nữa. Xem, thí dụ, 'Những bản năng và những thăng trầm của

chúng' (1915c), ibid, 14, 119 vad 134-6, và Sự diễn giải những giấc mộng (1900a), ibid., 5, 565-6. Nội dung cơ bản của nó, thực vậy, đã được tìm thấy trong 'Project' của năm 1895, những mục 1, 2, 11 và16 của phần I (Freud, 1950a).]

[11] ["hành động đặc biệt" của 'Project']

[12] Pleasure Principle – Nguyên tắc lạc thú: khái niệm của Freud, trình bày trong Beyond the Pleasure Principle, 1921, của ông. Id tuân thủ nguyên tắc này, vốn nó là những nỗ lực nhằm thỏa mãn những ước muốn đã thiết lập từ thơ ấu

Nguyên tắc lạc thú/không lạc thú, thường được gọi ngắn là nguyên tắc lạc thú, đòi hỏi bộ máy tâm lý tự động buông xả những kích thích khi chúng tích lũy đến cao hơn một ngưỡng cửa nhất định nào đó, và có kinh nghiệm như không lạc thú. Nguyên tắc này điều hành sự hoạt động của những quá trình chính yếu và là cơ sở cho quan điểm kinh tế trong triết lý tâm lý (metapsychology).

"Lustprinzip" trong tiếng Đức, được dịch sang tiếng Anh là "pleasure principle", chúng ta tạm dịch là "Nguyên tắc lạc thú" . "Lust" trong tiếng Đức thực sự có hai nghĩa: một nghĩa của niềm vui, nhưng còn có nghĩa là ao ước, hoặc muốn. "Lust haben auf" là thành ngữ phổ thông nhất cho "muốn, ao ước có".

Nên nguyên tắc lạc thú cũng là nguyên tắc ao ước: Bộ máy tâm lý không có thể làm gì khác hơn ngoài mong muốn, Freud nói vậy. Tương tự như vậy, đối với "Unlustprinzip" là "nguyên tắc không lạc thú". Trong The Interpretation of Dreams (1900a) - "Unlust" cũng có nghĩa là không thích, không muốn, ác cảm. Có những dịp, hữu thức chúng ta quay đi, làm ngơ, và tránh né trước những gì mình có ác cảm, không thích,

Bản chất hai mặt của nguyên tắc lạc thú:

Trong biểu hiện tích cực của nó, nguyên tắc này đơn giản là xung lực nội tại ích kỷ đòi thỏa mãn tất cả những đòi hỏi của chúng ta; nó là một xu thế săn đuổi chạy theo sau lạc thú. Nhưng chúng ta nhanh chóng nhận ra rằng thế giới bên ngoài và những người khác cũng có những đòi hỏi, hoặc chúng can thiệp, hoặc ngăn chặn trực tiếp hay gián tiếp không cho chúng ta thỏa mãn nhiều những đòi hỏi của chúng ta – nên xuất hiên nguyên tắc thực tế, đây là chỗ và lúc chúng ta ý thức rằng những mong ước của chúng ta không có thể thỏa mãn tất cả, và nếu thỏa mãn cũng không trọn vẹn, như ý.

Điều này dẫn tới biểu hiệu thứ hai, tiêu cực của nguyên tắc lạc thú: cố gắng tránh thất vọng, bất mãn càng nhiều càng tốt – Từ chỗ này, chúng ta học được từ chối những đòi hỏi, mong ước vốn tự thấy trước không thể thỏa mãn, thành công; khi tự từ chối chúng như thế, chúng ta sẽ bớt chịu bất mãn, ít đau khổ hơn là đuổi theo chúng rồi đi đến tan vỡ thất bại không tranh khỏi.

Những biện pháp xoa dịu giảm nhẹ: Những chiến lược giúp chúng ta tránh những đau khổ của cuộc sống:

Chuyển hướng: chúng ta chuyển dòng chảy những nhu cầu và mong muốn của chúng ta vào những khu vực nơi chúng có thể dễ dàng được thỏa mãn. Trong phạm trù này, Freud bao gồm những hoạt động khoa học hoặc những hình thức khác của thành tựu chuyên môn. Đây là những đường lối gặp kháng cự ít nhất (Liên kết nhất với thực tại.)

Thay thế những thỏa mãn: đây là những hình thức đền bù cho sự thiếu niềm vui ở những nơi khác. Freud liệt kê ở đây tất cả những hình thức của ảo giác, ảo tưởng, bao gồm nhiệt tình tôn giáo, tưởng tượng, trốn thoát vào nghệ thuật, v.v.

Say sưa, nhiễm độc: chúng ta thoát khỏi sự khó chịu, bất hạnh của chúng ta

bằng cách quên chúng đi, tránh chúng sang một bên, và chúng ta quay sang tự nhiễm độc bằng rượu, ma túy, v.v Ở đây chúng ta xử lý những triệu chứng, kết quả (bất hạnh của chúng ta), không phải nguyên nhân (những lý do của bất hạnh). Như những chiến lược né tránh và từ chối, Tự nhiễm độc có thể làm tăng bất hạnh thực sự chúng ta vốn muốn phá vỡ. (Xa thực tại nhất).

Những phản ứng điển hình của nhu cầu của lạc thú này và tự bảo vệ trước sự bất mãn:

1) rút lui = những người sống ẩn dật, sống khổ hạnh, như cuộc sống của những đạo sĩ, tu sĩ trong những tôn giáo; giết chết bản năng;

2) tiếp tục tấn công = những con người của hành động, như những chính trị gia, những nhà cải, vv; kiểm soát bản năng;

3) hoán chuyển hoặc thăng hoa = tìm kiếm lạc thú thông qua những nguồn thay thế mà trong đó người ta có kiểm soát hơn, chẳng hạn như khảo cứu khoa học, truy tầm kiến thức..vv, thay thế hoán chuyển thỏa mãn, đổi những con đường ức chế với những lối dễ dàng đạt được hơn;

4) thoát vào ảo tưởng = tưởng tượng, tôn giáo, những thuốc có dược tính tác dụng não thức, vv;

5) áp dụng một thái độ "thẩm mỹ" = nuôi dưỡng một tình yêu với vẻ đẹp (thực chất là một sự hài lòng thay thế), nghệ thuật, một cách thức cụ thể cho việc tìm kiếm sự hài lòng = tìm những gì đẹp trên thế giới, nhìn thấy khía cạnh “tích cực” của tất cả mọi thứ; - thái độ “cốc rượu không bị vơi một nửa, nhưng còn đầy một nửa”.

6) ôm lấy hoặc thay đổi thế giới: chuyển sang hoạt động từ thiện và những hình thức tham gia vào sự chăm sóc thế giới và xã hội = chuyển Eros vào Caritas, tình yêu đại đồng và quan tâm phụng sự nhân loại; làm việc đẻ cải

thiện thực tại, để làm bớt đi những cơ hội và điều kiện gây bất hạnh cho tất cả con người.

[13] Reality principle – nguyên tắc thực tế - Nguyên tắc thực tế: Một khái niệm khác nữa của Freud: nguyên tắc thực tế là vị thống đốc thực sự của những hành động được ego thực hiện, và luôn luôn phản đối lại nguyên tắc lạc thú của Id. Vai trò của nó có thể xem như áp đặt một điều chỉnh trên nguyên tắc lạc thú, thường là cố gắng hòa giải những ham muốn của id với thực tế; do đó nó có tính toán đến những ảnh hưởng của thế giới bên ngoài.

Nguyên tắc thực tế là một trong hai nguyên tắc chính chi phối hoạt động của não thức. Nó chỉ định nhận thức cần thiết của tâm lý về những thông tin liên quan đến thực tại và đứng tương phản với nguyên tắc lạc thú tìm kiếm việc buông xả hoặc loại bỏ những căng thẳng bằng mọi giá. Mặc dù những nguyên tắc thực tế được chính thức đưa vào vốn từ vựng của Freud vào năm 1911 ("Formulations on the Two Principles of Mental Functioning" nó có thể được tìm thấy ở dạng tiềm ẩn trong những suy nghĩ của ông từ sớm hơn ("Project for a Scientific Psychology" - 1895)

Sự cần thiết cho một khái niệm như vậy phát sinh tại thời điểm như là một kết quả của một mâu thuẫn nội bộ trong nguyên tắc lạc thú, hoặc cụ thể hơn, trong khái niệm hoàn thành mong muốn bằng ảo giác, có xu hướng đánh lừa bộ máy tâm thần và làm nó tổn thương khi tạo ra một sự thỏa mãn hư ảo giả tạo, chứ không thực tại.

[14] [Cf. 'Formulations on the Two Priciples of Mental Functioning' (1911b), Standard Ed., 12 222-3]

[15] saurians

[16] [một cước chú về vấn đề đã được Freud thêm vào năm 1907, trong đoạn F của chương cuối của The Psychopathology of Everyday Life (1901b),

Standard Ed., 6, 274-5]

[17] [Dựa trên The Cambridge Ancient History, 7 (1928): 'The Founding of Rome', Hugh Last]

[18] Narcissism: Thuật ngữ narcissism, như nội dung câu chuyện Narcissus trong thần thoại HyLạp, chỉ tình yêu với chính mình, tự-yêu-mình. Khái niệm này đã được giới thiệu trong công trình của Freud một thời gian ngắn trước khi xuất bản "On Narcissism: An Introduction" (1914c). Bài viết này là một phản ứng với bốn vấn đề liên quan: những khó khăn gặp phải trong phân tâm học trong khi làm việc với neurotics, những tranh cãi với Jung, người bảo vệ ý tưởng về sự hiệp nhất của năng lượng tâm lý (unity of psychic energy), tranh luận với Adler về vai trò của "phản đối nam tính" (masculine protest) trong sự hình thành triệu chứng, và trên tất cả là sự quan tâm ngày càng tăng của Freud về những bệnh rối loạn tâm thần (psychoses), mở đường cho việc nghiên cứu ego (1923a).

Đưa ra khái niệm của quá-yêu-chỉ-mình, Freud (1914c) có ý định cho thấy bốn hiện tượng khác nhau có liên quan như thế nào: narcissism như sự suy bại, lầm đường về tình dục; narcissism như một giai đoạn phát triển tâm lý; narcissism là sự truyền nghị lực cho libido; và narcissism là sự lựa chọn đối tượng. Ông cũng mô tả một ego lý tưởng là người thừa kế của narcissism trẻ con và như một cơ năng tâm linh tự-quan sát. Hai khái niệm này sẽ được Freud về sau khai triển chi tiết.

Trong trường hợp của narcissism là sự lựa chọn đối tượng: một người yêu thương "(a) những gì là chính hắn (tức là chính người ấy), (b) những gì hắn đã là, (c) những gì bản thân hắn muốn giống như, trở nên, sẽ là, (d) người nào đó đã từng là một phần của chính hắn".

[19] Coenaesthesias – hay coenesthesia, coenesthesis, cenesthesia, cenesthesis

[20] tiếng Đức trong bản Anh ngữ: “. . . Es freue Sich. Wer da atmet rosigten im Licht”. Schiller - ‘Der Taucher’

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (3)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương II

Trong Tương lai của một Ảo tưởng của tôi, tôi đã quan tâm rất ít về những nguồn sâu xa nhất của xúc cảm tôn giáo, không nhiều như về những gì con người thông thường hiểu tôn giáo của mình – với hệ thống những giáo lý và những hứa hẹn vốn một mặt giải thích cho hắn những câu đố khó hiểu của thế giới này với sự toàn vẹn đáng thèm thuồng, và mặt kia, đảm bảo với hắn rằng một Gót phù trợ [1] cẩn thận sẽ dõi theo cuộc đời của hắn, và sẽ đền bù cho hắn trong một đời sống tương lai bất kỳ thất bại nào hắn chịu khổ nơi đây.

Con người thông thường không thể tưởng tượng Gót phù trợ này một cách nào khác hơn trong hình ảnh của một người cha vĩ đại cao vời. Chỉ có một hữu thể như vậy mới có thể hiểu được nhu cầu của con cái của loài người, và có thể làm mềm lòng được bằng lời cầu nguyện của họ, và ngôi ngoai bớt giận dữ bởi những dấu hiệu của sự hối hận của họ.

Toàn bộ sự việc rõ rành rành là quá đỗi trẻ con, quá đỗi xa lạ với thực tại, đến nỗi với bất cứ ai có một thái độ thân thiện với nhân loại là đau đớn khi nghĩ rằng đại đa số những kẻ trong tử sinh đó sẽ không bao giờ có thể vượt lên trên quan điểm này của đời sống. Điều lại còn xấu hổ hơn nữa khi khám phá có một số lớn đến như thế nào gồm những người đương sống ngày nay, những người không thể chỉ thấy rằng tôn giáo này là không biện hộ, bảo vệ được, tuy nhiên cố gắng để bảo vệ nó từng mảnh một, trong một loạt những hành động tháo chạy chống trả sau lưng đáng khinh.

Một người sẽ thích lẫn vào giữa hàng ngũ của những tín đồ ngõ hầu gặp những triết gia này, là những người nghĩ rằng họ có thể giải cứu Gót của tôn giáo bằng cách thay thế ông với một nguyên lý trừu tượng, mờ ảo ẩn hiện, không cá tính người, và để nói với những tín đồ những lời cảnh cáo: “Ngươi

chớ lấy tên của Đấng là Gót của ngươi để làm chuyện chơi". Và nếu một vài trong số những người tên tuổi của quá khứ đã hành động cùng một lối, không thể gọi thí dụ về họ để làm một trưng dẫn: chúng ta biết tại sao họ đã buộc phải thế.

Chúng ta hãy cùng trở lại với con người thông thường và với tôn giáo của anh ta - tôn giáo độc nhất vốn nó phải mang tên gọi đó. Việc đầu tiên mà chúng ta nghĩ đến là câu nói quen biết của một trong những nhà thơ lớn và nhà tư tưởng của chúng ta liên quan đến quan hệ giữa tôn giáo với nghệ thuật và khoa học:

Ai là người sở hữu khoa học và nghệ thuật cũng có tôn giáo;

Nhưng ai là người không sở hữu một nào cả trong hai, hãy để hắn có tôn giáo! [2]

Câu nói này, về một mặt, vẽ một phản đề giữa tôn giáo và hai thành tựu cao nhất của con người, và mặt kia, khẳng định rằng, đối với giá trị của chúng trong đời sống, những thành tựu đó và tôn giáo có thể đại diện hoặc thay thế lẫn nhau. Nếu chúng ta khởi đầu cũng định tước mất khỏi con người thông thường (người không có khoa học mà cũng chẳng có nghệ thuật) tôn giáo của anh ta, chúng ta rõ ràng sẽ không có uy tín nhà thơ về phía chúng ta.

Chúng ta sẽ chọn một lối đặc biệt để đưa chúng ta đến gần hơn một sự hiểu biết giá trị những từ của ông. Đời sống, như chúng ta thấy, nó quá khó cho chúng ta; nó mang đến cho chúng ta quá nhiều những đau đớn, những thất vọng và những công việc không thể làm được. Ngõ hầu để gánh vác nó, chúng ta không thể miễn trừ những biện pháp xoa dịu đỡ đau. "Chúng ta không thể làm mà không có những xây dựng phụ trợ", như Theodor Fontane [3] bảo chúng ta.

Có lẽ có ba biện pháp giống như thế: những tiêu khiển mạnh mẽ, vốn làm

khổ sở của chúng ta nhẹ đi; những thỏa mãn thay thế, vốn làm giảm thiểu nó, và những chất say sưa, làm cho chúng ta vô cảm với nó. Một điều gì đó thuộc loại này là không thể thiếu [4].

Voltaire có những tiêu khiển làm khuây khỏa trí não khi ông kết thúc Candide với lời khuyên mỗi người hãy trồng tỉa vườn cây của mình; và hoạt động khoa học cũng là một sự tiêu khiển của loại này. Những thỏa mãn thay thế, như được nghệ thuật cung cấp, là những ảo tưởng trái ngược với thực tại, nhưng chúng không kém hiệu quả tâm lý chút nào, nhờ vào vai trò mà fantasy [5] đã đảm đương trong đời sống tinh thần. Những chất say sưa ảnh hưởng đến cơ thể của chúng ta và thay đổi hóa học của nó. Đó không là vấn đề đơn giản để xem tôn giáo có vị trí của nó ở đâu trong chuỗi này. Chúng ta phải nhìn ra ngoài xa hơn.

Câu hỏi về mục đích của đời người đã được nêu lên nhiều lần không đếm nổi; nó vẫn chưa từng bao giờ nhận được một câu trả lời thỏa đáng, và có lẽ sẽ không nhận được lấy một. Một vài trong những người hỏi câu hỏi đó, đã thêm rằng nếu như kết quả xoay thành đời sống không có mục đích, nó sẽ mất hết tất cả giá trị với họ. Nhưng đe dọa này không thay đổi được gì.

Có vẻ, về ngược lại, như thể người ta có một quyền gạt bỏ câu hỏi, bởi vì nó có vẻ xuất phát từ sự tự cao tự phụ của con người, nhiều những biểu hiện khác của nó chúng ta đã quen thuộc rồi.

Không có ai nói về mục đích của đời sống của loài vật, trừ khi, có lẽ, nó có thể được giả định nằm trong tư thế phục vụ cho con người. Nhưng quan điểm này cũng không biện hộ được, vì có nhiều loài động vật mà con người không thể làm được gì cả, ngoại trừ việc mô tả, phân loại, và nghiên cứu chúng; và vô số loài động vật đã trốn thoát ngay cả điều này, bởi vì chúng đã tồn tại và trở thành tuyệt chủng trước khi con người đặt mắt nhìn chúng.

Lại một lần nữa, chỉ tôn giáo có thể trả lời câu hỏi về mục đích của đời sống.

Người ta khó có thể sai lầm khi kết luận rằng ý tưởng đời sống có một mục đích là chìm và nổi với và chỉ có trong hệ thống tôn giáo.

Do đó chúng ta sẽ chuyển đến câu hỏi kém tham vọng hơn về những gì là mục đích và ý định của đời sống của con người qua ứng xử của họ tự cho thấy. Họ đòi hỏi gì từ đời sống và mong đạt được gì ở trong đó? Câu trả lời cho điều này khó có thể bị nghi ngờ. Họ dồn nhắm vào hạnh phúc; họ muốn trở nên hạnh phúc và giữ tiếp được như vậy. Nỗ lực này có hai mặt, một mục tiêu tích cực và một tiêu cực.

Một mặt, nó hướng mục tiêu đến một sự vắng mặt của đau đớn và khó chịu bực mình, và mặt kia, hướng đến kinh nghiệm có những xúc cảm mạnh mẽ của khoái trá sung sướng. Trong ý nghĩa hẹp hơn của nó, từ “hạnh phúc” chỉ liên quan đến điều sau. Phù hợp với sự phân đôi này trong mục tiêu của mình, hoạt động của con người phát triển theo hai hướng, tương ứng khi nó tìm kiếm để nhận ra - trong chính yếu, hoặc thậm chí chỉ chuyên vào - một trong hai mục tiêu này.

Như chúng ta thấy, những gì quyết định mục đích của đời sống chỉ đơn giản là chương trình của nguyên tắc lạc thú. Nguyên tắc này chi phối hoạt động của bộ máy trí não từ khởi đầu. Không thể có nghi ngờ nào về sự hữu hiệu của nó, và dẫu chương trình của nó là bướng bỉnh tranh chấp với toàn bộ thế giới, với những cực lớn cũng nhiều như với những cực nhỏ. Không có cơ hội nào cả về sự nó thực hiện được cho xong hết; tất cả những quy định của vũ trụ chạy ngược chiều với nó. Người ta cảm thấy nghiêng về nói rằng chủ định để con người sẽ được “vui sướng” không được gồm trong kế hoạch của “Sáng tạo”.

Những gì chúng ta gọi là sự vui sướng trong ý nghĩa chặt chẽ nhất, đến từ sự thỏa mãn (tốt nhất là đột ngột) của những nhu cầu vốn chúng đã bị ngăn dồn ứ đến một mức độ cao, và là từ bản chất của nó, nó chỉ có thể có được như một hiện tượng từng đoạn, không liên tục.

Khi bất kỳ tình huống nào được nguyên tắc lạc thú mong muốn và được kéo dài, nó chỉ tạo ra một xúc cảm thỏa mãn dịu nhẹ. Chúng ta đã được tạo dựng đến nỗi chúng ta chỉ có thể rút ra được vui thú mãnh liệt từ một tương phản, và rất ít từ một trạng thái của những sự vật [6].

Thế nên những khả năng của chúng ta về hạnh phúc là đã bị sự tạo dựng của chúng ta hạn chế rồi. Không-vui-sướng thì trải qua rất ít khó khăn hơn. Chúng ta bị đe dọa với đau khổ từ ba hướng: từ cơ thể của riêng chúng ta, cuối cùng tất phải thối rữa và phân hủy, và thậm chỉ nó lại không thể không đi kèm đau đớn và khắc khoải như những dấu hiệu báo trước; từ thế giới bên ngoài, có thể cuồng nộ chống lại chúng ta với những sức mạnh áp đảo và tàn nhẫn của tàn phá; và cuối cùng từ những quan hệ của chúng ta với những con người khác.

Sự đau khổ đến từ nguồn cuối này có lẽ với chúng ta là đau đớn hơn so với bất kỳ nguồn nào khác. Chúng ta có xu hướng xem nó như một loại thêm thắt vô cớ, một phụ kiện thừa thãi, mặc dù so với đau khổ đến từ đâu đâu khác, nó không thể là kém bất kỳ tính định mệnh không thể tránh được nào.

Đó là không tự hỏi, nếu dưới áp lực của những khả năng của đau khổ này, con người thành thói quen điều hòa những tham vọng của mình với hạnh phúc - cũng đúng như nguyên tắc lạc thú, quả thật vậy, dưới ảnh hưởng của thế giới bên ngoài, tự nó đã thay đổi thành nguyên tắc thực tế khiêm tốn hơn - , nếu một người nghĩ mình hạnh phúc chỉ đơn thuần là đã tránh khỏi sự bất hạnh, hoặc đã còn được sống sót sau đau khổ của mình, và nếu trong tổng quát, công việc tránh đau khổ đẩy công việc nhận vui sướng ra sau hậu trường.

Suy tưởng phản ảnh cho thấy sự hoàn thành công việc này có thể được gắng gỏi theo những con đường rất khác nhau, và tất cả những con đường này đã được nhiều trường phái khác nhau của khôn ngoan thế gian khuyên bảo giới thiệu, và có nhiều người đã đưa vào thực hành.

Một sự thỏa mãn không bị hạn chế với mỗi nhu cầu trình bày chính nó như là phương pháp hấp dẫn nhất để dẫn đạo đời một người, nhưng nó có nghĩa đặt vui thú trước thận trọng, và chẳng mấy chốc mang hình phạt riêng của nó lại.

Những phương pháp khác, trong đó tránh khó chịu không vui là mục đích chính, được phân biệt theo nguồn gốc của sự khó chịu không vui mà chú ý của họ chủ yếu quay hướng về. Một vài những phương pháp này là cực đoan và một vài là ôn hòa; một vài là một chiều, và một vài tấn công vấn đề ở nhiều điểm cùng một lúc.

Chống lại đau khổ vốn có thể đến với một người từ những quan hệ con người, sự phòng chống sẵn sàng nhất là tự nguyện cách ly, giữ mình xa cách người khác. Hạnh phúc có thể đạt được dọc theo lối này, như chúng ta thấy, là hạnh phúc của sự tĩnh lặng. Chống lại thế giới hãi hùng bên ngoài, một người chỉ có thể bảo vệ chính mình bằng một vài loại thuộc kiểu quay đi cho xa khỏi nó, nếu người ta định giải quyết công việc tự một mình.

Có đó, quả thật vậy, lối khác và tốt hơn: đó là trở nên một thành viên của cộng đồng nhân loại, và với sự giúp đỡ của một kỹ thuật được khoa học hướng dẫn, xem xét sự tấn công chống trả thiên nhiên và đặt thiên nhiên dưới ý chí con người. Sau đó, một người làm việc với tất cả, vì lợi ích của tất cả. Nhưng những phương pháp đáng chú ý nhất của sự ngăn tránh đau khổ là của những phương pháp mà chúng tìm cách ảnh hưởng đến cơ cấu sinh vật của chúng ta.

Trong phân tích vừa mới qua, tất cả khổ đau là không có gì khác hơn ngoài sự xúc cảm, nó chỉ tồn tại chừng nào chúng ta cảm thấy nó, và chúng ta chỉ cảm thấy nó trong hệ quả của những đường lối nhất định, trong đó cấu trúc sinh vật của chúng ta bị quy định.

Thô sống nhất, nhưng cũng hiệu quả nhất trong những phương pháp tạo ảnh

hưởng này là một phương pháp hóa học – uống chất gây say. Tôi không nghĩ rằng có bất cứ ai hoàn toàn hiểu được cơ chế của nó, nhưng một sự kiện là có những chất lạ, khi hiện diện trong máu hoặc mô tế bào, trực tiếp gây cho chúng ta những cảm giác thích thú, và chúng cũng thay đổi những điều kiện quản trị sự nhạy cảm của chúng ta khiến chúng ta trở thành không có khả năng để tiếp nhận những xung lực không thích thú.

Hai hiệu ứng không chỉ xảy ra đồng thời, nhưng dường như ràng buộc mật thiết với nhau. Nhưng phải có những thực chất trong kết cấu hóa học của cơ thể của chính chúng ta, chúng có những tác dụng tương tự, bởi vì chúng ta biết ít nhất một trạng thái bệnh lý, mania [7], trong đó một điều kiện tương tự như say sưa phát sinh mà không có cho uống bất kỳ loại thuốc uống say sưa độc hại nào.

Bên cạnh điều này, đời sống tinh thần bình thường của chúng ta trưng bày những dao động giữa một thoát mở tương đối dễ dàng của niềm vui và một thoát mở tương đối khó khăn, song song với điều đó có một giảm bớt đi hoặc một tăng lên sự cảm thụ với khó chịu không vui. Rất đáng tiếc khía cạnh nhiễm say sưa này của tiến trình trí não cho đến nay đã tránh thoát nghiên cứu khoa học.

Dịch vụ đem lại từ những môi chất làm say sưa [8] này trong phấn đấu cho hạnh phúc, và trong giữ đau khổ ở cách một khoảng xa, là được ước vọng rất cao như một phúc lợi mà những cá nhân và và đám đông đều như nhau đã cho chúng một chỗ vững chãi trong nền kinh tế của libido [9] của họ. Chúng ta nợ những môi chất làm say sưa loại giống như vậy không chỉ đơn thuần là thu hoạch trực tiếp của niềm vui, nhưng cũng còn một mức độ độc lập với thế giới bên ngoài được khao khát rất lớn. Bởi vì người ta biết rằng, với sự giúp đỡ của chất “đánh chìm những bận lòng” [10] này, một người bất kỳ lúc nào cũng có thể rút khỏi áp lực của thực tại, và tìm trú ẩn trong một thế giới của một người riêng, với những điều kiện tốt hơn về sự nhạy cảm.

Như được biết rõ, chính là do thuộc tính này của những chất gây say nó cũng quyết định sự nguy hiểm và gây thương tích của chúng. Chúng có trách nhiệm, trong những trường hợp nhất định, cho sự phí phạm vô ích một phần chia lớn của sinh lực vốn có thể đã được sử dụng vào sự cải thiện của đám đông nhân loại.

Cấu trúc phức tạp của bộ máy trí não của chúng ta, tuy nhiên, chấp nhận cả toàn bộ một số những ảnh hưởng khác. Cũng đúng như khi một thỏa mãn của bản năng đem hạnh phúc đến cho chúng ta, nên khổ đau khốc hại sinh ra cho chúng ta nếu thế giới bên ngoài để chúng ta thiếu ăn, nhịn đói, nếu nó từ chối không thỏa mãn chán ngấy những nhu cầu của chúng ta. Do đó người ta có thể hy vọng sẽ thoát khỏi được một phần của những đau khổ của người ta, bằng cách ảnh hưởng trên những xung động bản năng.

Đây là loại bảo vệ chống đau khổ thôi không còn được áp dụng cho bộ máy cảm giác, nó tìm cách để làm chủ những nguồn gốc bên trong của những nhu cầu chúng ta. Hình thức cực đoan của điều này là nguyên nhân xảy ra làm giết sạch những bản năng, như được sự khôn ngoan thế gian của phương Đông kê đơn, và được thực hành trong Yoga.

Nếu như nó thành công, đó là sự thật, sau đó chủ thể cũng từ bỏ tất cả những hoạt động khác nữa - ông đã hy sinh đời mình, bằng con đường khác, và một lần nữa ông chỉ đạt được hạnh phúc của sự tĩnh lặng. Chúng ta theo con đường tương tự, khi mục tiêu của chúng ta ít cực đoan hơn, và chúng ta chỉ thử cố gắng kiểm soát đời sống bản năng của chúng ta. Trong trường hợp đó, những yếu tố kiểm soát là những tác lực tinh thần cao hơn, vốn tự thân chúng là đối tượng của nguyên tắc thực tế.

Ở đây, mục tiêu của sự thỏa mãn là hoàn toàn tất cả tuyệt không có nghĩa buông bỏ; nhưng một số lượng nhất định của sự bảo vệ chống lại đau khổ được nắm giữ, trong sự không-thỏa mãn đó, đau đớn không phải chịu cảm nhận đến thế, như trong trường hợp của những bản năng giữ phụ thuộc như

trong những trường hợp của những không-bị-cấm-đoán. Như chống lại điều này, có một giảm thiểu không chối cãi trong tiềm năng của vui hưởng thích thú. Xúc cảm về hạnh phúc xuất phát từ sự thỏa mãn của một thúc đẩy có tính bản năng man dã, không uốn nắn, đến từ ego, thì dữ dội hơn không thể sánh với cái xuất phát từ một sự thỏa mãn đến ngấy một bản năng đã được thuần hóa. Những khôn cưỡng được của những bản năng đồi trụy, và có lẽ sự hấp dẫn nói chung của những thứ bị cấm, tìm thấy một giải thích về lợi hại hơn thiệt ở đây.

Một kỹ thuật khác để ngăn chống đau khổ là sử dụng những chuyển dịch vị trí của libido, vốn bộ máy trí não của chúng ta cho phép làm, và qua đó chức năng của nó thu gặt được sự mềm dẻo rất nhiều. Công việc ở đây là là chuyển đổi những mục tiêu bản năng theo một cách sao cho chúng không thể trồi lên va đầu với thất vọng từ thế giới bên ngoài. Trong điều này, sự thăng hoa của những bản năng [11] giúp tay hỗ trợ của nó. Người ta gặt hái được nhiều nhất, nếu như người ta có thể nâng cao đầy đủ năng suất của niềm vui từ những nguồn của công việc thuộc về tinh thần và trí tuệ. Khi được như vậy, số phận ít có thể làm được gì với một người.

Một sự thỏa mãn của loại này, chẳng hạn như niềm vui của một nghệ sĩ trong sáng tạo, trong việc đem cho ra khối lượng những tưởng tượng lạ lùng của ông, hoặc của một nhà khoa học trong việc giải quyết vấn đề hay khám phá những sự thật, có một tính chất đặc biệt mà chúng ta chắc chắn một ngày sẽ có thể mô tả trong những thuật ngữ khoa lý thuyết ức đoán tâm lý [12].

Lúc này đây, chúng ta chỉ có thể nói tượng trưng rằng những thỏa mãn như vậy có vẻ “thanh hơn và cao hơn”. Nhưng cường độ của chúng là dịu nhẹ so với của những có nguồn gốc từ thỏa mãn chán ngấy những xung động bản năng thô dã và nguyên sơ; nó không làm chấn động sinh mạng vật lý của chúng ta. Và điểm yếu của phương pháp này là nó không áp dụng được một cách tổng quát: chỉ với một số ít người có thể đạt đến nó.

Nó tiền giả định là bao hàm một sở hữu của những phân bối và những quà tặng đặc biệt, vốn với bất kỳ mức độ thực tế nào, chúng là rất xa mới thành phổ thông. Và ngay cả với một số ít người quả thực sở hữu chúng, phương pháp này không thể đem cho sự bảo vệ hoàn toàn khỏi khổ đau. Nó không tạo ra áo giáp không thể xuyên thủng nào để chống lại những mũi tên của số mệnh, và nó có thói quen thất bại khi nguồn gốc của khổ đau là cơ thể của riêng của một người [13].

Trong khi trình tự này đã rõ ràng cho thấy một dự định để làm một người độc lập với thế giới bên ngoài, bằng tìm kiếm sự thỏa mãn ở bên trong, những tiến trình thuộc về tinh thần, trình thức tiếp theo sẽ đem phơi ra những đặc trưng đó lại còn mạnh mẽ hơn. Trong nó, sự liên kết với thực tại vẫn còn lỏng lẻo hơn nhiều nữa, thỏa mãn là thu được từ những ảo tưởng, chúng được nhận thức như thể không có sự khác biệt giữa chúng và thực tại được cho phép can dự với sự vui hưởng.

Khu vực mà từ đó những ảo tưởng này nổi lên là đời sống của sự tưởng tượng; vào thời gian khi sự phát triển của ý thức về thực tại đã xảy ra, khu vực này đã được bày tỏ được miễn trừ khỏi những đòi hỏi của thử nghiệm-thực tại, và đã được đặt riêng ra cho mục đích của những ao-ước-mong-thỏa-mãn [14] vốn chúng là đã khó khăn để thực hiện cho được.

Đứng đầu trong những thỏa mãn này thông qua fantasy là sự vui hưởng của những tác phẩm nghệ thuật – một thích thú vui hưởng, vốn do tác nhân của nghệ sĩ, được làm cho ngay cả những người tự họ không thuộc giới sáng tạo cũng tiếp cận được [15]. Ai là người có thể tiếp thụ được ảnh hưởng của nghệ thuật không thể đặt một giá trị quá cao cho nó như là một nguồn vui và an ủi trong đời sống. Dù sao đi nữa, sự gây mê nhẹ gây ra trong chúng ta bằng nghệ thuật không có thể làm hơn được ngoài đem ra một rút lui tạm thời ngắn ngủi khỏi áp lực của những nhu cầu của sống còn, và nó không đủ mạnh để làm cho chúng ta quên đi đau khổ thực sự.

Một trình tự khác, hoạt động đầy năng lực mạnh mẽ hơn và thông quán toàn diện hơn. Nó nhìn thực tại như là kẻ địch độc nhất, và như nguồn gốc của tất cả mọi khổ đau, vốn không thể nào có thể sống được với nó, thế nên người ta phải cắt đứt tất cả những quan hệ với nó, có thế người ta mới có hạnh phúc dù là trong cách bất kỳ nào đi nữa. Vị đạo sĩ ẩn tu quay lưng ông lại với thế giới, và sẽ không có trao đổi mặc cả nào với nó. Nhưng người ta có thể làm nhiều hơn thế; người ta có thể cố gắng tái tạo thế giới, để xây lên thay vào trong chỗ đứng của nó một thế giới khác, trong đó những nét đặc biệt nào của nó không thể chịu đựng được bị loại bỏ, và thay thế bằng những cái khác phù hợp với mong ước của riêng một người.

Nhưng bất cứ là ai, trong thách thức tuyệt vọng, bát đầu hành trình trên lối này để đến hạnh phúc, như một quy luật sẽ không đạt được gì cả. Thực tại là quá mạnh với anh ta. Anh trở thành một người điên, một người trong hầu hết mọi phần không tìm thấy được một ai giúp anh trong việc thực hiện qua trọn những ảo tưởng của anh ta.

Tuy nhiên, điều được xác định là mỗi người trong chúng ta hành xử trong một cách, dưới cái nhìn của người khác, như một kẻ bị bệnh hoang tưởng [16], sửa chữa một vài khía cạnh của thế giới vốn anh ta không thể chịu đựng được, bằng sự xây dựng một ao ước và đưa ảo tưởng này vào trong thực tại.

Một tầm quan trọng đặc biệt gắn với trường hợp vốn trong đó cố gắng này nhằm kiếm chác một chắc chắn của hạnh phúc, và một bảo vệ chống lại đau khổ, qua một sự trộn khuôn đúc lại ảo tưởng cho thực tại, được một số lượng đáng kể con người nói chung đem thực hiện. Những tôn giáo của nhân loại phải được xếp vào trong số những ảo tưởng của quần chúng thuộc về loại này. Không một ai, không cần phải nói, là người chia sẻ một ảo tưởng đã từng bao giờ công nhận nó là như thế.

Tôi không nghĩ rằng tôi đã thực hiện một liệt kê đầy đủ những phương pháp,

vốn qua chúng con người gắng gỏi để dành hạnh phúc và giữ đau khổ ở xa, và tôi cũng biết nữa, rằng chất liệu đã có thể được sắp xếp một cách khác đi. Một trình tự tôi đã vẫn chưa đề cập - không phải tôi đã quên nó, nhưng vì nó sẽ là quan tâm của chúng ta sau này trong một kết nối khác.

Và làm sao người ta lại có thể quên được, trong tất cả những gì khác, kỹ thuật này trong nghệ thuật sống? Nó nổi bật dễ thấy vì một sự kết hợp đáng chú ý nhất của những tính năng đặc trưng. Cũng thế, dĩ nhiên nó có mục tiêu nhắm làm cho chủ thể độc lập với Số Phận [17] (tốt nhất là gọi nó như thế), và đến cuối cùng đó, nó tìm ra chỗ của sự thỏa mãn trong những tiến trình trí não nội bộ, trong khi làm như vậy, đem sử dụng sự chuyển đổi của libido mà chúng ta đã nói.

Nhưng nó không quay lưng lại với thế giới bên ngoài; trái lại, nó bám vào những đối tượng thuộc thế giới đó và thu nhận được hạnh phúc từ một quan hệ xúc cảm với chúng. Cũng không phải nó hài lòng với mục tiêu nhắm một sự tránh khó chịu không vui - một mục đích, như chúng ta có thể gọi nó, thuộc sự cam chịu mệt mỏi; nó vượt qua điều này bằng cách không chú ý nhiều và không giữ chặt với cái nguyên bản, phấn đấu đầy đam mê cho một thực hiện tích cực của hạnh phúc. Và có lẽ nó thực sự đến gần với mục tiêu này hơn bất kỳ phương pháp khác.

Tất nhiên, tôi đương nói về cách sống vốn nó lấy tình yêu làm trung tâm của tất cả mọi thứ, vốn nó tìm kiếm tất cả sự thỏa mãn trong yêu thương và được thương yêu. Một thái độ tâm lý thuộc loại này đủ tự nhiên đến với tất cả chúng ta; một trong những hình thức mà trong đó tình yêu tự nó thể hiện - tình yêu tính dục [18] - đã cho chúng ta kinh nghiệm mạnh mẽ nhất của chúng ta về một cảm giác tràn ngập lạc thú, và như thế đã trang bị cho chúng ta với một mô hình trong săn tìm hạnh phúc của chúng ta.

Còn điều gì tự nhiên hơn là chúng ta nên kiên trì khi tìm kiếm hạnh phúc dọc theo con đường mà chúng ta đầu tiên trên đó đã chạm mặt nó? Mặt yếu của

kỹ thuật sống này dễ dàng nhận thấy; nếu không không có con người nào sẽ nghĩ đến việc bỏ con đường đến hạnh phúc này với bất kỳ gì khác. Đó là chúng ta không bao giờ bỏ ngỏ không phòng vệ đến thế trong chống lại đau khổ, như khi chúng ta yêu thương, không bao giờ bị bất hạnh trong bất lực không sao giúp đỡ được đến thế, như khi chúng ta đánh mất đối tượng yêu thương của chúng ta, hay tình yêu của nó. Nhưng điều này không gạt bỏ đi kỹ thuật sống dựa trên giá trị của tình yêu như là một phương tiện để hạnh phúc. Có nhiều hơn nữa để nói về nó. (Xem dưới đây – ở chương V)

Từ đây, chúng ta có thể tiếp tục xem xét trường hợp thú vị, trong đó hạnh phúc trong đời sống là chủ yếu tìm trong việc vui hưởng về cái đẹp, bất cứ chỗ nào vẻ đẹp tự trình bày với những giác quan của chúng ta và phán đoán của chúng ta - vẻ đẹp của những hình dạng và động tác của con người, của những đối tượng và những phong cảnh thiên nhiên, và của những sáng tạo của nghệ thuật và ngay cả của khoa học.

Thái độ thẩm mỹ này cho mục tiêu của đời sống cung cấp rất ít bảo vệ chống lại những mối đe dọa của đau khổ, nhưng nó có thể bù đắp rất lớn lao. Việc vui hưởng cái đẹp có một phẩm chất gây ngộ độc nhẹ, đặc thù của xúc cảm. Cái đẹp không có công dụng rõ ràng; cũng chẳng có bất kỳ nhu cầu rõ ràng nào về văn hóa cho nó. Thế nhưng văn minh không thể không có nó.

Khoa học về thẩm mỹ điều tra những điều kiện theo đó những sự vật được cảm thấy là đẹp, nhưng nó đã không có khả năng đưa ra bất kỳ giải thích nào về bản chất và nguồn gốc của cái đẹp, và giống như thường thường xảy ra, thiếu thành công được giấu dưới một dòng tuôn chảy những từ vang dội và trống rỗng. Đáng tiếc, khoa phân tích tâm lý cũng chẳng có chút gì để nói về cái đẹp cả. Tất cả những gì có vẻ chắc chắn là sự bắt nguồn của nó từ lĩnh vực của xúc cảm tính dục.

Tình yêu về cái đẹp xem ra là một thí dụ hoàn hảo về một thúc đẩy bị ức chế trong mục tiêu của nó. “Cái đẹp” và “thu hút” [19] là những thuộc tính ban

đầu được gán vào đối tượng tính dục. Điều đáng được ghi nhận lại, là tự thân những bộ phận sinh dục, ảnh tượng của chúng là luôn luôn phấn khích, tuy nhiên hầu như không bao giờ được đánh giá là đẹp; thay vào đó, phẩm chất thuộc vẻ đẹp dường như gắn vào những đặc tính tính dục thứ yếu hạng nhì nào đó.

Mặc dù liệt kê của tôi không đầy đủ. Tôi sẽ liều lĩnh với một ít nhận xét như một kết luận cho sự thăm dò của chúng ta. Chương trình của làm trở nên hạnh phúc, vốn nguyên tắc niềm vui áp đặt trên chúng ta, không thể hoàn thành được, thế nhưng chúng ta phải không – đúng vậy, chúng ta không thể - buông bỏ những nỗ lực của chúng ta để mang nó gần đến hơn sự hoàn thành bằng vài phương tiện này hay khác.

Những lối rất khác nhau có thể được lấy trong hướng đó, và chúng ta có thể dành ưu tiên hoặc là cho khía cạnh tích cực của mục tiêu, đó là dành lấy niềm vui, hoặc về khía cạnh tiêu cực của nó, đó là của tránh né khó chịu không vui. Không bằng một lối nào trong số này chúng ta có thể đạt được tất cả những gì chúng ta ao ước.

Hạnh phúc, trong ý nghĩa giảm thiểu, trong đó chúng ta nhìn nhận nó như có thể có được, là một vấn đề của kinh tế của libido từng cá nhân. Không có quy tắc vàng áp dụng chung cho tất cả mọi người: mỗi người phải tìm ra cho chính mình xem ông ta có thể được cứu trong thời thức đặc biệt cụ thể nào [20]. Tất cả mọi loại của những thành tố khác nhau sẽ hoạt động để chỉ đạo lựa chọn của ông ta.

Nó là một câu hỏi về bao nhiêu thỏa mãn thực sự ông ta có thể mong đợi lấy được từ thế giới bên ngoài, xa đến đâu ông bị dẫn đi để làm chính ông độc lập với nó, và cuối cùng, bao nhiêu sức mạnh ông cảm thấy ông có để thay đổi thế giới cho thích hợp với những ước muốn của ông. Trong điều này, thể chất tâm thần của ông sẽ đóng một phần quyết định, không đếm xỉa gi tới những hoàn cảnh bên ngoài.

Một người là người ưu thắng về gợi tình nhục dục [21] sẽ dành chọn lựa đầu tiên cho những quan hệ xúc cảm của mình với người khác; con người quá-yêu-chỉ-mình [22], người nghiêng về tự chủ độc lập, sẽ tìm kiếm những thỏa mãn chính của mình trong những tiến trình trí não bên trong ông ta; con người của hành động sẽ không bao giờ buông bỏ thế giới bên ngoài mà ông có thể thử sức mạnh của mình trên nó [23].

Đối với loại thứ hai của những loại này, bản chất của những tài năng của ông ta, và số lượng của sự thăng hoa bản năng mở ra cho ông ta, sẽ quyết định đâu là chỗ ông sẽ đặt định những chú tâm của mình. Bất kỳ lựa chọn nào nếu được đẩy đến một cực đoan sẽ bị trừng phạt bằng cách phơi mở cá nhân với những nguy hiểm vốn chúng nổi lên nếu như một kỹ thuật của sinh sống đã được chọn như là một độc nhất không nào khác, lại tỏ ra không thỏa đáng.

Cũng đúng như một doanh nhân thận trọng tránh buộc tất cả vốn của mình vào chỉ một doanh nghiệp, thế nên, có lẽ sự khôn ngoan của thế gian sẽ khuyên chúng ta đừng tìm toàn bộ sự hài lòng của chúng ta từ chỉ một nguyện vọng ao ước duy nhất.

Sự thành công của nó không bao giờ chắc chắn, bởi vì điều đó phụ thuộc vào sự hội tụ của nhiều yếu tố, có lẽ trên không gì nhiều hơn là trên khả năng của thể chất tâm linh để thích ứng những chức năng của nó với môi trường, và sau đó khai thác môi trường đó cho một thu hoạch của niềm vui.

Một người là kẻ được sinh ra với một thể chất bản năng bất lợi đặc biệt, và là người đã không được hợp thức trải qua sự chuyển đổi và sắp xếp lại những thành phần libido của mình vốn chúng là không thể nào thiếu được cho những thành tựu sau đó, sẽ thấy khó khăn để đạt được hạnh phúc từ những tình cảnh bên ngoài của mình, đặc biệt là nếu ông phải đối mặt với những nhiệm vụ thuộc loại một vài khó khăn.

Như là một kỹ thuật cuối cùng của sinh sống, vốn nó ít nhất sẽ mang lại cho

ông ta những thỏa mãn thay thế, ông được cung cấp một thứ trốn chạy vào những bệnh thần kinh - một trốn chạy mà ông thường hoàn thành khi ông vẫn còn trẻ. Người nhìn thấy theo đuổi hạnh phúc của mình không đi đến gì cả trong những năm về sau vẫn có thể tìm thấy sự an ủi trong thu hoạch niềm vui từ say sưa ngộ độc mãn tính; hoặc ông ta có thể bắt đầu trên nỗ lực tuyệt vọng ở sự nổi loạn xem thấy trong một bệnh nhân psychosis [24].

Tôn giáo hạn chế cuộc chơi này của lựa chọn và thích ứng, vì nó áp đặt cùng như nhau trên tất cả mọi người, lối đi riêng của nó đến sự thụ nhận hạnh phúc và phòng chống đau khổ. Kỹ thuật của nó bao gồm trong sự dìm giá trị của đời sống xuống thành chán nản, và bóp méo bức tranh thế giới thực tại trong một phương cách huyễn tưởng – vốn tiền giả định một sự dọa dẫm trên trí thông minh.

Với giá này, bằng cách ép buộc gắn chặt chúng trong một trạng thái tinh thần ấu trĩ trẻ con, và bằng cách lôi kéo chúng vào một huyễn tưởng của đám đông, tôn giáo đã thành công trong việc tránh cho nhiều người một bệnh neurosis [25] cá nhân. Nhưng hầu như không có được bất cứ gì khác hơn nữa.

Như chúng ta đã nói, có nhiều lối vốn chúng có thể dẫn đến hạnh phúc loại như con người có thể đạt được, nhưng chẳng có lối nào vốn có thể là thế với sự chắc chắn. Ngay cả tôn giáo cũng không thể giữ lời hứa của nó. Nếu kẻ tin tưởng cuối cùng thấy chính mình buộc phải nói về những “lệnh truyền không thể hiểu được” của Gót, ông đương thú nhận rằng tất cả những gì còn lại với ông ta như một sự an ủi khả hữu cuối cùng, và nguồn của hoan lạc trong sự khổ đau của ông là một sự tuân phục vô điều kiện. Và nếu như ông ta đã được sửa soạn với điều đó, có lẽ ông đã có thể tránh cho chính ông lối đi vòng ông đã làm.

Thăm dò của chúng ta liên quan đến hạnh phúc cho đến đây đã không dạy chúng ta nhiều những gì mà đã không là kiến thức phổ thông rồi. Và ngay cả

nếu chúng ta từ đó tiến đến vấn đề tại sao là quá khó cho con người được hạnh phúc, dường như không có nhiều triển vọng hơn để học hỏi được bất cứ gì mới.

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Aug/2011)

(Còn tiếp...)

[1] Providence

[2] tiếng Đức trong bản Anh ngữ: “Wer Wissenschaft und Kunst besitzt, hat auch Religion; - Wer jene beide nicht besitzt, der habe Religion!” – Goethe, Zahme Xenien IX (Gedichte aus dem Nachass)

[3] [Vẫn chưa tìm được truy nguồn được trích dẫn này]

[4] [Trong Die Fromme Helene Wilhelm Busch cũng đã nói cùng một điều trên một diện thấp hơn: ‘Wer Sorgen hat, hat auch Likor’ – Ai là người có bận tâm cũng có rượu ngọt nữa]

[5] fantasy, hay phantasy : tưởng tượng, nhưng về những điều thường không có cơ sở thực tại. Cõ lẽ chúng ta nên dùng từ “phăng-ta-di” hay “fantasy” thì gọn hơn là diễn dịch dài dòng mà vẫn chưa hoàn toàn sát ý, nếu dịch là tưởng tượng thì quá tổng quát.

[6] [Goethe, thực vậy, báo trước chúng ta rằng “không có gì khó hơn phải gánh chịu một liên tục của những ngày tươi đẹp”.

Alles in der Welt lässt sich ertragen

Nur nicht eine Reibe von schönen Tagen. (Weimar, 1810-12.)

Nhưng điều này có thể là một cường điệu, phóng đại quá mức.]

[7] mania: hưng cảm - bệnh tâm thần đánh dấu bằng những thời kỳ phấn khích, sảng khoái, có ảo giác, và năng động thái quá (great excitement, euphoria, delusions, and overactivity). .

[8] Intoxicating media.

[9] Libido: từ của Freud – chỉ năng lực của thúc đẩy tình dục, như một bộ phận của đời sống bản năng con người. – the economics of libido là thuật ngữ đặc biệt của ông.

[10] Trong nguyên bản tiếng Đức: "Sorgenbrecher": rượu tiêu sầu.

[11] sublimation of the instincts: sự thăng hoa những bản năng – sublimation – nghĩa chữ là "nâng lên cao" đến tuyệt hảo. Từ Freud dùng để chỉ một hiện tượng trong đó có một tiến trình chuyển hướng năng lực tâm lý từ khát vọng-ego (thí dụ, thỏa mãn tình dục) - xem là thấp - sang qua sự thỏa mãn những mục tiêu văn hóa (thí dụ, nghệ thuật, xã hội) - xem là cao.

[12] metapsychological: khoa lý thuyết ức đoán tâm lý – nghiên cứu những tiến trình não thức, quan hệ não thức và cơ thể, những gì vượt quá khả năng có thể nghiên cứu thực nghiệm được.

[13] [Trong một con người, khi không có phân bối đặc biệt ghi rõ như mệnh lệnh cho thấy những quan tâm thích thú của đời sống của anh ta sẽ nhận được phương hướng nào, công việc của nghề chuyên môn thông thường là mở cửa cho tất cả mọi người có thể "chơi" phần được giao cho nó bằng lời khuyên khôn ngoan của Voltaire (nói ở trên).

Điều là không thể, trong những giới hạn của một thăm dò ngắn, để thảo luận cho đầy đủ ý nghĩa quan trọng của công việc của nền kinh tế của libido. Không có kỹ thuật nào khác cho việc tiến hành đời sống gắn chặt cá nhân

với thực tại như đặt sự nhấn mạnh trên công việc; bởi vì ít nhất là công việc của anh ta đem cho anh một chỗ vững chắc trong một phần chia của thực tại, trong cộng đồng con người.

Khả năng nó cung cấp về sự chuyển dịch một lượng lớn những thành phần libido, dù là quá-yêu-chỉ-mình (narcissistic), hung hãn (aggressive) hay ngay cả như gợi dâm (erotic), đến với công việc của nghề chuyên môn, và với những quan hệ của con người thông nối với nó, đem thêm cho nó một giá trị không có cách nào là phải xếp hàng thứ yếu, sau những gì nó vui thích như một gì đó không thể thiếu được trong sự bảo tồn và biện minh cho sự hiện hữu trong xã hội.

Hoạt động của những nghề nghiệp chuyên môn là một nguồn của sự thỏa mãn đặc biệt, nếu nó là một lựa chọn tự do -, đó à nói rằng, nếu bằng những phương tiện của sự thăng hoa, nó làm cho có khả năng xử dụng về những khuynh hướng hiện hữu, về sự dai dẳng hay tăng cường những xung lực bản năng. Và tuy thế, như là một đường dẫn đến hạnh phúc, con người không đánh giá rất cao việc làm. Họ không cố gắng theo đuổi nó như như là họ theo đuổi những khả năng khác của sự thỏa mãn.

Tuyệt đại đa số người ta chỉ làm việc dưới áp lực của sự cần thiết, và ác cảm tự nhiên này của con người với sự làm việc nêu lên những vấn đề xã hội khó khăn nhất.]

[14] fulfilling wishes : những ao ước mình ôm ấp – thường là rất khó khăn, tự biết là khó thành

[15] [Cf. 'Formulations on the two Principles of Mental Functioning' (1911b) và Lecture XXIII của tập Introductory Lectures (1916-17) của tôi]

[16] paranoia

[17] Fate : hiểu là số phận – nhưng gì xảy ra ngoài sự kiểm soát của con

người – gốc ý từ “Moirae” – nội dung trong câu chuyện ba chị em trong huyền thoại Greek: Clotho quay guồng chỉ - là chiều dài đời sống của mỗi người, Lachesis do chiều dài cho mỗi người, và Atropos cắt chỉ - khi một người đến lúc chết.

[18] sexual love: tình yêu trên cơ sở phái tính con người.

[19] [từ tiếng Đức ‘Reiz’ có nghĩa là ‘kích thích’ cũng như ‘duyên dáng’ hay ‘hấp dẫn, thu hút’. Freud đã biện luận cùng một lối trong bản đầu tiên của tập Three Essays (1905d), Standard Ed., 9,209, cũng như trong một cước chú được thêm vào công trình trên năm 1915, ibid., 156.]

[20] [cách diễn tả ở đây nhắc một câu nói của Frederick the Great: ‘trong nhà nước của ta, mỗi người đều có thể được cứu theo cách thức thời thượng riêng của hắn”. Freud đã dẫn câu này, không lâu trước đó trong Lay Analysis (1926e), Standard Ed., 20, 236.]

[21] erotic: có tính chất gợi tình nhưng là tình dục, thiên về dâm đãng – porn/pornography: dâm thư gợi dục

[22] narcissistic – narcissisim: sự chỉ yêu mình – nhưng quá đáng và thiên về hình thể, sắc diện bên ngoài, yêu hình dạnh, tướng mạo của chính mình thái quá.

[23] [Freud phát triển xa hơn nữa những ý tưởng của ông về những mẫu người khác nhau này trong luận văn của ông ‘Libidinal Types’ (193a)]

[24] psychosis: thác loạn thần kinh (?) – một rối loạn trầm trọng trong đó tư tưởng và cảm xúc bị quá hư hại nên mất hết khả năng tiếp xúc với thực tại bên ngoài.

[Cước chú thêm 1931: Tôi cảm thấy buộc phải chỉ ra ít nhất một trong những khoảng trống vẫn còn bỏ ngỏ trong giải thích ở trên. Không một thảo luận

nào về những khả năng của hạnh phúc con người mà nên bỏ qua không đem vào xem xét sự liên hệ giữa narcissism và đối tượng libido. Chúng ta cần biết được những gì là tự-tùy thuộc thiết yếu vốn nó biểu thị cho kinh tế của libido.]

[25] Neurosis: một triệu chứng bệnh tâm thần nhẹ, không có nguyên nhân sinh hóa, nó gồm những triệu chứng của chịu đựng căng thẳng từ đời sống (chán nản, lo lắng, có thái độ thái quá, sợ có những bệnh tưởng tượng), nhưng bệnh nhân không đi đến mất gốc, mất tiếp xúc với thực tại. Theo Freud, các tín đồ tôn giáo độc thần châu Âu đều mắc bệnh này..

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (4)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương III

Thăm dò của chúng ta quan tâm đến hạnh phúc cho đến đây đã không dạy chúng ta được nhiều những gì mà chưa là kiến thức phổ thông. Và ngay cả nếu chúng ta từ đó tiến đến vấn đề tại sao là quá khó cho con người được hạnh phúc, dường như không có nhiều triển vọng hơn để học hỏi được bất cứ gì mới.

Chúng ta đã trả lời rồi, bằng cách kể ba nguồn vốn đau khổ của chúng ta xuất phát từ chúng: sức mạnh vượt thắng của thiên nhiên, sự yếu nhược của cơ thể của chính chúng ta, và sự bất toàn của những quy định vốn chúng điều chỉnh những quan hệ tương hỗ của những cá nhân con người trong gia đình, nhà nước và xã hội.

Về phần hai nguồn đầu tiên, phán xét của chúng ta không thể ngần ngừ được lâu. Nó buộc chúng ta phải thừa nhận những nguồn đau khổ này và đặt mình cam chịu dưới sự bất khả. Chúng ta sẽ không bao giờ hoàn toàn làm chủ tự nhiên; và cơ cấu sinh vật cơ thể của chúng ta, chính nó là một phần của tự nhiên đó, sẽ luôn luôn còn mãi là một cấu trúc vô thường, với một khả năng hữu hạn cho sự thích ứng và sự thành tựu.

Nhìn nhận này không có tác dụng làm tê liệt. Ngược lại, nó chỉ phương hướng cho hoạt động của chúng ta. Nếu chúng ta không thể loại bỏ tất cả đau khổ, chúng ta có thể loại bỏ một số, và chúng ta có thể giảm nhẹ một phần: kinh nghiệm của hàng ngàn năm đã thuyết phục chúng ta điều đó.

Đối với nguồn thứ ba, nguồn xã hội của đau khổ, thái độ của chúng ta là khác. Chúng ta không thừa nhận nó tất cả chút nào; chúng ta không thể nhìn thấy lý do tại sao những quy định được chính chúng ta làm nên, về ngược lại, lại không là một bảo vệ và một lợi ích cho tất cả mỗi người chúng ta. Chưa hết, khi chúng ta xem xét đích xác làm thế nào chúng ta không thành

công được trong lĩnh vực này về phòng chống của đau khổ, một nghi ngờ trùm xuống chúng ta, thấy rằng quả ở đây nữa, có một mảnh không thể thắng nổi của tự nhiên có thể nằm đằng sau nó - lần này là một mảnh của cấu tạo thể chất tinh thần của chúng ta.

Khi chúng ta bắt đầu xem xét khả năng này, chúng ta đến với một luận điểm hết sức đáng ngạc nhiên khiến chúng ta ta phải suy nghĩ dài lâu hơn về nó. Luận điểm này chủ trương rằng những gì chúng ta gọi là văn minh của chúng ta chủ yếu chịu trách nhiệm về sự bất hạnh đau khổ của chúng ta, và chúng ta sẽ được nhiều hạnh phúc hơn nếu chúng ta bỏ nó đi, và quay lại với những điều kiện sống nguyên thủy. Tôi gọi đây là luận điểm đáng kinh ngạc, bởi vì dù trong bất cứ cách nào chúng ta có thể định nghĩa khái niệm văn minh, nó là một thực tế chắc chắn rằng tất cả những điều mà chúng ta tìm kiếm để bảo vệ chúng ta chống lại những mối đe dọa phát ra từ những nguồn của đau khổ là phần của chính nền văn minh đó.

Đã xảy ra thế nào khiến rất nhiều người như thế đã đi đến nhận lấy thái độ lạ lùng thù địch với văn minh này? [1] Tôi tin rằng cơ sở của nó đã là một bất mãn sâu xa và lâu dài với tình trạng của nền văn minh lúc ấy đương có, và trên cơ sở đó, một sự lên án nó đã được dựng lên theo thỉnh thoảng từng thời kỳ do một số biến cố lịch sử nào đó cụ thể. Tôi nghĩ rằng tôi biết thời kỳ nào mới nhất, và cuối cùng nhưng chỉ một trong những trường hợp đã xảy ra. Tôi không đủ kiến thức để truy nguyên chuỗi của chúng đủ xa ngược trở lại trong lịch sử của loài người, nhưng một yếu tố của loại thù địch này với văn minh đã phải từng có rồi và hoạt động trong chiến thắng của đạo Kitô trên những tôn giáo đa thần khác nó.

Bởi vì nó đã liên quan rất chặt chẽ với sự đánh giá thấp của giáo lý Kitô giáo trên sự sống trần gian này. Cuối cùng nhưng chỉ một trong những trường hợp này dã là khi những tiến bộ của chuyến viễn du hàng hải khám phá, đã dẫn đến sự tiếp xúc với những dân tộc và những giống người nguyên thủy. Trong

hậu quả của sự quan sát thiếu xót và một cái nhìn sai lạc về những phong tục và tập quán của họ, họ hiện ra với người châu Âu như đương sống một đời đơn giản, hạnh phúc với ít những nhu cầu, một đời sống giống như thế đã là không thể đạt được bởi những khách đến thăm họ, vốn có văn minh cao hơn họ rất nhiều. Kinh nghiệm sau đó đã sửa chữa một số những phán đoán này.

Trong nhiều trường hợp, những người quan sát đã sai lầm quy sự vắng mặt của những nhu cầu văn hóa phức tạp với những gì trong thực tế đã là do sự thừa thãi của thiên nhiên và do sự dễ dàng vốn những nhu cầu lớn của con người đã được thỏa mãn. Trường hợp cuối cùng là đặc biệt quen thuộc với chúng ta. Nó xuất hiện khi người ta đến để biết về cơ chế của chứng nhiễu loạn thần kinh [2], nó đe dọa làm hao mòn đến chút hạnh phúc ít ỏi mà con người văn minh được hưởng. Đã được khám phá rằng một người bị loạn thần kinh bởi vì ông ta không thể chịu đựng được số lượng của bực dọc thất vọng mà xã hội áp đặt vào ông trong công việc phục vụ những lý tưởng văn hóa của nó, và đã được suy diễn từ điều này rằng việc bãi bỏ, hoặc giảm thiểu những đòi hỏi này sẽ dẫn đến một sự trở về với những khả năng của hạnh phúc.

Ngoài ra cũng còn có thêm một yếu tố của thất vọng. Trong vài thế hệ mới vừa qua, nhân loại đã thực hiện được một tiến bộ khác thường trong những ngành khoa học tự nhiên và trong những ứng dụng kỹ thuật của chúng, và đã thiết lập sự kiểm soát của con người trên thiên nhiên trong một cách chưa bao giờ tưởng tượng có trước đó. Những bước của tiến bộ này là kiến thức phổ biến và không cần thiết phải liệt kê chúng. Con người tự hào về những thành tựu này, và có quyền được tự hào.

Tuy nhiên, họ dường như đã quan sát thấy rằng sức mạnh mới giành được này trên không gian và thời gian, sự chinh phục này của những sức mạnh thiên nhiên, đó là sự hoàn thành một khát khao đã khởi từ hàng ngàn năm về trước, nó đã không làm tăng khối lượng thỏa mãn lạc thú vốn họ có thể

mong đợi từ đời sống, và nó đã không làm cho họ cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn.

Từ nhận thức sự kiện thực tế này, chúng ta phải bằng lòng để kết luận rằng sức mạnh trên thiên nhiên không phải là điều kiện tiên quyết duy nhất của hạnh phúc con người, cũng giống như nó không phải là mục tiêu duy nhất của nỗ lực văn hóa; nhưng chúng ta phải không nên suy ra từ đó rằng tiến bộ kỹ thuật là không có giá trị kinh tế cho hạnh phúc chúng ta.

Người ta sẽ muốn hỏi: sau đó, nếu vậy có tích cực dành được niềm vui hay không, có tăng trưởng chắc chắn hay không trong xúc cảm của tôi về hạnh phúc, nếu tôi có thể, thường xuyên như tôi thích, nghe được tiếng nói của một đứa con tôi đang sống xa hàng trăm dặm, hoặc nếu tôi có thể nhận được trong thời gian ngắn nhất có thể được, sau khi một người bạn đã đạt đến đích của ông, rằng ông đã vượt qua chuyến đi dài và khó khăn không hề hấn gì?

Liệu nó có phải là không có nghĩa gì khi y học đã thành công trong việc làm giảm lớn lao tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh, và nguy cơ nhiễm trùng cho phụ nữ khi sinh con, và, thực sự, trong kéo dài đáng kể tuổi thọ trung bình của một người văn minh? Và có một danh sách dài có thể thêm vào với những lợi ích của loại này mà chúng ta có, nhờ vào thời đại rất bị kinh thường của những tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Nhưng ở đây, tiếng nói của sự phê bình bi quan tự làm nó được nghe và cảnh cáo chúng ta rằng hầu hết những thỏa mãn này theo khuôn mẫu của sự "hưởng thụ rẻ tiền" tán dương trong giai thoại – thích thú có được bằng cách rút một chân trần đang ủ dưới mền ra ngoài vào một đêm đông lạnh và sau đó đưa nó trở lại vào trong êm ấm.

Nếu như đã không có đường sắt chinh phục những khoảng cách, con tôi hẳn đã không bao giờ rời thị trấn quê hương, và tôi không cần điện thoại để nghe giọng nói của nó, nếu du hành vượt biển bằng tàu đã không được thực hiện,

bạn tôi hẳn sẽ không xuống tàu đi biển và tôi không cần một điện tín để giảm lo lắng của tôi về ông.

Giảm tỷ lệ tử vong trẻ con để làm gì khi chính sự giảm thiểu đó áp đặt hạn chế lớn nhất trên chúng ta trong sự sinh sản trẻ em, do đó, chạy trọn vòng quanh, chúng ta dù sao đi nữa vẫn không nuôi con nhiều hơn so với những ngày trước khi có sự ngự trị của vệ sinh, trong khi đồng thời chúng ta đã tạo những điều kiện khó khăn cho đời sống tính dục trong hôn nhân của chúng ta, và có thể đã làm việc chống lại những tác động có lợi của chọn lọc tự nhiên? Và, cuối cùng, tốt gì cho chúng ta có một đời dài sống lâu, nếu những niềm vui là khó khăn và cằn cỗi thưa thớt, và nếu như nó đầy những đau khổ khiến chúng ta chỉ có thể chào đón cái chết như một sự giải thoát?

Có vẻ như chắc chắn rằng chúng ta không cảm thấy thoải mái trong nền văn minh hiện nay của chúng ta, nhưng nó là rất khó khăn để hình thành một ý kiến, không biết có hay không và trong mức độ nào con người của thời trước đã cảm thấy hạnh phúc hơn, và phần nào của những điều kiện văn hóa của họ đã đóng vai trong vấn đề này.

Chúng ta sẽ luôn luôn có xu hướng xem xét sự cùng quẫn của con người một cách khách quan - đó là, đặt tự chúng ta, với những mong muốn và nhạy cảm riêng của chúng ta, trong điều kiện của họ, và sau đó xem xét những trường hợp nào chúng ta sẽ tìm thấy trong chúng để kinh nghiệm sự hạnh phúc hay bất hạnh.

Phương pháp xem xét sự vật này, mà dường như khách quan bởi vì nó bỏ qua những chuyển biến trong tính nhạy cảm chủ quan, tất nhiên, là sự chủ quan nhất có thể có, bởi vì nó đặt những trạng thái trí não của riêng một người vào vị trí của bất kỳ những người khác, không rõ suy nghĩ mà họ có thể có. Hạnh phúc, tuy nhiên, là một gì đó chủ quan về yếu tính.

Bất kể nhiều đến bao nhiêu chúng ta có thể co rúm người lại với kinh hoàng

từ những tình huống nào đó nhất định – của một nô lệ chèo chiến thuyền thời cổ, của một nông dân trong Chiến tranh Ba mươi năm [3], của một nạn nhân của Toà dị giáo Catô, của một người Do Thái chờ đợi một pogrom tàn sát – dù thế nào đi nữa, không thể nào cho chúng ta có thể cảm nhận cách thức của chúng ta đưa vào bên trong những con người như vậy – tiên đoán những thay đổi vốn của sự khó hiểu nguyên ủy của não thức, một tiến trình u mê dần dần, sự thôi ngừng những mong đợi, và những phương pháp thô sống hơn hoặc nhiều tinh luyện hơn của sự đánh thuốc mê đã tạo ra trên sự tiếp nhận của họ với những xúc cảm của niềm vui và của khó chịu không vui. Hơn nữa, trong trường hợp của khả năng khắc nghiệt nhất của đau khổ, những thiết bị bảo vệ trí não đặc biệt được đưa vào hoạt động. Dường như với tôi không có lợi để theo đuổi khía cạnh này của vấn đề xa thêm nữa.

Giờ là lúc chúng ta chuyển chú ý của chúng ta sang bản chất của nền văn minh này vốn nghi ngờ đã được ném xuống giá trị của nó như những phương tiện đến hạnh phúc. Chúng ta sẽ không tìm một công thức, trong đó diễn đạt bản chất đó trong một vài từ, cho đến khi chúng ta đã học được một vài điều gì đó bằng cách khảo sát nó.

Do đó chúng ta sẽ tự hài lòng nói một lần nữa rằng từ “văn minh” [4] mô tả toàn bộ tổng số những thành tựu và những quy định vốn chúng phân biệt đời sống của chúng ta với của những động vật tổ tiên của chúng ta, và chúng phục vụ hai mục đích - đó là để bảo vệ con người chống lại thiên nhiên, và điều chỉnh những quan hệ hỗ tương của họ [5].

Để học hỏi thêm, chúng ta sẽ mang cùng lại những đặc điểm riêng lẻ khác nhau của văn minh, như chúng được phô bày trong những cộng đồng nhân loại. Khi làm như vậy, chúng ta sẽ không do dự trong việc để chính mình được hướng dẫn bởi cách sử dụng ngôn ngữ, như cũng còn được gọi là, là xúc cảm ngôn ngữ, trong niềm tin rằng chúng ta như vậy sẽ thực hiện được công lý với sự sáng suốt bên trong vốn nó vẫn còn thách thức sự biểu hiện

trong những từ trừu tượng.

Giai đoạn đầu tiên là dễ dàng. Chúng ta nhìn nhận như văn hóa tất cả những hoạt động và những nguồn lực vốn chúng hữu dụng cho con người để làm trái đất trở nên xử dụng được với họ, để bảo vệ họ chống lại cuồng bạo của những sức mạnh tự nhiên, và vân vân như vậy. Về mặt này của nền văn minh, hiếm có thể có bất kỳ nghi ngờ nào. Nếu chúng ta quay về ngược đủ xa, chúng ta thấy rằng những hành động có văn minh đầu tiên là việc sử dụng những dụng cụ, đạt được sự điều khiển lửa và sự xây dựng những cư trú.

Trong số này, sự làm chủ được lửa nổi bật lên như là một thành tựu hoàn toàn khác thường và một dẫn chứng không gì sánh bằng [6], trong khi những thành tựu khác đã mở những đường mà con người đã theo đuổi kể từ đấy, và có thể dễ dàng đoán tác dụng kích thích với chúng. Với mỗi dụng cụ, con người hoàn thiện những cơ quan của chính mình, cho dù động cơ hoặc xúc cảm, hay là loại bỏ những giới hạn với chức năng của chúng.

Công suất động cơ đặt những sức mạnh khổng lồ vào sự xử dụng của con người, giống như những bắp thịt của mình, hắn có thể sử dụng nó theo bất cứ hướng nào; nhờ tàu bay và tàu thủy, nước và không khí không có thể cản trở những chuyển động của con người; bằng phương tiện của kính đeo mắt, hắn sửa chữa những khuyết tật trong những ống kính của mắt chính mình; bằng phương tiện của kính viễn vọng, ông nhìn thấy khoảng cách xa; và bằng phương tiện của kính hiển vi, ông vượt qua những giới hạn của tầm nhìn thiết lập bởi cấu trúc của võng mạc của mình.

Trong máy chụp ảnh, hắn đã tạo ra một dụng cụ giữ lại những ấn tượng thị giác thoáng qua, cũng giống như một đĩa hát giữ lại của những âm thanh thoáng qua, cả hai đều ở dưới đáy những sự vật chất hóa của sức mạnh con người sở hữu về hồi tưởng, ký ức của mình. Với sự giúp đỡ của điện thoại anh ta có thể nghe ở những khoảng cách vốn nó sẽ được tôn trọng như là

không thể nào đạt được ngay cả trong một chuyện thần tiên. Viết có nguồn gốc của nó là tiếng nói của một người vắng mặt; và nhà ở là một thay thế cho tử cung của người mẹ, chốn cư ngụ đầu tiên, vốn con người vẫn mong nhớ nó trong tất cả khả năng, và trong đó hắn đã an toàn và cảm thấy thoải mái.

Những điều này, bằng khoa học và kỹ thuật của mình, con người đã thực hiện trên trái đất này, trên đó lần đầu tiên hắn xuất hiện như là một cơ cấu sinh vật yếu đuối, và trên đó mỗi cá nhân của những loài của mình một lần nữa phải làm nhập cảnh cho nó ("Ô, cái mảnh khốn khổ của thiên nhiên!" [7]) như một con vật còn phải bú mớm bất lực - những điều này không chỉ nghe như một chuyện thần tiên, chúng là sự thực sự lấp đầy của mỗi - hay hầu hết của những – ước muốn như chuyện thần tiên.

Tất cả những tài sản này, hắn có thể đòi đặt cho là thụ nhận văn hóa của mình. Thật xưa trước đây, hắn đã thành lập một khái niệm lý tưởng về sự toàn năng và toàn trí vốn hắn thể hiện trong những vị gót của mình. Với những vị gót này, hắn gán cho tất cả mọi thứ thuộc tính mà dường như những mong muốn của hắn không thể đạt được, hoặc những thứ hắn đã bị cấm. Do đó, một người có thể nói rằng những vị gót này đã là những lý tưởng văn hóa.

Ngày nay, hắn đã đến rất gần với việc đạt được lý tưởng này, hắn đã gần như tự hắn trở thành một vị gót. Duy chỉ có, nó là sự thật, trong thời thức, trong đó những lý tưởng này thường đạt được tùy theo phán xét tổng quát của nhân loại. Hoàn toàn không; trong một số phương diện không chút nào tất cả, trong những phương diện khác chỉ có một nửa. Con người đã, như nó đã là, trở thành một loại Gót có những bộ phận giả [8].

Khi con người lắp tất cả những bộ phận phụ trợ của gót vào, gót thật sự là nguy nga tráng lệ; nhưng những bộ phận này đã không phát triển với ông ta và chúng vẫn thỉnh thoảng cho ông ta nhiều khó khăn rắc rối. Tuy nhiên, con người có quyền an ủi chính mình với tư tưởng rằng sự phát triển này sẽ

không chấm dứt chính xác vào năm 1930 CN. Những thời đại tương lai sẽ mang lại theo chúng những tiến bộ vĩ đại mới và có lẽ không thể tưởng được trong lĩnh vực này của văn minh, và sẽ tăng lên sự giống-gót của con người lại nhiều còn hơn nữa. Nhưng trong những chú tâm của những điều tra của chúng ta, chúng ta sẽ không quên rằng con người ngày nay không cảm thấy hạnh phúc trong đặc tính giống-gót n của mình.

Chúng ta nhìn nhận, vậy sau đó, rằng những nước đã đạt đến một mức độ cao của văn minh, nếu như chúng ta tìm thấy trong những nước đó, tất cả mọi thứ mà có thể trợ giúp con người trong việc khai thác trái đất, và trong sự bảo vệ con người chống lại những lực lượng thiên nhiên - tất cả mọi thứ, nói gọn, những gì là sử dụng của hắn ta - là có chủ định để và được thực hiện hiệu quả. Trong những quốc gia như thế, những con sông đe dọa lũ lụt đất đai, chúng được qui định điều hòa lưu lượng của chúng, và nước của chúng được tiếp dẫn qua kênh đến những nơi có nạn thiếu nước.

Canh tác đất màu một cách cẩn thận và trồng thực vật thích ứng với nó, và những tài nguyên khoáng sản dưới lòng đất được cần mẫn đưa lên mặt và tạo vào thành những công cụ và dụng cụ gia dụng cần thiết. Những phương tiện truyền thông là phong phú, nhanh chóng và đáng tin cậy. Những thú hoang và nguy hiểm đã bị tiêu diệt, và chăn nuôi gia súc phát triển mạnh mẽ. Nhưng bên cạnh những sự việc này, chúng ta đòi hỏi những thứ khác từ văn minh, và nó là một sự kiện đáng chú ý rằng chúng ta hy vọng tìm thấy chúng được thể hiện trong cùng những nước này.

Như thể chúng ta đã tìm để thoái thác đòi hỏi đầu tiên chúng ta đã thực hiện, chúng ta chào đón nó cũng như một dấu hiệu của văn minh nếu chúng ta thấy con người hướng quan tâm của họ tới những gì không có bất cứ giá trị thực tế nào, tới những gì là vô dụng - lấy thí dụ, nếu những không gian xanh cần thiết trong một thị trấn như những sân chơi, và như những hồ chứa không khí trong lành cũng được bố trí với những bồn hoa, hoặc nếu những

cửa sổ của những ngôi nhà được trang trí với những chậu hoa. Chúng ta sớm quan sát rằng điều vô dụng này vốn chúng ta mong đợi văn minh coi trọng là vẻ đẹp.

Chúng ta đòi hỏi con người văn minh tôn thờ cái đẹp bất cứ nơi nào hắn thấy nó trong tự nhiên, và tạo ra nó trong những đối tượng của những công trình thủ công của hắn cho đến mức mà hắn có khả năng. Nhưng điều này còn xa mới hết những đòi hỏi của chúng ta về văn minh. Bên cạnh, chúng ta mong đợi nhìn thấy những dấu hiệu của sạch sẽ và trật tự. Chúng ta không nghĩ văn hóa của một thành phố nước Anh trong thời của Shakespeare là cao cho lắm, khi chúng ta đọc rằng có một đống phân lớn ở trước nhà cha ông ở Stratford; chúng ta đã phẫn nộ và gọi là "dã man" (đó là đối nghich với có văn minh) khi chúng ta tìm thấy những lối đi trong khu Wald Wiener [9] xả rác đầy giấy.

Với chúng ta, bẩn thỉu của bất của loại nào có vẻ như không tương hợp với văn minh. Chúng ta mở rộng đòi hỏi của chúng ta về sạch sẽ đến cơ thể con người nữa. Chúng ta rất sửng sốt học được về mùi hôi khó chịu phát ra từ Vua Trời [10], và chúng ta lắc đầu về Bella Isola [11] khi chúng ta được cho thấy bồn rửa nhỏ tí, trong đó Napoleon làm vệ sinh buổi sáng của ông.

Thật vậy, chúng ta không ngạc nhiên bởi ý tưởng về sự thiết lập việc sử dụng xà phòng như là một thước đo thực tế của nền văn minh. Điều này cũng đúng với trật tự. Giống như sự sạch sẽ, nó chỉ áp dụng độc nhất với công trình của con người. Nhưng trong khi sự sạch sẽ không được mong đợi trong tự nhiên, ngược lại, trật tự đã là đã được bắt chước từ tự nhiên.

Quan sát của con người với những điều hòa thiên văn lớn lao, không chỉ trang bị cho hắn một mô thức để đưa vào đời sống của hắn, nhưng đã cho hắn những điểm đầu tiên của khởi hành để làm như vậy. Trật tự là một thứ ép buộc phải lặp lại, khi quy định đã được đặt ra một lần và cho tất cả, quyết định khi nào, ở đâu và làm thế nào một điều sẽ được thực hiện, như thế để

trong mọi trường hợp tương tự, nó khiến người ta khỏi phải do dự và lưỡng lự không quyết định.

Những lợi ích về trật tự là không thể chối cãi. Nó cho người ta có khả năng sử dụng không gian và thời gian với lợi thế tốt nhất, trong khi những sức mạnh tinh thần của họ. Chúng ta đáng lẽ phải có quyền để kỳ vọng rằng trật tự đã hẳn phải nhận vị trí của nó trong những hoạt động của con người ngau từ khởi đầu và không có khó khăn; và chúng ta cũng có thể tự hỏi rằng tại sao điều này đã không xảy ra - đó là, trái lại, những sinh vật nhân loại thể hiện một xu hướng bẩm sinh của bất cẩn, bất thường và không đáng tin cậy trong công việc của họ, và rằng một huấn luyện gian khổ là cần thiết trước khi họ học được để làm theo thí dụ gương mẫu của những mô hình vũ trụ của họ.

Đẹp đẽ, sạch sẽ và trật tự rõ ràng là chiếm một vị trí đặc biệt trong số những yêu cầu của nền văn minh. Không ai sẽ chủ trương rằng chúng cũng quan trọng với đời sống như với sự kiểm soát trên những sức mạnh của tự nhiên, hay như một vài yếu tố khác mà chúng ta sẽ trở thành quen thuộc. Và dẫu thế không ai sẽ quan tâm để đặt chúng lùi vào nền phía sau như những điều tầm thường không quan trọng.

Rằng nền văn minh không chỉ chiếm giữ trọn vẹn với những gì là hữu ích đã được thể hiện bằng những thí dụ về vẻ đẹp, mà chúng ta từ chối không bỏ qua trong số những quan tâm của nền văn minh. Tính hữu ích của trật tự là khá hiển nhiên. Đối với sự sạch sẽ, chúng ta phải giữ trong đầu rằng nó là cũng là đòi hỏi của chúng ta cho vệ sinh nữa, và chúng ta có thể nghi ngờ rằng ngay cả trước thời có khoa học phòng bệnh sự kết nối giữa hai đã không hoàn toàn xa lạ với con người. Tuy nhiên, tiện ích hoàn toàn không giải thích những nỗ lực này; một cái gì khác nữa bên cạnh đó phải làm việc.

Tuy nhiên, không có đặc trưng nào để biểu thị đặc điểm của văn minh có vẻ tốt hơn lòng quí trọng của nó và sự khuyến khích của con người với những

hoạt động trí não cao hơn – những thành tích trí thức, khoa học, và nghệ thuật của nó và vai trò hàng đầu mà nó gán cho những ý tưởng trong đời sống con người. Cao nhất trong số những ý tưởng này là những hệ thống tôn giáo, cấu trúc phức tạp của chúng tôi đã cố gắng soi ánh sáng ở một chỗ khác [12].

Tiếp theo là những suy đoán của triết học; và cuối cùng những gì có thể được gọi là những "lý tưởng" của con người - ý tưởng của hắn về một sự toàn hảo có thể có được của những cá nhân, hoặc của những dân tộc, hoặc của toàn thể nhân loại, và những đòi hỏi hắn đã thiết lập trên cơ sở của những ý tưởng như vậy. Thực tế là những sáng tạo này của hắn không phải là độc lập với lẫn nhau, nhưng ngược lại chúng đan cuộn chặt vào nhau, làm tăng sự khó khăn không chỉ mô tả chúng, nhưng trong truy tìm nguồn gốc tâm lý của chúng.

Nếu chúng ta giả đính khá tổng quát là động lực của tất cả những hoạt động của con người là một nỗ lực hướng tới hai mục tiêu hợp lưu của tiện ích và mang lại lạc thú, chúng ta cũng phải giả định rằng điều này cũng đúng với những biểu hiện của văn minh mà chúng ta đương thảo luận ở đây, mặc dù điều này có thể dễ dàng nhìn thấy chỉ trong những hoạt động khoa học và thẩm mỹ. Nhưng không thể nghi ngờ rằng những hoạt động khác, cũng thế nữa, chúng tương ứng với nhu cầu mạnh mẽ ở con người - có lẽ với những nhu cầu vốn chỉ phát triển ở một thiểu số.

Chúng ta cũng phải không cho phép mình bị lầm lạc bởi những phán đoán về giá trị liên quan đến một tôn giáo, hoặc hệ thống triết học, hoặc lý tưởng đặc thù nào. Cho dù chúng ta nghĩ rằng để tìm thấy trong chúng những thành tích cao nhất của tinh thần con người, hoặc chúng ta lấy làm tiếc về chúng như là những sai lạc, chúng ta không thể nhưng phải nhận ra rằng nơi nào chúng có mặt, và đặc biệt, nơi nào chúng chiếm ưu thế, là có bao hàm một trình độ cao của văn minh.

Cuối cùng, nhưng chắc chắn không phải là kém quan trọng nhất, trong những đặc trưng riêng biệt của văn minh vẫn còn chờ được đánh giá: cách thức trong đó những quan hệ của con người với nhau, những quan hệ xã hội, được quy định - những quan hệ vốn chúng ảnh hưởng một cá nhân như một người hàng xóm, như một nguồn của sự giúp đỡ, như một đối tượng tính dục của một các nhân khác, như là một thành viên của một gia đình và của một Nhà nước.

Đặc biệt là khó khăn ở đây để giữ cho rõ ràng về nhu cầu lý tưởng đặc biệt và để xem những gì nói chung là văn minh. Có lẽ chúng ta có thể bắt đầu bằng cách giải thích rằng yếu tố của văn minh đi vào sân khấu với nỗ lực đầu tiên để điều chỉnh những mối quan hệ xã hội. Nếu như nỗ lực này đã không được làm, những mối quan hệ sẽ phải chịu tùy ý chí bất kỳ của mỗi cá nhân: đó là nói rằng, con người thể chất mạnh mẽ hơn sẽ quyết định chúng trong ý hướng của những lợi ích và những xung động bản năng riêng của anh ta.

Không gì sẽ có thể thay đổi trong điều này nếu con người mạnh mẽ hơn này đến lượt mình lại gặp một ai đó thậm chí còn mạnh hơn anh ta. Đời sống con người trong có chung chỉ có thể có được khi một đa số đến cùng với nhau mà nó thì mạnh hơn bất cứ cá nhân nào riêng biệt, và nó vẫn giữ đoàn kết chống lại tất cả những cá nhân riêng biệt. Sức mạnh của cộng đồng này sau đó được thiết lập là "phải" trong đối lập với quyền lực của cá nhân, vốn nó bị lên án như "bạo lực". Sự thay thế này của sức mạnh cá nhân với sức mạnh của một cộng đồng tạo nên bước quyết định của nền văn minh. Bản chất của nó nằm trong sự kiện là những thành viên của cộng đồng tự hạn chế mình trong những khả năng của họ về sự thỏa mãn, trong khi những cá nhân không biết có những giới hạn như vậy.

Điều kiện cần thiết đầu tiên của nền văn minh, do đó, là thuộc về công lý - có nghĩa là, việc bảo đảm rằng một đạo luật một khi được làm sẽ không bị phá vỡ vì thiên vị với một cá nhân. Điều này không có tiềm ẩn gì hết về phần

giá trị đạo đức của một luật giống như vậy. Tiến trình xa hơn của phát triển văn hóa xem ra có khuynh hường nghiêng về làm cho luật pháp thôi không còn là biểu hiện của ý chí của một cộng đòng nhỏ - một giai cấp, hay một tầng lớp dân chúng, hoặc một nhóm chủng tộc - trong đó, đến lượt nó, hhành xử như một cá nhân bạo động với nhóm khác, và có lẽ đông đảo hơn, những tập hợp của con người. Hệ quả cuối cùng sẽ là một quy tắc của pháp luật mà với nó, tất cả - trừ những người không có khả năng để gia nhập một cộng đồng - đã đóng góp bằng một sự hy sinh về những bản năng của họ, và nó không chừa một ai - một lần nữa với cùng một ngoại lệ - với lòng thương xót của bạo lực.

Tự do của cá nhân không là quà tặng của văn minh. Nó đã là lớn nhất trước khi có bất kỳ nền văn minh nào, mặc dù lúc đó, nó là sự thật, nó đã hầu hết mọi phần không có giá trị, bởi vì cá nhân đã hạo hiếm ở vào một vị trí để bảo vệ nó. Sự phát triển của văn minh áp đặt những hạn chế về nó, và công lý đòi hỏi rằng không ai sẽ thoát khỏi những hạn chế này. Những gì làm cho tự nó cảm thấy trong một cộng đồng nhân loại như là một khát vọng về tự do có thể là sự nổi dậy của họ để chống lại một vài bất công hiện tại, và do đó có thể chứng minh thuận lợi với một phát triển xa hơn nữa của văn minh; nó có thể vẫn còn tương hợp với nền văn minh.

Nhưng nó cũng có thể bật dậy từ những phần còn lại của nhân cách ban đầu của họ, vốn chúng vẫn còn chưa bị văn minh thuần hóa, và thế nên trong họ có thể trở thành cơ sở thù địch với nền văn minh. Sự thôi thúc đòi tự do, do đó, là hướng về chống lại những hình thức và đòi hỏi cụ thể của nền văn minh, hay chống đối với hết tất cả văn minh. Nó không có vẻ như là dẫu vậy, có bất kỳ ảnh hưởng nào có thể gây ra để một người thay đổi bản chất của mình vào thành của một con mối.

Không nghi ngờ gì, ông sẽ luôn luôn bảo vệ tuyên đòi của mình về tự do cá nhân chống lại ý chí của nhóm. Một phần lớn những cuộc đấu tranh của

nhân loại có trung tâm xoay quanh một nhiệm vụ duy nhất là sự tìm kiếm một sự hòa giải thích hợp -, nghĩa là, một sự dàn xếp sẽ mang lại hạnh phúc – giữa tuyên đòi này của cá nhân và những tuyên đòi văn hoá của nhóm; và một trong những vấn đề mà nó chạm đến số phận của nhân loại là không biết một dàn xếp như vậy có thể đạt đến bằng những phương tiện của một vài hình thức đặc biệt của văn minh hay không, hay không biết có phải xung đột này là không thể dung hoà hay không.

Bằng cách cho phép xúc cảm thông thường là người hướng dẫn của chúng ta trong việc quyết định những đặc trưng nào của đời sống con người được xem như là văn minh, chúng ta đã có được một ấn tượng rõ ràng về những bức tranh tổng quát của nền văn minh, nhưng nó là đúng rằng cho đến giờ, chúng ta đã khám phá ra không gì mà đã không được phổ quát biết đến. Đồng thời chúng ta đã cẩn thận không để rơi vào những thành kiến rằng văn minh là đồng nghĩa với làm hoàn hảo, rằng nó là con đường đi đến toàn hảo đã được tiền-thụ phong cho con người. Nhưng bây giờ một quan điểm tự hiện diện nó có thể dẫn theo một hướng khác. Sự phát triển của văn minh xuất hiện với chúng ta như một tiến trình khác thường vốn nhân loại đã trải qua, và trong đó rất nhiều sự việc đập vào chúng ta như quen thuộc.

Chúng ta có thể mô tả đặc điểm tiến trình này với dẫn chiếu về những thay đổi mà nó đem cho xảy ra trong những phân bối bản năng quen thuộc của con người, để thỏa mãn, sau cùng hết cả, đó là công việc kinh tế của đời sống chúng ta. Một ít trong những bản năng này được dùng hết trọn trong một cách thức khiến một điều gì đó xuất hiện ở vị trí của chúng, trong một cá nhân, vốn chúng ta mô tả như là một đường nét cá tính. Thí dụ đáng chú ý nhất của một tiến trình giống như vậy được tìm thấy trong sự gợi dâm hậu môn [13] của những trẻ con của loài người.

Chú ý nguyên thủy của chúng về chức năng bài tiết, về những bộ phận cơ thể của nó, và về sản phẩm của nó, đã được thay đổi trong vận trình lớn dậy của

chúng vào thành một nhóm gồm những đường nét, chúng vốn quen thuộc với chúng ta như sự tần tiện, một ý thức về trật tự và sự sạch sẽ - những phẩm chất đó, mặc dù có giá trị và được hoan nghênh trong tự thân chúng, chúng có thể được làm mãnh liệt thêm đến khi chúng trở nên lộ rõ ưu thắng và tạo ra những gì được gọi là cá tính hậu môn [14]. Chúng ta không biết điều này đã xảy ra như thế nào, nhưng không có nghi ngờ về sự đúng đắn của sự khám phá [15].

Bây giờ chúng ta đã thấy rằng sự trật tự và sự sạch sẽ là những yêu cầu quan trọng của nền văn minh, mặc dù sự cần thiết không thể thiếu của chúng không phải là rất rõ ràng, nhiều gì hơn sự thích hợp của chúng như là những nguồn của sự vui hưởng. Tại điểm này chúng ta không thể không bị sững sờ trước sự giống nhau giữa tiến trình của văn minh và phát triển về libido của cá nhân. Những bản năng khác (bên cạnh sự gợi dâm hậu môn) được gây ra để rời chỗ những điều kiện cho sự thỏa mãn của chúng, để dẫn chúng vào trong những lối đi khác.

Trong hầu hết những trường hợp tiến trình này trùng hợp với tiến trình của sự thăng hoa (của những mục tiêu bản năng) [16] mà chúng ta đã quen thuộc với chúng, nhưng trong một số có thể được phân biệt với nó. Sự thăng hoa của bản năng là một tính năng đập ngay vào mắt dễ thấy đặc biệt của sự phát triển văn hóa; nó là những gì làm cho có thể có được những hoạt động cao hơn thuộc về tinh thần, khoa học, nghệ thuật, hoặc tư tưởng, để đóng một phần quan trọng giống như thế trong đời sống văn minh.

Nếu người ta đã nhường cho một ấn tượng đầu tiên, người ta sẽ nói thăng hoa là một biến động thịnh suy vốn đã bị văn minh ép đẩy hoàn toàn trên những bản năng. Nhưng sẽ là khôn ngoan hơn để suy tưởng phản ảnh trên điều này lâu hơn một chút. Trong vị trí thứ ba [17], cuối cùng, và điều này có vẻ quan trọng nhất của tất cả, không thể nào bỏ qua chừng mức mà vơi nó văn minh được xây lên trên một sự từ bỏ của bản năng, chính xác bao nhiêu

nó tiền giả định sự không-thỏa mãn (bằng đàn áp, ngăn chặn, hoặc một vài phương cách khác?) của những bản năng mạnh mẽ?

"Thất vọng bực dọc văn hóa" này chi phối lĩnh vực lớn của những mối quan hệ xã hội giữa những con người. Như chúng ta đã biết, nó là nguyên nhân của sự thù địch, vốn tất cả những nền văn minh phải đấu tranh chống lại. Nó sẽ cũng làm những đòi hỏi nghiêm khắc trên công trình khoa học của chúng ta, và chúng ta sẽ có nhiều để phải giải thích ở đây. Không phải là dễ dàng để hiểu như thế nào nó có thể trở thành có thể được để tước đoạt mất một bản năng của sự thỏa mãn. Cũng không phải là làm như vậy mà không nguy hiểm. Nếu sự mất mát không được đền bù về kinh tế, người ta có thể chắc chắn những rối loạn nghiêm trọng sẽ xảy ra sau đó.

Nhưng nếu chúng ta muốn biết giá trị nào có thể được quy cho quan điểm của chúng ta là sự phát triển của văn minh là một tiến trình đặc biệt, có thể so sánh được với sự trưởng thành bình thường của cá nhân con người, chúng ta rõ ràng phải tấn công một vấn đề khác. Chúng ta phải tự hỏi mình sự phát triển của văn minh nợ nguồn gốc của nó với những ảnh hưởng nào, nó đã nổi lên thế nào, và những gì đã chỉ định dòng chảy của nó [18].

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Aug/2011)

(Còn tiếp...)

[1] [Freud đã bàn luận về câu hỏi này tương đối khá dài, hai năm trước, trong những chương đầu của The Future of an Illusion (1927c).]

[2] neuroses

[3] Chiến Tranh Ba Mươi Năm – nội dung và nguyên nhân chủ yếu là chiến tranh tôn giáo giữa Catô và Tin lành ở Tây Âu từ 1618 đến 1648. Mặc dù

hầu hết các giao chiến xảy ra trên đất Đức, chiến tranh lan rộng bao gồm gần cả châu Âu, tàn phá những vùng đất canh tác rất lớn và mang lại nạn đói và bệnh tật. Gần ba mươi phần trăm dân số Đức thiệt mạng trong cuộc chiến dài ba mươi năm này.

Một bên là Đế quốc Thần Thánh Lamã (gồm Austria, Bavaria, và Spain. Bên kia là phần còn lại của châu Âu (gồm Sweden, Bohemia, Denmark-Norway, Transylvania, và Saxony. Chiến tranh kết thúc với Hòa ước Westphalia, trong đó đưa đến phân lại ranh giới các quốc gia châu Âu, những cũng cho những người dân châu Âu sau đó một bài học về ý thức phân biệt giữa lòng trung thành với đất nước và lòng trung thành với tôn giáo.

[4] [‘Kultur’ xem Chú thích của người Biên tập trong bản dịch the Future of an Illusion]

[5] [xem the Future of an Illusion]

[6] [Tài liệu của phân tâm, như nó không đầy đủ, và không dễ được đặt để trong giải thích rõ ràng, dù sao đi nữa, thừa nhận một phỏng đoán - một phỏng đoán nghe tuyệt vời - về nguồn gốc của kỳ công này của con người.

Đã được nghĩ là - con người nguyên thủy có thói quen muốn làm thỏa mãn một ao ước trẻ con vốn liên kết với lửa, khi hắn đến tiếp xúc với lửa, là dập tắt ngọn lửa bằng cách đái lên nó. Những truyền thuyết mà chúng ta có, không để lại nghi ngờ nào về cái nhìn ban đầu liên hệ ngọn lửa với dương vật, trong hình ảnh lửa cháy có những hình dạng như lưỡi liếm khi nó bốc hướng trở lên.

Dập tắt lửa bằng cách đái lên nó - một chủ đề mà những đại thụ hiện đại, Gulliver trong Lilliput và Gargantua của Rabelais, vẫn quay ngược về lại - vì thế đã là một loại hành vi tính dục với một người nam, một khoái trá vui hưởng của tiềm năng tính dục ở một cuộc thi đua của những trẻ đồng tính.

Người đầu tiên từ bỏ ham muốn này, và giữ lửa lại đã có thể mang nó đi với anh ta và điều phục nó cho sử dụng riêng cho mình. Bằng cách dội tắt ngấm ngọn lửa của sự kích thích tính dục của riêng mình, anh ta đã thuần phục được sức mạnh thiên nhiên của lửa.

Sự chinh phục văn hóa lớn lao này như vậy đã là phần thưởng cho sự từ bỏ về bản năng của anh ta. Hơn nữa, như đã nghĩ rằng người phụ nữ đã được bổ nhiệm làm người giám hộ của ngọn lửa vốn đã bị giam cầm trong lò sưởi gia đình, vì cấu trúc sinh lý cơ thể của nàng đã làm cho nàng không thể nào đi đến sự cám dỗ của ham muốn này. Cũng đáng chú ý, thường xuyên đến chừng nào kinh nghiệm phân tích đã chứng nhận cho sự kết nối giữa tham vọng, lửa và sự khơi dâm ở niệu đạo. (Freud đã chỉ ra sự liên kết giữa sự tiểu tiện và lửa rất sớm như trong trường hợp hồ sơ 'Dora'(1905e (1901)). Sự liên kết với tham vọng đến có phần muộn hơn về sau. Một danh sách tham khảo đầy đủ sẽ tìm thấy trong Ghi chú của người Biên tập với bài khảo cứu cuối cùng về chủ đề, "The acquisition and control of fire" (1932a).]

[7] [tiếng Anh trong nguyên bản tiếng Đức, câu được cho là của Shakespearean này trong thực tế không tìm thấy trong danh sách các tác phẩm được công nhận là đúng của Shakespeare.]

[8] a prosthesis God – prosthesis là một từ y khoa chỉ một bộ phận giả, nhân tạo, gắn thêm vào cơ thể con người, để thay thế cho cơ phận bị mất hay hư hỏng, thí dụ: răng giả hay chân gỗ.

[9] [Khu đồi cây ở ngoại ô thành Vienna]

[10] Tiếng Pháp trong bản tiếng Anh "Roi Soleil" [chỉ Louis XIX nước Pháp]

[11] [Tên hòn đảo nổi tiếng trong hồ Maggiore, Napoleon đã đến thăm vài ngày trước trận đánh Marengo]

[12] [Cf. the Future of and Illusion (1927c)]

[13] anal erotism: tìm và cảm được những lạc thú xác thịt trong các động tác của, hay có liên hệ với hậu môn.

[14] anal character: cá tính hậu môn (trong phân tâm học), một loại cá tính trưng bày những mẫu thức của hành vi có nguồn gốc trong giai đoạn hậu môn của thời thơ ấu. Nó có đặc điểm là cực kỳ ngăn nắp, tính bướng bỉnh, cầu toàn, sạch sẽ, đúng giờ, và bủn xỉn, hoặc những đối lập cực đoan của chúng. Cũng được gọi là nhân cách hậu môn (anal personality). Cá tính hậu môn liên hệ với giai đoạn phát triển tâm lý tính dục gọi là giai đoạn hậu môn. Giai đoạn hậu môn: (trong phân tâm học) một giai đoạn trong phát triển tâm lý tính dục, xảy ra từ 1 đến 3 tuổi, khi sự bận tâm với chức năng của sự đại tiện và những cảm giác kết hợp với hậu môn là nguồn chủ yếu để kích thích lạc thú. Nó được xem là yếu tố quyết định quan trọng cuối cùng của loại nhân cách. Những mẫu thức hành vi của người khi đã trưởng thành liên quan đến sự định hình của giai đoạn này bao gồm sự cực kỳ ngăn nắp, tính bướng bỉnh, cầu toàn, sạch sẽ, đúng giờ, và bủn xỉn, hoặc những đối lập cực đoan của chúng.

Theo Freud, sự phát triển tâm lý tính dục - Psychosexual: (trong phân tâm học) bao gồm sự xuất hiện của nhân cách qua một loạt các giai đoạn từ sơ sinh đến trưởng thành. Mỗi giai đoạn là tương đối cố định trong thời gian và đặc trưng bởi một phương thức vượt trội trong sự đạt được niềm vui về libido, thông qua sự tác động qua lại giữa các thúc đẩy sinh lý của người đó và những hạn chế từ môi trường. Các giai đoạn phát triển tâm lý tính dục theo Freud là những giai đoạn: miệng, hậu môn, dương vật, ngấm ngầm, và sinh dục.

1. Giai đoạn Miệng: từ sơ sinh đến khoảng 18 tháng, trong giai đoạn sớm nhất này, vùng miệng là trung tâm của những đòi hỏi, những diễn tả, và những kinh nghiệm lạc thú tính dục của trẻ sơ sinh.

2. Giai đoạn Hậu môn: xảy ra trong độ tuổi từ 1 đến 3 năm, trong giai đoạn này những hoạt động, chăm chú thích thú, và mối quan tâm xoay quanh vùng hậu môn.

3. Giai đoạn Dương vật: giai đoạn thứ ba, từ 2 hoặc 3 tuổi, đến 5 hoặc 6 tuổi, trong giai đoạn này, quan tâm, hiếu kỳ, và những kinh nghiệm thú vị về tình dục tập trung vào dương vật ở bé trai và clitoris ở các bé gái.

4. Giai đoạn Âm ỷ: giai đoạn tương đối im lặng, không hoạt động, từ độ tuổi 5 hoặc 6, kéo dài đến, hay gần trưởng thành. Năng lực tập trung vào học tập và những trò chơi có tổ chức hơn.

5. Giai đoạn cơ quan sinh dục: giai đoạn cuối cùng trong sự phát triển tâm lý tình dục, xảy ra ở tuổi dậy thì, trong giai đoạn này cá nhân có thể đạt được sự thỏa mãn tình dục từ sự tiếp xúc bộ phận sinh dục với bộ phận sinh dục, và có khả năng có một mối quan hệ trưởng thành với một người khác phái.

[15] [Cf. trong 'Character and Anal Erotism' (1908b) của tôi, và nhiều những đóng góp hơn nữa của Ernest Jones (1918) và những tác giả khác.]

[16] Sublimation – thăng hoa – xem ghi chú ở chương II, là một tiến trình chuyển hướng dòng chảy của sinh lực bản năng từ mục tiêu tính dục trực tiếp và đem đặt nó phục tùng những nỗ lực văn hóa, nghệ thuật.

Freud đã rất cẩn thận giúp chúng ta đừng nhầm lẫn giữa thăng hoa (sublimation) và lý tưởng hóa (idealization) – lý tưởng hóa là một sự đánh giá quá cao một đối tượng vốn đã được xem là siêu phàm, tuyệt vời.

[17] [Freud đã nhắc đến rồi hai yếu tố đóng một phần trong tiến trình của văn minh: sự thành hình cá tính và sự thăng hoa.]

[18] [Freud trở lại với chủ đề của văn minh như một 'tiến trình' dưới đây, trang … và lại ở trang .. Ông nhắc lại nó một lần nữa trong lá thư ngỏ gửi

Einstein, Why War? – tại sao chiến tranh?(1933b)]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (5)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương IV

Công việc này có vẻ là một việc có tầm mức lớn rộng, và là tự nhiên người ta cảm thấy thiếu tự tin khi đối diện với nó. Nhưng sau đây là những phỏng đoán như tôi đã có thể thực hiện được với khả năng của mình.

Sau khi con người nguyên thủy đã khám phá rằng cải thiện số phần của hắn trên trái đất nằm trong tay của chính hắn, theo nghĩa đen của từ, bằng cách làm việc, không thể còn là một vấn đề dửng dưng với hắn là liệu không biết một người khác làm việc với, hay chống lại hắn.

Với hắn, con người kia chiếm được giá trị của một người-bạn-cùng-làm-việc, và sống cùng với người kia là có ích lợi. Ngay cả sớm hơn trước đó, trong thời tiền sử giống người-vượn của mình, con người đã chấp nhận tập quán hình thành những gia đình, và những thành viên gia đình của một người có lẽ đã là những người giúp đỡ đầu tiên của người ấy.

Một người có thể giả định sự sáng lập những gia đình đã một cách nào đó kết nối với sự kiện rằng đến một thời điểm khi nhu cầu về thỏa mãn bộ phận sinh dục thôi không còn xuất hiện giống như một người khách đột ngột ghé thăm, và trong một thời gian dài sau khi anh ta ra đi, không nghe thêm gì nữa, nhưng thay vì như thế, người này đã chiếm chỗ, ở lại như một người chung phòng vĩnh viễn.

Khi điều này xảy ra, nam giới có được một động lực để giữ những phụ nữ, hay nói tổng quát hơn, những đối tượng tính dục của mình, gần anh ta, trong khi phụ nữ, người không muốn bị phân rẽ khỏi đám con trẻ bơ vơ chưa tự lực được của nàng, đã bị bắt buộc, vì những ích lợi của chúng, ở lại với người nam mạnh mẽ hơn [1].

Trong gia đình nguyên thủy này vẫn còn thiếu một điểm đặc trưng thiết yếu

của nền văn minh. Ý chí tùy tiện của người đứng đầu của nó, người cha, đã không bị hạn chế. Trong Totem và Taboo [1912-13] [2] tôi đã cố gắng cho thấy như thế nào con đường đã dẫn từ gia đình này đến giai đoạn kế tiếp của đời sống cộng đồng theo hình thức của những bầy anh em trai.

Khi áp đảo cha của họ, những đứa con trai đã làm một khám phá rằng một sự kết hợp có thể mạnh hơn so với một cá nhân riêng lẻ. Văn hóa vật tổ dựa trên những hạn chế mà những người con trai đã áp đặt trên lẫn nhau để giữ cho tình trạng mới này của những công việc được duy trì. Tuân hành những điều cấm kỵ đã là sự "đúng" đầu tiên, hoặc "luật" [3] đầu tiên. Thế nên, đời sống cộng đồng của con người đã có một nền tảng gồm hai lớp: sự cưỡng bách làm việc, tạo bởi sự cần thiết bên ngoài, và sức mạnh của ái tình, vốn làm người nam không bằng lòng bị tước mất đối tượng tính dục của mình - người phụ nữ - , và làm người nữ không bằng lòng bị tước mất một phần của mình vốn đã được tách khỏi nàng - con của nàng.

Eros và Ananke (Ái Tình và Tất Yếu) [4] cũng đã trở thành những cha mẹ sinh thành của nền văn minh của con người. Kết quả đầu tiên của văn minh đã là ngay cả một số lượng khá lớn con người bây giờ có thể có khả năng sống chung trong một cộng đồng. Và bởi vì hai sức mạnh lớn này đã cùng tác động trong điều này, người ta có thể đã mong đợi rằng sự phát triển thêm nữa của văn minh sẽ trôi chảy hướng tới một sự kiểm soát lại còn tốt hơn nữa trên thế giới bên ngoài, và hướng tới mở rộng hơn nữa số người được bao gồm trong cộng đồng. Cũng không phải là dễ dàng để hiểu như thế nào nền văn minh này có thể tác động trên những người tham gia của nó cách nào khác hơn là làm cho họ được hạnh phúc.

Trước khi chúng ta tiếp tục thăm dò một sự can thiệp có thể phát sinh từ góc nào, sự công nhận này về ái tình như là một trong những nền tảng của văn minh có thể được dùng vào như một cái cớ cho một sự ra ngoài đề, vốn sẽ cho phép chúng ta lấp một khoảng trống mà chúng ta còn bỏ lại trong thảo

luận trước đó.

Ở đó, chúng ta nói sự khám phá của con người về ái tình tính dục (qua bộ phận sinh dục) đủ khả năng đem lại cho hắn kinh nghiệm mạnh mẽ nhất của sự thỏa mãn, và trong thực tế đã cung cấp cho hắn với mẫu thức của tất cả hạnh phúc, đã phải gợi ý cho hắn rằng nên tiếp tục tìm sự thỏa mãn hạnh phúc trong đời sống mình dọc con đường của những quan hệ tính dục, và rằng hắn nên lấy việc khiêu dâm bộ phận sinh dục làm điểm trung tâm của cuộc đời mình.

Chúng ta đã tiếp tục nói rằng làm như vậy anh ta tự làm cho mình phụ thuộc trong một cách nguy hiểm nhất trên một phần của thế giới bên ngoài, cụ thể là, đối tượng ái tình đã lựa chọn của anh, và phơi mở anh ta ra với đau khổ cùng cực nếu bị đối tượng đó từ chối, hoặc nếu như phải mất nó vì sự không chung thủy hoặc tử vong. Vì lý do đó, những con người khôn ngoan của mọi thời đại đã hết sức mạnh mẽ cảnh cáo chúng ta chống lại lối sống này; nhưng bất chấp điều này, nó đã không bị mất sự hấp dẫn của nó với một số lượng lớn con người.

Một thiểu số nhỏ đã có được khả năng do thể chất cấu tạo của họ tìm được hạnh phúc, bất chấp tất cả mọi thứ, dọc con đường của ái tình. Nhưng những thay đổi sâu rộng của trí não về chức năng của ái tình là cần thiết trước khi điều này có thể xảy ra. Những người này làm cho mình độc lập với sự chấp nhận của đối tượng của họ bằng cách thế chỗ những gì họ chủ yếu xem là giá trị, từ được yêu thương sang qua yêu thương; họ tự bảo vệ mình chống lại sự mất mát của đối tượng bằng cách hướng dẫn ái tình của họ, không với đối tượng duy nhất mà với tất cả con người như nhau; và họ tránh những bất trắc và những thất vọng của ái tình qua bộ phận sinh dục bằng cách hướng cho quay xa khỏi mục tiêu tính dục của nó, và chuyển biến bản năng vào thành một xung lực với một mục tiêu bị kềm chế.

Những gì họ gây ra trong chính họ theo cách này là một trạng thái của cảm

xúc thương yêu, kiên định, và bị đình chỉ ngang đều nhau, vốn nó có rất ít giống nhau bên ngoài nữa với những kích động bão tố của ái tình tính dục, vốn từ đó nó đã xuất phát, dẫu thế nào đi nữa. Có lẽ Thánh Francis thành Assisi đã đi xa nhất như thế trong khai thác ái tình cho lợi ích của một xúc cảm bên trong về hạnh phúc.

Hơn nữa, những gì chúng ta đã công nhận như một trong những kỹ thuật để làm tròn nguyên tắc lạc thú thường đã được đưa vào kết nối với tôn giáo; kết nối này có thể nằm ở những vùng xa xôi, nơi sự phân biệt giữa ego và những đối tượng, hoặc giữa những đối tượng tự thân chúng đã bị xao lãng. Theo như một quan điểm đạo đức, vốn động lực sâu xa hơn của nó sẽ trở nên rõ ràng đối với chúng ta giờ đây [5], sự sẵn sàng này cho một tình yêu phổ quát của nhân loại và thế giới đại diện cho lập trường cao nhất mà con người có thể đạt tới. Ngay cả ở giai đoạn đầu này của thảo luận, tôi muốn đưa ra hai phản đối chính của tôi với quan điểm này. Một tình yêu mà không có đối xử phân biệt, với tôi có vẻ như nó chối bỏ mất một phần giá trị của riêng nó, bằng cách làm một bất công với đối tượng của nó, và thứ hai, không phải tất cả con người là xứng đáng với tình yêu.

Ái tình vốn nó tạo dựng gia đình vẫn tiếp tục hoạt động trong nền văn minh, cả ở hai dạng ban đầu của nó, trong đó nó không từ bỏ sự thỏa mãn tính dục trực tiếp, và ở dạng biến đổi của nó như là thương yêu có mục tiêu bị kềm chế. Trong mỗi dạng, nó tiếp tục thực hiện chức năng của nó là kết buộc vào cùng nhau những số lượng đáng kể của con người, và nó làm như vậy trong một cách thức sâu đậm hơn so với có thể có được từ tác dụng của lợi ích trong công việc làm chung. Cách vô tư trong đó ngôn ngữ sử dụng từ “yêu” có lý lẽ bào chữa di truyền của nó.

Con người đem cho tên gọi “yêu” với mối quan hệ giữa một người nam và một người nữ là những người có những nhu cầu thuộc về cơ quan sinh dục đã dẫn họ đến tạo dựng một gia đình; nhưng họ cũng cho tên gọi “yêu” với

những xúc cảm tích cực giữa cha mẹ và con cái, và giữa những anh em và chị em của một gia đình, mặc dù chúng ta bắt buộc phải mô tả điều này như là "ái tình có mục tiêu bị kềm chế" hay "thương yêu". Yêu thương với một mục tiêu bị kềm chế đã là trong thực tế ban đầu ái tình đầy đủ nhục cảm, và nó vẫn còn là như vậy trong vô thức con người.

Cả hai - ái tình đầy đủ nhục cảm và ái tình có mục tiêu bị kềm chế - kéo dài ra ngoài gia đình và tạo ra những gắn buộc mới với những người trước đây là những người xa lạ. Ái tình có trọng tâm là cơ quan sinh dục [6] dẫn đến sự hình thành của những gia đình mới, và ái tình có mục tiêu bị kềm chế tới những "tình bạn", vốn chúng trở nên có giá trị từ một quan điểm văn hóa, vì chúng thoát khỏi một số hạn chế của ái tình tính dục, chẳng hạn như là, lấy thí dụ, tính chất loại trừ của nó. Nhưng trong tiến trình phát triển sự liên hệ của ái tình với nền văn minh mất đi tính hàm hồ của nó. Về một mặt ái tình đi vào trong sự đối lập với những lợi ích của nền văn minh; về mặt khác, nền văn minh đe dọa ái tình với những hạn chế quan trọng đáng kể.

Rạn nứt này giữa chúng xem dường không thể tránh. Lý do của nó không phải có thể nhận ra ngay lập tức. Đầu tiên nó tự biểu hiện như là một xung đột giữa gia đình và cộng đồng lớn hơn mà những cá nhân thuộc vào. Chúng ta đã nhận thức rồi rằng một trong những nỗ lực chính của văn minh là mang người ta vào cùng với nhau thành những đơn vị lớn. Nhưng gia đình sẽ không buông bỏ cá nhân. Càng chặt chẽ hơn những thành viên của một gia đình gắn bó người này với người kia, họ càng thường xuyên hơn có khuynh hướng tự tách chính họ ra với những người khác, và càng khó khăn hơn để cho họ tham gia vào cái vòng rộng lớn hơn của đời sống.

Phương thức có chung của đời sống, nhìn theo tiến hóa của chung cả loài [7], nó là cũ hơn, và nó là cái duy nhất tồn tại trong thời thơ ấu, sẽ không để tự thân nó bị thay thế bằng những phương thức văn hóa của đời sống vốn được tiếp thụ muộn hơn về sau. Tách mình khỏi gia đình trở thành một công việc

mà mọi người trẻ phải đối mặt với nó, và xã hội thường giúp anh ta trong giải pháp cho công việc đó bằng những phương tiện của sự dậy thì, và những nghi thức gia nhập. Chúng ta có ấn tượng rằng đây là những khó khăn vốn chúng là di truyền trong tất cả phát triển tinh thần - và, thực sự, ở dưới đáy, trong tất cả phát triển hữu cơ.

Thêm nữa, phụ nữ sớm đi vào sự đối lập với văn minh và phơi bày ảnh hưởng của sự chậm phát triển và hạn chế của họ - chính là những người phụ nữ này, ở lúc ban đầu, đã đặt những nền tảng của nền văn minh bằng những tuyên đòi của tình yêu của họ. Phụ nữ đại diện cho những lợi ích của gia đình và của đời sống tính dục. Việc làm của văn minh ngày càng trở nên công việc của người nam, nó thách thức họ với những nhiệm vụ mãi mãi còn khó khăn hơn, và buộc họ phải tiến hành những thăng hoa bản năng, vốn phụ nữ ít có khả năng với chúng.

Bởi vì một người không nắm trong tay những số lượng vô hạn về năng lượng tinh thần để tùy mình xử dụng, ông đã phải hoàn thành những nhiệm vụ của mình bằng cách làm một phân phối thiết thực của libido của mình. Những gì ông sử dụng cho những mục tiêu văn hóa, trong một mức độ lớn, rút ông xa khỏi phụ nữ và đời sống tính dục. Sự giao kết thường trực của ông với nam phái, và sự phụ thuộc của ông trên những quan hệ của ông với họ, thậm chí làm ông xa lạ với những nhiệm vụ người chồng và người cha của mình. Như vậy, người phụ nữ thấy mình bị đẩy vào hậu trường vì những tuyên đòi của nền văn minh, và nàng tiếp nhận một thái độ thù địch hướng về nó.

Khuynh hướng hạn chế đời sống tính dục về phần của văn minh, thì không kém rõ ràng hơn so với khuynh hướng khác của nó là mở rộng đơn vị văn hóa. Giai đoạn đầu tiên của nó, giai đoạn totem, đã đem lại với nó rồi sự cấm đoán chống lại một lựa chọn về đối tượng loạn luân, và điều này có lẽ là sự cắt xén quyết liệt nhất mà đời sống khiêu dâm của con người trong mọi thời đến nay đã phải trải qua.

Những ta bu, những lề luật, những thói tục áp đặt thêm những hạn chế khác nữa, vốn chúng ảnh hưởng cả nam giới lẫn phụ nữ. Không phải tất cả những nền văn minh cùng đi xa như nhau trong điều này; và cơ cấu kinh tế của xã hội cũng ảnh hưởng đến số lượng vẫn còn giữ lại về tự do tính dục.

Ở đây, như chúng ta đã biết, văn minh tuân theo những luật lệ của thiết yếu kinh tế, bởi vì một số lượng lớn năng lượng tinh thần mà nó sử dụng cho những mục đích riêng của nó đã phải rút ra từ tính dục. Trong phương diện này, văn minh đối xử với tính dục như là một người hay một tầng lớp dân chúng của nó làm, đó là đặt người khác làm đối tượng khai thác bóc lột của nó.

Sợ hãi về một cuộc nổi dậy của những phần tử bị đàn áp đẩy nó đi đến những biện pháp phòng ngừa chặt chẽ hơn. Một mức thành tựu cao nhất của một sự phát triển giống như vậy đã đạt được trong nền văn minh Tây Âu chúng ta. Một cộng đồng văn hóa là hoàn toàn biện minh được về tâm lý, trong sự bắt đầu bằng những tuyên ngôn ngăn cấm về đời sống tính dục của trẻ em, bởi vì sẽ không có triển vọng kiềm chế được sự thèm mốn xác thịt của những người lớn, nếu như đã không chuẩn bị nền tảng cho nó trong thời thơ ấu.

Nhưng một cộng đồng thuộc loại giống như thế không thể nào biện minh được khi cố gắng đi đến cùng trong từ chối một hiện tượng dễ dàng minh chứng, và thực vậy, một hiện tượng quá nổi bật như thế. Về phương diện tính dục của cá nhân trưởng thành, sự lựa chọn đối tượng bị hạn chế vào người khác giới, và hầu hết những thỏa mãn của có thêm bộ phận sinh dục [8] thì bị cấm, xem như những sa đọa đồi bại [9].

Sự đòi hỏi, thể hiện trong những cấm đoán này, rằng sẽ có một loại duy nhất của đời sống tính dục cho tất cả mọi người, bất kể những khác biệt, dù do bẩm sinh, hoặc do tập thành, trong sự thiết định tổ chức tính dục của con người; nó cắt bỏ một số khá đông loài người khỏi sự vui hưởng tính dục, và

do đó trở thành nguồn gốc của sự bất công nghiêm trọng.

Kết quả của những biện pháp hạn chế như thế có thể là ở những người bình thường - những người không bị thể chất của họ ngăn ngừa - toàn bộ thích thú tính dục của họ sẽ trôi vào những kênh để mở mà không bị mất mát. Nhưng ái tình trên bộ phận sinh dục khác giới, vốn vẫn còn không bị miễn trừ, không bị đặt ngoài vòng pháp luật, thì tự nó bị thêm những giới hạn ngăn cấm hơn nữa, trong dạng của sự nhấn mạnh vào tính hợp pháp, và chế độ một vợ một chồng.

Nền văn minh ngày nay làm thành điều đơn giản rằng nó sẽ chỉ cho phép những mối quan hệ tính dục trên cơ sở của một ràng buộc đơn độc, vĩnh viễn không thể hủy bỏ, giữa một người nam và một người nữ, và rằng nó không thích tính dục như là một nguồn vui, như trong tự thân nó là một quyền tự nhiên, nhưng chỉ chuẩn bị cho phép, khoan thứ nó, bởi vì cho đến nay đã không gì thay thế được nó như là một phương tiện truyền giống của loài người [10].

Tất nhiên, đây là một bức tranh cực đoan. Mọi người đều biết rằng đã chứng tỏ không thể nào đưa nó vào thực hiện, thậm chí trong những thời gian khá ngắn. Chỉ có những kẻ nhu nhược mới chịu khuất phục một sự lấn áp sâu rộng như vậy trên tự do tính dục của họ, và những (người có) bản chất mạnh mẽ hơn chỉ làm theo như vậy với điều kiện có được một được đền bù, vốn sẽ được đề cập sau [11].

Xã hội văn minh đã tìm thấy tự thân nó bị buộc phải đi im lặng qua nhiều vi phạm mà nếu theo điều lệnh riêng của nó, đã nên bị trừng phạt. Nhưng chúng ta phải đừng phạm sai lầm, đứng về phía bên kia, và cho rằng bởi vì nó không đạt được tất cả những mục tiêu của nó, một thái độ như thế về phần của xã hội là hoàn toàn không có hại, vô thưởng vô phạt.

Đời sống tính dục của con người văn minh, dù bị làm suy hại trầm trọng, đôi

khi nó đem cho ấn tượng là đương trong tiến trình co rút phức tạp lại như một chức năng, cũng giống như răng và tóc của chúng ta xem dường như là những cơ quan. Người ta có lẽ là chính đáng khi giả định rằng sự quan trọng của nó, như là một nguồn của những cảm xúc về hạnh phúc, và do đó trong sự hoàn thành mục tiêu của chúng ta trong đời sống, đã bị giảm thiểu một cách xúc cảm[12]. Đôi khi một người dường như cảm nhận rằng nó không chỉ là áp lực của văn minh, nhưng một điều gì đó trong bản chất của tự thân chức năng vốn nó từ chối chúng ta sự thỏa mãn trọn đủ, và thúc giục chúng ta theo hướng những con đường khác. Điều này có thể là sai, nó là khó mà quyết định [13].

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Aug/2011)

(Còn tiếp...)

[1] [Những chu kỳ sinh lý hữu cơ của tiến trình tính dục đã tồn tại, đó là sự thật, nhưng hiệu quả của nó đối với sự kích thích tâm lý tính dục đã đúng hơn có phần bị đảo ngược. Sự thay đổi này dường như rất có thể được kết nối với sự giảm thiểu về kích thích khứu giác bằng những phương tiện trong đó tiến trình kinh nguyệt đã tạo ra một ảnh hưởng trên tâm lý của nam giới. Vai trò của chúng đã được những kích thích thị giác thế chỗ, trong đó, trái ngược với những kích thích khứu giác đứt quãng gián đoạn, chúng đã có khả năng duy trì một hoạt động có hiệu quả thường trực. Những điều cấm kỵ về kinh nguyệt bắt nguồn từ những 'dồn nén hữu cơ này', nó hành động như là một phòng vệ chống lại một giai đoạn phát triển vốn đã bị khắc phục.

Tất cả những động cơ khác của nó có thể là của một bản tính thứ cấp. (Cf. C.D. Daly, "Hindumythologie und Kastrationkomplex", Imago, Vol. XIII,1927.) Tiến trình này được lập lại trên mức độ khác nhau khi những vị gót của một thời kỳ văn hóa đã qua biến sang thành những demons trong

thời kỳ kế tiếp. Tuy nhiên, sự giảm thiểu tầm quan trọng của kích thích khứu giác dường như tự nó là một hệ quả của sự nâng khỏi mặt đất của con người, của giả định về sự nó nhận lấy một dáng đi thẳng đứng, điều này làm cho bộ phận sinh dục của con người, vốn trước đây được che giấu, thành có thể nhìn thấy được và cần được bảo vệ, và như thế gây nên những xúc cảm xấu hổ trong con người.

Tiến trình định mệnh của văn minh như vậy đã thiết lập với sự chấp nhận một tư thế đứng thẳng của con người. Từ thời điểm đó trở đi, chuỗi những biến cố sẽ được tiến hành thông qua sự làm giảm mất giá trị của những kích thích khứu giác và sự cô lập của thời kỳ kinh nguyệt cho đến thời khi sự kích thích thị giác đã thành chiếm ưu thế và những bộ phận sinh dục thành có thể thấy được rõ ràng, và từ đó đến sự kích thích tính dục liên tục, sự sáng lập của gia đình và như thế đưa tới ngưỡng cửa của nền văn minh con người. Đây chỉ là một suy đoán lý thuyết, nhưng nó đủ quan trọng để xứng đáng được kiểm tra cẩn thận với sự tham chiếu đến những điều kiện của đời sống vốn thu được trong đám những loài động vật liên hệ gần gũi với con người.

Một yếu tố xã hội cũng hiện diện không thể nhầm lẫn trong khuynh hướng văn hoá nghiêng về sự sạch sẽ, vốn nó đã nhận được biện minh ex post facto trong những quan tâm về sự vệ sinh, nhưng nó đã tự thể hiện trước khi có những khám phá về vệ sinh. Kích động với sự sạch sẽ bắt nguồn từ một sự thôi thúc để loại bỏ cứt đái bài tiết, vốn chúng đã trở thành khó chịu với những nhận thức giác quan. Chúng ta biết rằng trong nhà nuôi trẻ những sự việc là khác biệt. Những cứt đái bài tiết không khơi dậy ghê tởm ở trẻ em. Chúng có vẻ có giá trị với trẻ em với tính cách là một phần của cơ thể của chúng, vốn đã đi ra xa khỏi nó. Ở đây sự dưỡng dục nhấn mạnh với năng lực đặc biệt để đẩy nhanh tiến trình phát triển nằm chờ phía trước, và nó sẽ làm cho những bài tiết là vô giá trị, đáng kinh, đáng ghê và đáng ghét. Một sự đảo ngược của những giá trị như thế sẽ hiếm có thể có được nếu những thực chất bị thải ra khỏi cơ thể đã không bị thất bại vì mùi mạnh mẽ của chúng,

phải chịu chia xẻ số phận vốn vượt chiếm kích thích khứu giác sau khi con người đã nhận theo tư thế đứng thẳng. Dâm dục hậu môn, do đó, đã gục ngã trong trường hợp đầu tiên của 'dồn nén hữu cơ' vốn nó đã dọn đường đi tới văn minh. Sự hiện hữu của những yếu tố xã hội có trách nhiệm cho việc chuyển đổi xa hơn nữa của dâm dục hậu môn được chứng thực bởi hoàn cảnh, mặc dù với tất cả những tiến bộ phát triển của con người, trong đó anh ta hiếm khi thấy mùi của chất bài tiết của mình ghê tởm, nhưng chỉ là của người khác. Như vậy một ai là một người không sạch sẽ - người ấy không giấu phân bài tiết của anh ta - là xúc phạm những người khác, anh ta không cho thấy anh có sự quan tâm đến họ. Và điều này được xác nhận bởi những từ ngữ mạnh và phổ biến nhất của sự lăng mạ sỉ nhục của chúng ta. Nó sẽ là khó hiểu, cũng vậy nữa, con người đã lại sử dụng tên của người bạn trung thành nhất của mình trong thế giới động vật – loài chó - như một thuật ngữ của sự lăng mạ, nếu loài sinh vật đó đã không làm mình gánh lấy sự khinh thường qua hai đặc điểm: rằng nó là một động vật có giác quan ưu thắng là khứu giác, và một động vật vốn không có kinh dị với phân bài tiết, và rằng nó không có xấu hổ về chức năng tính dục (làm tình) của nó.]

Chu kỳ hữu cơ: chu kỳ sinh lý – Organic periodicity liên quan đến sự tăng trưởng mức độ testosterone trong nguwoif nam và nữ khi người nữ rụng trứng hàng tháng.

[2] Vật tổ và Hèm cấm hay Vật tổ và Cấm kỵ

[Những gì ở đây Freud gọi là 'gia đình nguyên thủy' ông nói về nó thường hơn như là "đám, lũ nguyên thủy" (primal horde); nó tương ứng với những gì Atkinson(1903), vốn khái niệm phần lớn là từ ông mà có, ông gọi là 'gia đình giống người khổng lồ một mắt' - 'Cyclopean family'. Xem thêm, với tất cả những điều này, Standard Ed., 13, 142 ff)]

[3] [Tiếng Đức "Recht" có nghĩa vừa là "đúng" và "luật"]

[4] Eros: Thần ái tình trong thần thoại Hylạp (Cupid – trong Lamã) – đây có nặng phần chỉ Ái tình nhục dục, xác thịt. Hiểu như ái tình nhục dục là cơ sở, trên đó sẽ thăng hoa thành tình yêu, yêu thương. Theo Freud, trong tổng quát, ông xem đây là bản năng của đời sống. Eros: là một trong hai nguồn của tất cả những xung lực trong con người; đặt tên theo thần ái tình, Eros là nguyên lý của sự sống; nó kết buộc và hiển hiện rõ trong ái tình. Những xung lực của nó tương đối mềm dẻo và có thể uốn nặn, chuyển dịch hơn là đối lập của nó Thanatos, xung lực của sự chết hóc. Freud xem đời sống tâm lý như một tương tác giữa hai sức mạnh thấm nhập vào nhau bất tận này. Sống và Chết. Ananke : Nữ thần của Định Mệnh, Tất Yếu và Số phận , mẹ của the Moirae and Adrasteia.

[5] [chương V]

[6] Genital love: tạm dùng chữ ‘ái tình có trọng tâm là cơ quan sinh dục’ – có liên hệ và là sự phát triển tự nhiên của giai đoạn (phát triển) cơ quan sinh dục (genital stage) – chủ yếu là hướng đến thỏa mãn nhu cầu của cơ quan sinh dục. Tuy vậy sự gắn bó kết hợp này dẫn đến hai hiệu quả: nhục cảm và thương yêu (sensuality và affection).

Theo Lý thuyết Tâm phân của Freud là giai đoạn cuối của sự phát triển tâm sinh lý, đạt được ở tuổi dậy thì, khi chú tâm và thích thú và haowtj động dồn vào một người bạn như đối tượng tình dục (sexual partner).

[7] phylogenetically

[8] extra-genital satisfaction: thêm vào, ở ngoài vòng “một chồng/một vợ” thông thường

[9] Perversion: trong tâm lý học – chỉ bất kỳ những phương cách bất thường nào nhằm đi đến thỏa mãn tính dục.

[10] Đây là quan điểm truyền thống của văn hóa Kitô – lên án và cấm kỵ

tính dục, nhưng phải và chỉ chịu chấp nhận nó như phương tiện để truyền giống. Khoa học, tâm lý đều đi đến công nhận khoái cảm nhục dục là một thực tại, nhưng tôn giáo luôn luôn nếu không phủ nhận, gạt bỏ, thì cũng cấm đoán nó. Đằng sau thái độ này, có thể thấy sự sợ hãi những gì là tính dục, nghi ngờ con người không thể làm chủ và chính đáng hưởng lạc thú bắt nguồn từ chính thân xác của nó.

[11] [sự đền bù là lấy được một vài biện pháp về an toàn, xem trang .., chương V tiếp sau.]

[12] [Trong số những tác phẩm của nhà văn nhạy cảm người Anh, John Galsworthy, người vẫn được công chúng hâm mộ cho đến ngày nay, có một truyện ngắn mà tôi đã sớm cho là có giá trị cao. Tên là "The Apple-Tree", và nó cho chúng ta thấy trọn vẹn – như thế nào khiến trong đời sống của người văn minh ngày nay, không còn chỗ nào để lại cho tình yêu tự nhiên đơn giản của hai con người.]

[13] [Quan điểm trình bày ở trên được những giải thích sau đây chống đỡ. Con người là một cơ cấu sinh vật động vật (như những động vật khác) có một khuynh hướng phân bối lưỡng tính không thể nhầm lẫn. Cá nhân tương ứng với một sự hỗn hợp của hai nửa đối xứng, trong đó, theo một số nhà điều tra, một tinh thuần là nam và một kia là nữ. Cũng là ngang thế, có thể là mỗi một nửa đã nguyên thủy là lưỡng tính (hermaphrodite).

Giới tính là một sự kiện sinh học, mặc dù nó có tầm quan trọng đặc biệt khác thường trong đời sống tinh thần, rất khó để nắm bắt về tâm lý. Chúng ta đã quen với nói rằng mỗi con người được phơi bày những xung động bản năng, những nhu cầu và những thuộc tính, cả nam lẫn nữ; mặc dù giải phẫu cơ thể học, nó là đúng thực, có thể chỉ ra những đặc tính thuộc về nam giới và nữ giới, nhưng tâm lý học không có thể.

Đối với tâm lý học, tương phản giữa hai phái tính nhòa dần đi vào một, giữa

tính hoạt động và thụ động, trong đó chúng ta quá sẵn sàng hết sức để liên kết hoạt động với nam giới và thụ động với nữ giới, một cái nhìn vốn nó không có cách nào là khẳng định phổ quát trong giới những động vật. Lý thuyết về lưỡng tính (tính dục) vẫn còn bị bao quanh bởi nhiều tối tăm khó hiểu và chúng ta không thể nào khác ngoài chỉ cảm thấy nó như là một chướng ngại nghiêm trọng trong phân tâm học, vốn nó vẫn chưa tìm thấy bất kỳ liên kết nào với lý thuyết về những bản năng. Tuy nhiên dẫu điều này có thể là gì đi nữa, nếu chúng ta giả định nó như là một sự kiện rằng mỗi cá nhân tìm kiếm để thỏa mãn những mong ước nam tính và nữ tính trong đời sống tính dục của mình, chúng ta đã sửa soạn cho khả năng rằng hai tập hợp những nhu cầu đó không được thực hiện trọn vẹn với cùng một đối tượng, và rằng chúng xen vào can thiệp lẫn nhau, trừ khi chúng có thể được giữ tách biệt, và mỗi một xung lực được hướng dẫn vào một dòng chảy cụ thể đặc thù vốn thích hợp với nó. Một khó khăn khác nữa nổi lên từ tình huống vốn trong đó nó quá thường xuyên liên kết với quan hệ dâm dục một phần chia của khuynh hướng rõ rệt đến gây hấn, thêm vào với những thành phần bạo dâm của chính riêng nó. Đối tượng của ái tình sẽ không phải luôn luôn nhìn những biến chứng này với mức độ của hiểu biết, và khoan dung cho thấy qua những phụ nữ nông dân đã phàn nàn rằng chồng đã không yêu bà nữa, bởi vì trong xuốt một tuần ông đã không đánh đập bà.

Giả thuyết đi sâu hơn, tuy nhiên, là một trong đó có bắt đầu từ những gì tôi đã nói ở trên (đầu chương này) trong chú thích của tôi. Nó là từ hậu quả, với giả định một tư thế đứng thẳng của con người và với sự sụt mất quan trọng của khứu giác, rằng không chỉ dâm dục hậu môn của nó bị đe dọa thành một nạn nhân của sự dồn né sinh lý (đàn áp hữu cơ), nhưng toàn bộ tính dục của hắn; bởi thế từ đó, chức năng tính dục đã bị gắn kèm một sự ghê tởm mà nó không thể giải thích xa khác hơn được nữa, và nó ngăn cả sự thảo mãn hoàn toàn của nó và đẩy nó nó ra khỏi mục đích tính dục, nhưng vào những thăng hoa và chuyển vị libido. Tôi biết rằng Bleuler (1913) một lần đã chỉ ra sự hiện hữu của một thái độ đẩy lùi chính yếu như thế này đối với đời sống tính

dục. Tất cả nhiễu loạn thần kinh (neurotics), và nhiều nữa bên cạnh, lấy làm ngoại lệ cho sự kiện rằng 'chúng ta sinh ra giữa nước tiểu và phân' (inter urinas et faeces nascimur). Những bộ phận sinh dục cũng thế, chúng gợi dậy cảm giác mạnh với mùi vốn nhiều người không thể chịu đựng được, và làm hỏng sự giao hợp của họ. Thế nên, chúng ta phải thấy rằng gốc rễ sâu nhất của đàn áp tính dục, vốn nó tiến triển cùng với nền văn minh là sự bảo vệ hữu cơ của hình thức mới của đời sống, đạt được với dáng đi đứng thẳng của con người, đối nghịch lại với sự hiện hữu sinh vật của nó trước đó. Kết quả của nghiên cứu khoa học này trùng hợp một cách đáng kể với những thành kiến thông tục mà chúng thường tự làm chúng ta nghe được. Tuy nhiên, những điều này là hiện nay không có nhiều khả năng chưa được xác nhận hơn như chưa được khoa học chứng minh. Chúng ta cũng không nên quên rằng, mặc dù không thể phủ nhận sự giảm quan trọng của kích thích khứu giác, ngay cả trong những dân tộc Châu Âu vẫn có những người đối với những mùi hôi mạnh mẽ từ cơ quan sinh dục vốn chúng hết sức dáng tởn và đẩy lùi chúng ta như vậy lại được đánh giá cao như là chất kích thích tính dục và những người đó từ chối buông bỏ chúng. (Cf. những bộ sưu tập của văn hóa dân gian thu được từ bảng câu hỏi Iwan Bloch về ý nghĩa của mùi hôi trong đời sống tính dục ('Uber den Geruchssinn in der vita sexualis') được xuất bản nhiều tập khác nhau Anthropophyteia của của Friedrich S. Krauss .)]

[Về khó khăn khi tìm kiếm một ý nghĩa tâm lý cho 'nam tính' và 'nữ tính' (maleness – femaleness) – xem một cước chú dài thêm vào năm 1915 trong bài thứ ba của "Ba luận văn" của Freud (1905d), Standard Ed,. 7, 219-20 – Hệ quả quan trọng của sự tương cận giữa những cơ quan tính dục và bài tiết đầu tiên đã được Freud nêu lên trong bản thảo K gửi cho Fliess, Jan, 1, 1896 (Freud, 1950a). Ông thường xuyên trở lại điểm này. Cf. thí dụ, hồ sơ trường hợp 'Dora' (1950e (1901), Standard Ed,. 7, 31-2, và luận văn thứ hai về 'the Psychology of Love' (1912d), ibid., 11, 189. Cf. cũng trong Chú thích của biên tập, p.6. f. dẫn trên.]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (6)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương V

Công việc Phân tích Tâm lý [1] đã cho chúng ta thấy chính là những thất vọng này của đời sống tính dục không thể chịu đựng được, vốn con người biết đến như những chứng nhiễu loạn thần kinh [2]. Nhiễu loạn thần kinh tạo ra cho anh ta những thỏa mãn thế chỗ trong những triệu chứng của anh, và những triệu chứng này làm anh ta hoặc đau khổ trong chính chúng, hoặc trở thành những nguồn đau khổ cho anh bằng cách nâng những khó khăn cao lên trong những quan hệ của anh với môi trường và xã hội anh sống trong đó. Sự kiện thứ hai vừa kể là dễ hiểu; sự kiện thứ nhất trình bày một vấn đề mới với chúng ta. Ngoài ra, văn minh đòi hỏi những hy sinh khác bên cạnh những hy sinh về thỏa mãn tính dục.

Chúng ta đã đối xử với sự khó khăn của phát triển văn hoá như là một khó khăn tổng quát của sự phát triển bằng cách dõi ngược nó về với quán tính của libido, về với sự bất đắc dĩ của nó phải từ bỏ một vị trí cũ cho một vị trí mới [3]. Chúng ta đương nói nhiều về cùng một điều khi chúng ta suy ra phản đề giữa văn minh và tính dục từ trường hợp mà ái tình tính dục là một quan hệ giữa hai cá nhân trong đó một người thứ ba chỉ có thể hoặc thừa thãi hoặc phá rối, trong khi văn minh tùy thuộc vào những quan hệ giữa một số lượng đáng kể của những cá nhân.

Khi một liên hệ tình yêu tại đỉnh cao của nó, không có chỗ còn lại cho bất kỳ quan tâm nào trong môi trường; một đôi tình nhân là đủ cho chính họ, và thậm chí không cần đến đứa con họ có chung để làm cho họ hạnh phúc. Không trong trường hợp nào khác mà Eros rất rõ ràng phản bội cốt lõi của tự thân mình, mục đích của hắn để làm nên một ra từ nhiều hơn một; nhưng khi hắn đã đạt được điều này theo cách ai cũng nói qua tình yêu của hai con người, hắn từ chối đi xa hơn.

Cho đến giờ, chúng ta có thể hoàn toàn tưởng tượng rất rõ một cộng đồng văn hóa bao gồm những cặp cá nhân như thế này, những người đã có hài lòng về libido ở chính bản thân họ, đã kết nối với nhau qua những ràng buộc của công việc chung và những quan tâm chung. Nếu điều này đã được như vậy, văn minh đã không phải rút ra bất kỳ năng lượng nào từ tính dục.

Nhưng tình trạng đáng ao ước này của những sự việc không tồn tại, và đã không bao giờ tồn tại. Thực tế cho chúng ta thấy văn minh không hài lòng với những dây buộc cho đến nay chúng ta đã cho phép nó. Nó cũng nhắm đến kết buộc những thành viên của cộng đồng với nhau trong một cách về libido nữa, và sử dụng mọi phương tiện để đi đến chung cuộc đó.

Nó ưa chuộng tất cả mọi lối qua đó những sự đồng hóa nhân cách [4] mạnh mẽ có thể được thiết lập giữa những thành viên của cộng đồng, và nó triệu tập libido có mục tiêu bị ức chế như thế trên quy mô lớn nhất về phần làm vững mạnh sự ràng buộc cộng đồng bằng những liên kết của tình bạn hữu. Để cho những mục tiêu này được hoàn thành, một hạn chế trên đời sống tính dục là không thể tránh khỏi. Nhưng chúng ta không có khả năng hiểu được những gì là thiết yếu, vốn nó đã thúc đẩy văn minh theo dọc theo lối này, và gây ra sự đối kháng của nó với tính dục. Phải có một vài thành tố đáng lo ngại mà chúng ta vẫn chưa khám phá.

Manh mối có thể được cung cấp bởi một trong những đòi hỏi lý tưởng, như chúng ta đã gọi chúng, [5] của xã hội văn minh [6]. Nó viết: “Ngươi phải yêu kẻ hàng xóm ngươi như chính mình”. Nó được biết đến khắp trên thế giới, và chắc chắn là xưa hơn đạo Kitô, vốn đạo này đã dương nó lên như tuyên xưng tự hào nhất của mình.

Dẫu thế, nó chắc chắn không phải là rất xưa, ngay cả trong thời có sử nó đã vẫn còn xa lạ với nhân loại. Chúng ta hãy cùng chấp nhận một thái độ ngây thực với nó, như thể chúng ta đã nghe nó lần đầu tiên, vậy sau đó chúng ta sẽ không thể dập tắt một xúc cảm ngạc nhiên và bối rối. Tại sao chúng ta nên

làm điều đó? Tốt đẹp gì nó sẽ làm cho chúng ta? Tuy nhiên, trên tất cả, làm thế nào chúng ta sẽ đạt được nó? Làm thế nào nó có thể khả hữu?

Tình yêu của tôi là một điều gì đó có giá trị với tôi vốn tôi không nên vứt bỏ mà không ngẫm nghĩ. Nó đòi hỏi tôi những bổn phận cho thành tựu của ai đây khiến tôi phải sẵn sàng làm những hy sinh. Nếu như tôi yêu một ai đó, người ấy phải xứng đáng với tình yêu một cách nào đó. (Tôi bỏ ra ngoài diễn giải như tôi có thể có chỗ dùng nào về người ấy, và cũng cả ý nghĩa có thể có của người ấy như là một đối tượng tính dục với tôi, vì không một nào trong hai loại quan hệ thuộc loại này đi đến vấn đề liệu giới luật yêu thương hàng xóm của tôi có liên quan gì hay không).

Người ấy xứng đáng với tình yêu nếu anh là giống tôi trong những cách quan trọng đến nỗi tôi có thể yêu chính tôi trong anh ấy, và anh ấy xứng đáng với nó nếu anh là quá hoàn hảo hơn bản thân tôi rất nhiều, khiến tôi có thể yêu lý tưởng về chính tự ngã tôi trong anh. Thêm nữa, tôi phải yêu anh ấy nếu anh ta là con trai của bạn tôi, bởi vì nỗi đau của bạn tôi sẽ cảm thấy nếu có gì hại đến anh ta, sẽ cũng là nỗi đau của tôi - tôi nên có phần chia của nó. Nhưng nếu anh là một người xa lạ với tôi, và nếu anh ta không thể thu hút tôi bằng bất kỳ giá trị nào của riêng anh, hoặc bất kỳ ý nghĩa nào đó anh đã có thể thu nhận được cho đời sống tình cảm của tôi, sẽ khó cho tôi để yêu anh ta.

Thật vậy, tôi sẽ phải là sai lầm nếu làm như vậy, bởi vì tình yêu của tôi có giá trị với tất cả những người tôi yêu, nó như là một dấu hiệu của sự ưa thích của tôi với họ, và là một bất công với họ nếu tôi đặt một người xa lạ ngang bằng với họ. Nhưng nếu tôi yêu anh ấy (với tình yêu phổ quát này) chỉ đơn thuần vì anh cũng là một cư dân của trái đất này, giống như một côn trùng, một con sâu đất, hoặc một con rắn cỏ, vậy sau đó tôi sợ rằng chỉ một nhúm nhỏ xíu của tình yêu của tôi sẽ rơi xuống phần chia cho anh ta – dù với bất kỳ khả năng nào, do phán đoán của lý trí của tôi, cũng không nhiều bằng phần tôi xứng đáng được giữ lại cho bản thân mình. Có nghĩa lý gì một giới

luật đề ra với thật nhiều trang nghiêm như thế, nếu như sự thực hiện nó không thể được khuyến cáo là có thể hợp lý?

Khi duyệt xét kỹ lưỡng hơn, tôi vẫn còn tìm thấy những khó khăn nữa. Không chỉ đơn thuần là trong tổng quát, người xa lạ này bất xứng với tình yêu của tôi; tôi thành thật phải thú nhận rằng anh đã có phần đòi nhận nhiều hơn với thù địch của tôi, và ngay cả với sự căm ghét của tôi. Anh dường như không có lấy dù một dấu vết tình yêu nhỏ nhặt nhất cho tôi, và không cho tôi thấy dù một chút quan tâm mỏng manh nhất. Nếu như sẽ đem lại cho anh ta bất kỳ lợi ích nào, anh đã không ngần ngại gì không gây thương tổn cho tôi, anh cũng không tự hỏi mình xem lượng ưu thế anh thu đoạt được có chống đỡ nổi bất kỳ tỷ lệ mức độ thiệt hại nào anh đã gây cho tôi hay không.

Thật vậy, ngay cả như anh không cần chiếm được một ưu thế nào; nếu anh có thể thỏa mãn bất kỳ loại mong muốn nào qua nó, anh không nghĩ gì vệ chế nhạo tôi, xúc phạm tôi, vu khống tôi và cho thấy sức mạnh vượt trội của anh; và anh ta càng cảm thấy an toàn hơn, tôi càng cảm thấy bất lực hơn, càng chắc chắn hơn tôi có thể trông đợi anh ta cư xử như thế này với tôi.

Nếu như anh ta cư xử khác đi, nếu anh ta cho tôi thấy sự quan tâm, và sự tự chế như một người xa lạ, tôi sẵn sàng đối xử cùng một cách với anh ta, dù trong trường hợp nào và hoàn toàn ngoài bất kỳ giới luật nào. Thật vậy, nếu điều răn phô trương này đã viết "yêu hàng xóm ngươi như hàng xóm ngươi yêu ngươi", tôi đã không nên phản đối nó. Và có một điều răn thứ hai, thậm chí nó xem dường lại càng không thể hiểu được nhiều hơn, và lại còn gợi lên sự phản đối mạnh mẽ hơn trong tôi. Đó là "Yêu những kẻ thù của ngươi". Nếu tôi nghĩ nó cho thật kỹ, tuy nhiên, tôi thấy rằng tôi đã sai lầm trong khi xem nó như một đòi hỏi lớn lao hơn. Ở dưới đáy, nó là cùng một điều. [7]

Tôi nghĩ bây giờ tôi có thể nghe được một giọng nghiêm nghị khiển trách tôi: "Đó là chính vì hàng xóm của bạn không xứng đáng với tình yêu, và ngược lại còn là kẻ thù của bạn, mà bạn nên yêu hắn như chính mình". Sau

đó, tôi hiểu rằng trường hợp bàn luận là một thứ tương tự của Credo quia absurdum. [8]

Bây giờ rất có thể là hàng xóm của tôi, khi ông bị ra lệnh phải yêu tôi như yêu chính ông ta, sẽ trả lời đúng như tôi đã làm, và sẽ cự tuyệt tôi vì cùng những lý do. Tôi hy vọng ông sẽ không có cùng những nền tảng khách quan khi làm như thế, nhưng ông sẽ có cùng ý tưởng như tôi có.

Ngay cả như thế, hành vi của con người cho thấy những khác biệt, vốn làm ngơ trước sự kiện là những khác biệt như thế chúng bị định đoạt, đạo đức phân loại chúng là "tốt" hay "xấu". Vì vậy, cho đến khi nào những khác biệt không thể phủ nhận này không bị tước bỏ, sự vâng lời những đòi hỏi cao về đạo đức bắt phải kéo theo thiệt hại cho những mục tiêu của nền văn minh, vì nó đặt một tổn phí quả quyết trên tư cách là xấu. Người ta không thể cưỡng không nhắc lại về một việc rắc rối xảy ra trong Nghị viện Pháp khi tranh luận về hình phạt tử hình. Một thành viên đã nhiệt tình ủng hộ việc bãi bỏ nó, và bài phát biểu của ông đã được nhận với những tiếng vỗ tay náo động, khi một giọng từ hội trường được tung ra: "Que messieurs les assasins commencent!".[9]

Yếu tố của sự thật đằng sau tất cả điều này, mà mọi người rất sẵn sàng để chối bỏ, là con người không phải là những sinh vật hiền lành, không là những người muốn được yêu thương, và không là những người nếu có bị tấn công mức nhiều nhất có thể làm được là bảo vệ chính họ; nhưng ngược lại, họ là những sinh vật có bản năng bẩm sinh phải được nhìn nhận là có một phần chia mạnh mẽ của tính gây hấn hung hãn.

Như một kết quả, hàng xóm của họ đối với họ không chỉ là có tiềm năng là một người giúp đỡ, hay một đối tượng tính dục, mà cũng còn là một người nào đó , người này có toan tính thỏa mãn tính hung hãn của họ trên anh ta, để khai thác năng lực của anh vào công việc mà không có bồi thường, để sử dụng anh về mặt tính dục mà không có sự đồng ý của anh, để nắm giữ tài sản

của anh, để làm nhục anh, để làm cho anh đau đớn, để tra tấn và giết anh. Homo homini lupus [10]. Ai là người, khi đối mặt với tất cả kinh nghiệm đời sống của mình, và của lịch sử, sẽ có can đảm để bất đồng ý kiến với khẳng định này?

Như một qui luật, tính gây hấn tàn nhẫn này chờ đợi một vài hành động khiêu khích, hoặc tự đặt chính nó vào những dịch vụ của một vài chủ định khác, mà mục đích của chúng cũng có thể đạt đến bằng những biện pháp ôn hòa hơn. Trong những hoàn cảnh thuận lợi với nó, khi những phản động lực tinh thần vốn bình thường cấm đoán nó, nhưng bị thương bất động, nó cũng tự thể hiện một cách đột khởi, và để lộ cho thấy con người như một con thú man rợ, sự quan tâm của nó với đồng loại là một điều gì xa lạ.

Bất cứ ai nhớ lại những hành động tàn bạo trong những cuộc di dân, hoặc những cuộc xâm lược của người Huns, hoặc của sắc dân được biết đến như là những người Mongol dưới sự lãnh đạo của Jenghiz Khan và Tamerlane, hoặc khi đánh phá hạ thành Jerusalem của những đội quân Thập tự chinh sùng tín ngoan đạo, hoặc ngay cả, đúng vậy, những kinh hoàng của thế giới chiến tranh vừa qua - bất cứ ai nhớ lại những điều này sẽ phải cúi đầu khiêm tốn trước sự thật của quan điểm này.

Sự hiện hữu của khuynh hướng này về gây hấn hung hãn, mà chúng có thể dò thấy trong chính chúng ta và giả định có căn cứ là có mặt trong những người khác, nó là thành tố làm xáo trộn những quan hệ của chúng ta với hàng xóm của chúng ta, và nó đẩy văn minh vào trong một phí tổn tốn kém như vậy (về năng lực). Trong hậu quả của sự thù địch lẫn nhau chính yếu này của loài người, xã hội có văn minh thường xuyên bị đe dọa với sự phân rã.

Lợi ích của công việc cùng làm chung sẽ không giữ nó lại với nhau; những đam mê bản năng mạnh hơn những lợi ích hợp lý. Văn minh đã phải dùng những cố gắng cùng cực của nó ngõ hầu đặt định những giới hạn cho những

bản năng gây hấn hung hãn của con người, và giữ những biểu hiện của chúng trong vòng kiểm soát bằng những cơ cấu phản ứng tâm lý.

Từ chỗ này nên sử dụng những phương pháp có chủ định kích động con người vào thành những đồng hóa nhân cách và những liên hệ ái tình có mục tiêu bị ức chế, từ chỗ này nên hạn chế trên đời sống tính dục, và cũng từ chỗ này nên ra giới răn của lý tưởng yêu kẻ hàng xóm mình như yêu chính mình - một giới răn vốn nó thực sự được biện chính bởi sự kiện là không có gì nào khác chạy ngược mạnh mẽ đến thế với bản tính nguyên thủy của con người.

Bất kể mọi cố gắng, nỗ lực này của văn minh cho đến nay đã không đạt được nhiều cho lắm. Nó hy vọng ngăn ngừa những thái quá dã man nhất của bạo lực hung ác bằng tự nó giả định quyền được sử dụng bạo lực đối với những kẻ phạm pháp, nhưng pháp luật không có khả năng nắm bắt được những biểu hiện thận trọng hơn và tinh tế hơn của tính gây hấn hung hãn của con người.

Thời gian đến, khi mỗi một người trong chúng ta phải buông bỏ như những ảo tưởng, là những kỳ vọng vốn với chúng, trong thời thanh niên của mình, một người đã gắn vào đồng loại của mình, và khi anh ta có thể biết được bao nhiêu khó khăn và đau đớn đã cộng thêm vào đời mình bởi tà ý của những đồng loại. Đồng thời, sẽ là bất công để khiển trách văn minh với cố gắng để loại bỏ những xung đột và cạnh tranh khỏi hoạt động của con người. Những điều này là chắc chắn không thể thiếu. Nhưng sự đối lập không nhất thiết phải là thù hận, nó chỉ đơn giản đã xử dụng sai lầm và tạo một cơ hội cho thù hận.

Những người cộng sản tin rằng họ đã tìm thấy con đường giải thoát khỏi những tà ác của chúng ta. Theo họ, con người là hoàn toàn tốt và cũng có thái độ thân thiện với hàng xóm của anh ta, nhưng cơ chế của sở hữu của cải riêng đã làm hư hỏng bản chất của anh. Sự làm chủ tài sản riêng tư đem lại quyền lực cá nhân, và cùng với nó là sự cám dỗ để đối xử tệ hại với hàng xóm của mình; trong khi ai là người bị loại trừ khỏi tài sản sở hữu thì buộc

phải nổi loạn trong thù địch chống lại kẻ áp bức mình.

Nếu tài sản tư hữu được hủy bỏ, tất cả của cải được quyết định cộng đồng giữ chung, và tất cả mọi người được cho phép chia phần trong việc thụ hưởng nó, ác ý và thù địch sẽ biến mất giữa con người. Bởi vì tất cả nhu cầu của mọi người sẽ được thỏa mãn, không ai có bất cứ lý do gì để xem người khác như kẻ thù của mình; tất cả sẽ sẵn sàng đảm nhiệm công việc nếu là cần thiết.

Tôi không bận tâm với bất kỳ những phê bình kinh tế nào về hệ thống cộng sản; tôi không thể thăm dò liệu sự bãi bỏ tài sản tư nhân là thiết thực, hoặc có ưu thế hay không [11]. Nhưng tôi có khả năng để nhận ra rằng hệ thống đã dựa trên những tiền đề tâm lý vốn chúng là một ảo ảnh không đứng vững.

Khi xoá bỏ sở hữu tài sản tư nhân, chúng ta tước mất một trong những khí cụ của lòng con người yêu gây hấn hung hãn, chắc chắn là một khí cụ mạnh mẽ, mặc dù chắc chắn không phải là mạnh nhất; nhưng chúng ta đã tuyệt không thay đổi những khác biệt về quyền lực và về ảnh hưởng, vốn chúng bị sự gây hấn hung hãn lạm dụng, chúng ta cũng không có thay đổi bất cứ điều gì về bản chất của nó.

Tính gây hấn hung hãn không do tài sản tạo nên. Nó đã trị vì gần như không có giới hạn trong thời nguyên thủy, khi tài sản đã vẫn còn rất hiếm hoi, và nó đã tự cho thấy nó rồi trong thời trẻ thơ còn nằm nôi, gần như liền trước khi đã từ bỏ, dạng thức nguyên thủy của nó, dạng hậu môn; nó cấu thành cơ sở của tất cả mọi quan hệ của tình cảm và yêu thương giữa con người (với ngoại lệ duy nhất, có lẽ, mối quan hệ của người mẹ với con trai của bà [12]).

Nếu chúng ta chấm dứt những quyền cá nhân trên giàu có vật chất, vẫn còn tồn tại đặc quyền trong lĩnh vực của những quan hệ tính dục, vốn chúng là bị trói buộc phải trở thành nguồn gốc của sự không ưa mạnh nhất, và sự thù địch bạo lực nhất giữa con người, vốn trong những khía cạnh khác họ là đều

ngang nhau về tư cách và quan hệ đối xử. Nếu như chúng ta cũng lấy đi yếu tố này, bằng cách cho phép hoàn toàn tự do trong đời sống tính dục, và như thế bãi bỏ gia đình, tế bào-mầm mống của văn minh, chúng ta không có thể, đó là sự thật, dễ dàng thấy trước những đường phát triển mới nào của văn minh có thể nhận lấy, nhưng một điều chúng ta có thể mong đợi, và đó là tính năng không thể phá hủy này của bản chất con người sẽ đi theo nó đến đó.

Rõ ràng là không dễ dàng cho con người buông bỏ sự thỏa mãn của khuynh hướng này về gây hấn hung hãn. Họ không cảm thấy thoải mái nếu thiếu nó. Ưu thế mà một nhóm văn hóa tương đối nhỏ cung cấp khi để cho bản năng này có một lối thoát dưới hình thức của sự thù địch chống lại những kẻ xâm nhập thì không nên xem thường. Luôn luôn có thể kết hợp một số lượng đáng kể của dân tộc với nhau trong tình yêu, miễn là còn chừa lại dân tộc khác để nhận những biểu hiện của sự gây hấn hung hãn của họ.

Tôi đã từng một lần thảo luận về hiện tượng rằng chính những cộng đồng có lãnh thổ lân cận, và cũng có liên hệ với nhau theo những cách khác nữa, là những người dấn mình trong những hiềm khích liên tục và trong nhạo báng lẫn nhau - như những người Spain và người Portugal, lấy thí dụ, người Bắc Đức và Nam Đức, người Anh và người Scotland, và vân vân [13].

Tôi đã đặt tên cho hiện tượng này là “quá-yêu-chỉ-mình trên những khác biệt nhỏ” [14], một tên gọi không làm được gì nhiều để giải thích nó. Bây giờ chúng ta có thể thấy một sự thỏa mãn thuận tiện và tương đối vô hại của khuynh hướng gây hấn hung hãn, là sự gắn bó giữa những thành viên của cộng đồng được tạo dễ dàng hơn bằng những phương tiện của nó. Trong phương diện này, dân tộc DoThái, rải rác khắp nơi, đã cung cấp những dịch vụ hữu ích nhất cho những nền văn minh của những quốc gia chủ nhà của họ; nhưng bất hạnh là tất cả những cuộc tàn sát người DoThái trong thời Trung cổ đã không đủ để làm cho thời kỳ đó hòa bình hơn và an ninh hơn

cho những người Kitô đồng thời với họ.

Khi thánh tông đồ Paul một lần đã đặt tình yêu phổ quát giữa con người như nền tảng của cộng đồng những người Kitô của ông, sự bất khoan dung cực kì quá khích về phần của thế giới Kitô đối với những ai là người còn nằm ngoài nó, đã trở thành hậu quả không thể tránh. Đối với những người LaMã, những người đã không dựng đời sống cộng đồng của họ như một Nhà nước trên yêu thương, bất khoan dung tôn giáo đã là một điều gì xa lạ, mặc dù với họ tôn giáo đã là một quan tâm của Nhà nước, và tôn giáo đã ngấm nhiễm Nhà nước.

Không phải đã là một ngẫu nhiên không giải thích được mà giấc mơ về một thế giới thống trị của dân Đức, đã kêu gọi chủ nghĩa bài-DoThái như sự bổ xung-cho-toàn-vẹn của nó, và là điều dễ hiểu rằng những cố gắng để thiết lập một nền văn minh mới, văn minh cộng sản ở Nga, đã phải tìm sự hỗ trợ tâm lý của nó trong sự đàn áp giai cấp tư sản. Người ta chỉ còn tự hỏi, với lo lắng, nhà nước Sô viết sẽ làm những gì sau khi họ tiêu diệt xong giới tư sản của họ.

Nếu văn minh áp đặt những hy sinh lớn dường thế, không chỉ trên tính dục của con người, nhưng trên tính gây hấn hung hãn của anh ta, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao là khó khăn để anh ta được hạnh phúc trong nền văn minh đó. Trong thực tế, con người nguyên thủy đã là trong điều kiện tốt đẹp hơn khi không biết gì tới những giới hạn trên bản năng. Để quân bằng ngược với điều này, những triển vọng của anh ta để hưởng hạnh phúc này, trong bất kỳ một khoảng dài lâu thời gian nào, đã rất mỏng manh.

Con người văn minh đã đánh đổi một phần của những cơ hội hạnh phúc của mình cho một phần của sự an toàn. Dù sao đi nữa, chúng ta phải đừng quên, trong gia đình nguyên thủy chỉ người đứng đầu của nó vui hưởng tự do bản năng hả hê này; những người còn lại đã sống trong sự áp chế nô lệ. Trong thời kỳ nguyên thủy này của văn minh, tương phản giữa một thiểu số người

được hưởng những ưu thế của nền văn minh và một đa số những người đã bị cướp mất những ưu thế đó, do đó, diễn ra đến cực đoan. Về phần những dân tộc nguyên thủy còn tồn tại đến ngày nay, những nghiên cứu kỹ lưỡng đã cho thấy rằng sự tự do trong đời sống bản năng của họ thì không đáng thèm muốn chút nào. Nó chịu những hạn chế thuộc một loại khác biệt, nhưng có lẽ với mức độ trầm trọng hơn so với những gì gắn buộc với con người văn minh hiện đại.

Khi chúng ta thẳng thắn tìm thấy sai lầm với trạng thái hiện tại của nền văn minh của chúng ta, vì quá thiếu xót trong đáp ứng những nhu cầu của chúng ta cho một kế hoạch của đời sống vốn sẽ làm chúng ta hạnh phúc; và vì để cho hiện hữu quá nhiều khổ đau vốn có lẽ đã có thể tránh được - khi, với sự phê bình không khoan nhượng, chúng ta cố gắng đào lên những gốc rễ của sự bất toàn của nó, chúng ta chắc chắn thực hiện một quyền thích đáng và không phải cho thấy chính chúng ta là kẻ thù của văn minh. Chúng ta có thể trông đợi dần dần thực hiện xong những sửa đổi như thế trong văn minh của chúng ta, để sẽ thỏa mãn tốt hơn những nhu cầu của chúng ta, và sẽ thoát khỏi những phê bình của chúng ta.

Nhưng có lẽ chúng ta cũng có thể đã quen thuộc rồi với ý tưởng rằng có những khó khăn gắn với bản chất của nền văn minh, vốn chúng sẽ không nhường bước trước bất kỳ nỗ lực cải cách nào. Thêm vào với những công việc phải hạn chế những bản năng, vốn chúng ta đã sửa soạn rồi, ở đó tự nó đẩy tới sự lưu ý của chúng ta về sự nguy hiểm của một tình trạng của những sự việc vốn có thể được đặt tên là “sự nghèo nàn tâm lý của những nhóm” [15].

Nguy hiểm này thì đe dọa nhất ở chỗ nào có sức mạnh của sự kết hợp của một xã hội chủ yếu cấu thành bởi sự đồng hóa nhân cách của những thành viên trong một nhóm với nhau, trong khi những cá nhân thuộc mẫu lãnh đạo không thu nhận được tầm quan trọng vốn họ nên có trong sự hình thành một

nhóm [16]. Tình trạng văn hóa hiện nay của nước Mỹ sẽ cung cấp cho chúng ta một cơ hội tốt để nghiên cứu tác động thương tổn này với văn minh vốn chúng ta có lý do nên sợ hãi. Nhưng tôi sẽ tránh cám dỗ không đi vào một phê phán văn minh nước Mỹ, tôi không muốn đưa ra một ấn tượng rằng tôi muốn chính mình sử dụng những phương pháp của nước Mỹ.

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Sep/2011)

(Còn tiếp...)

[1]Thường gọi tắt là Tâm Phân (Tàu) hay Phân Tâm (Tàu Việt) tùy dịch giả. Trong những bài viết, những tác giả của ngành này, kể cả Freud vẫn dùng từ Psychoanalysis - Phân tích Tâm lý. Tôi theo Freud, giữ như vậy.

Trung tâm lý thuyết Phân tích Tâm lý dựa trên ý tưởng rằng chúng ta có một não thức; "nơi" chứa đầy những bản năng, những mong muốn và những xung lực, chúng tạo động lực cho hành vi của chúng ta. Điều này xuất phát từ mô hình của Freud (1923) về não thức con người, theo ông được chia thành ba lớp riêng biệt, hoặc ba mức độ của ý thức. Tất cả não thức chúng ta như một tảng băng lớn như núi, nổi trên biển. Phần đỉnh nhỏ, nổi trên mặt nước của tảng băng là phần hữu thức (conscious) của chúng ta, qua đó chúng ta thực hiện những hành động xã hội với nhận thức về ý nghĩa của chúng.

Bên dưới phần này, tuy chìm dưới nước nhưng còn thấy được một ít là những gì không quá sâu dưới mặt nước, đó là tiên-ý thức (pre-conscious), và dưới cùng, phần phần lớn nhất chìm sâu, là không-hữu thức (unconscious, vẫn quen dịch là vô thức). Freud tin rằng những hành vi trên bề mặt chúng ta có thể quan sát trong cuộc sống hàng ngày chỉ thực sự phản ánh những xung động cảm xúc sâu xa và những xung đột xảy ra trong phần sau này của não thức.

(Tôi nghĩ, chúng ta cũng có thể gọi cho đơn giản – conscious, pre-conscious, unconscious – là ý thức, tiền-ý thức và không-ý thức. Cõ lẽ giản dị và dễ hiểu hơn những từ nặng nề đầy âm Tàu, mà cũng không rõ nghĩa gì hơn: hữu thức, tiềm thức, vô thức.)

Thế nên, phương pháp phân tích tâm lý là phân tích những hiện tượng tâm lý, cá nhân hay xã hội, bằng cách đi từ phần trên, phần chúng ta ý thức và quan sát được – hữu thức; khởi từ đây thăm dò xuống những phần dấu kín (tiền-ý thức và không-hữu thức), dõi tìm những liên hệ đầu mối những hành vi của chúng ta.

Vì phơi mở được phần không-hữu thức của những hiện tượng này, ý thức được những mong muốn, xung lực của chúng, vốn thường có gốc từ những bản năng của con người, có tác dụng điều trị, chữa những triệu chứng tâm lý bất thường, những bệnh vẫn được gọi là thần kinh. Những kỹ thuật thông thường là: Đánh thức, khơi dậy quá khứ (Anamnesis), Phân tích những hành động vô tình, đột nhiên, hay lời nói hớ (Freudian Slips), phân tích những giấc mơ, phân tích những biểu tượng, hình ảnh trong mơ, những ám ảnh.

[2] neurotics – do neurosis

[3] [xem, thí dụ chương trước, trang xx. Một vài nhận xét về cách xử dụng của Freud về khái niệm ‘psychical inertia’ – ‘quán tính tâm lý’ – trong tổng quát, xem cước chú của người biên tập về Freud, 1915f, Standard Ed., 14, 272.]

[4] Identification: đồng hóa nhân cách – Một người “tưởng” hay “tự nghĩ” mình có những cá tính, phẩm cách hay quan điểm của một người khác, hay nhóm người khác, thường là người mình yêu thích, hay ngưỡng mộ, thần tượng, nên muốn giống như, muốn bắt chước.

Đồng hóa nhân cách là một tiến trình tâm lý vô thức-qua đó một người làm

phần nhân tính của họ giống như nhân tính của một người khác. Nên phân biệt đây không phải là bắt chước, vốn là một tác động tự nguyện và hữu thức. Theo Freud - đồng hóa nhân cách – luôn luôn là một tiến trình cấu tạo tâm lý của một người.

Trong Group Psychology and the Analysis of the Ego (1921c), Freud mô tả ba dạng của đồng hóa nhân cách: "Đầu tiên, đồng hóa nhân cách là hình thức ban đầu của kết buộc tình cảm với một đối tượng; thứ hai, trong một cách thoái lui, nó trở nên một thay thế cho một đối tượng-kết buộc về libido, vì nó đã là đường lối kết nạp đối tượng vào trong ego; và thứ ba, có thể xảy ra với bất kỳ nhận thức mới nào về một phẩm chất chung vốn chia xẻ với một số người khác, trong trường hợp này, nhưng người này không phải là đối tượng của bản năng tính dục. ("First, identification is the original form of emotional tie with an object; secondly, in a regressive way it becomes a substitute for a libidinal object-tie, as it were by means of introjection of the object into the ego; and thirdly, it may arise with any new perception of a common quality shared with some other person who is not an object of the sexual instinct" (107-108).).

[5] [xem trang xx trên đây. Cf. cũng nữa '"Civilized" Sexual morality' (1908d), Standard Ed., 9, 199.]

[6] Ideal demands – những đòi hỏi của văn minh (hay văn hóa) buộc người ta phải sống trong một cách thức sao cho nó phụng sự, góp phần vào chức năng "hoàn hảo" của văn minh. Thí dụ - trong xã hội châu Âu, những kêu gọi như "Love thy neighbor as thy self", hay "Love thy enemies." Những đòi hỏi lý tưởng, không thực tế này - như Freud phê bình ở trên – chúng đối nghịch, tương phản với tự nhiên, với bản năng tính dục (Eros) và bản năng của cái Chết (Thanatos).

"Love thy neighbor as thy self" – hãy suy nghĩ về câu châm ngôn này mà một tôn giáo đã rất tự hào về nó. Chỗ nào có yêu, chỗ đó sẽ có ghét đi đến;

rất nhiều tình cảm con người là luôn luôn hàm hồ, lưỡng lự giữa hai cực - yêu và ghét, và nghiêng về bên này hay bên kia chắc chắn xảy ra, vấn đề chỉ là bao giờ và bao lâu. Và dù oán ghét chỉ trong khoảnh khắc – tai hại có thể vẫn là nghìn năm., chết chóc hủy diệt có thể lf mãi mãi – hay ít nhất hàng thế hệ!

Thê nên, nếu chỗ nào chúng ta nghe tiếng loa kêu gọi yêu thương, có nghĩa là chính chỗ đó vẫn thiếu vắng, hay không có yêu thương giữa tập thể đó, hay ít nhất giữa tập thể đó với ngoài tập thể; nhưng hơn nữa, yêu thương tự nó sẽ dẫn đến hận thù, oán ghét – khái niệm yêu thương tự bản chất sẽ dẫn đến phản đề của nó là không-yêu thương (không xứng đáng được yêu thương, như chúng vẫn nghe). Nếu giữ điều này trong trí, chúng ta sẽ không phải bàng hoàng, sững sờ về sự tàn nhẫn, ác độc, thù hận – như bản chất - của đạo Kitô trong lịch sử bành trướng đẫm máu của nó, từ cổ thời La mã, cho đến xuốt Trung cổ châu Âu, và những thế kỷ gần đây, với chế độ thực dân, chế độ nô lệ, kỳ thị chủng tộc, lập đi lập lại đã 2000 năm nay. Tuy kêu gọi - "Love thy neighbor as thy self" - nhưng tay không bao giờ rời gươm súng.

Chúng ta không phải yêu "kẻ hàng xóm" – Freud đã cho thấy đó là điều vừa không thể (đi ngược lại bản năng bẩm sinh con người) và cũng không nên (hạ thấp tình yêu, làm thành món hàng rẻ mạt) - chỉ đừng ghét họ, và hay nhất là hãy có lòng từ - hãy thương cảm, - hiểu và thương – chúng ta hãy hiểu và thương những người chung quanh là đủ; hiểu họ là những sinh linh có đau khổ tinh thần và thân xác như chính mình, và thương cảm vì họ không thể tránh được những điều đó, vì khổ đau vốn buộc với phận người, vô minh vốn buộc với trí não chật hẹp của loài người. Hiểu và thương đó - hoàn toàn dựa trên thực tại, có thể làm nền tảng cho đạo đức nhân bản, lấy con người làm gốc, ở đây và bây giờ.

[7] [Một ngòi bút lớn giàu trí tưởng tượng có thể tự cho phép ông cung cấp

cho diễn tả - nói đùa rằng, ở tất cả những sự kiện – về những sự thật tâm lý vốn bị nghiêm cấm ngặt nghèo. Vì vậy, Heine thú nhận: "Của tôi là một phần cho hoà bình nhất. Những mong muốn của tôi là: một nhà nghỉ mát khiêm tốn với mái tranh, nhưng có giường ngủ tốt, thức ăn tốt, sữa và bơ tươi nhất, có bồn hoa trước cửa sổ của tôi, và một vài cây đẹp trước khi cửa nhà tôi; và nếu Gót muốn làm cho hạnh phúc của tôi toàn mãn, ông sẽ ban cho tôi niềm vui khi nhìn thấy một số sáu hoặc bảy kẻ thù của tôi bị treo cổ trên những cây này. Trước khi họ chết, động lòng cảm động, tôi sẽ tha thứ cho họ tất cả những sai trái mà họ đã làm với tôi trong cuộc đời của họ. Người ta phải, đó là sự thật, tha thứ cho những kẻ thù của mình - nhưng phải không trước khi chúng bị treo cổ "(Gedanken und Einfälle. Section I).]

[8] [Xem Chương V, Tương lai của một Ảo tưởng (1927c)]

Credo quia absurdum est (Lat., "I believe because it is absurd") cũng còn gọi là nghich lý, hay châm ngôn của Tertullian. Nghĩa đen, "tôi tin, bởi vì nó thì phi lý": đó là, chính sự không thể có được, hay sự phi lý, hay cps thể gọi là xuẩn lý, của một mệnh đề (chủ yếu là trong thần học Kitô) trở thành một thứ động lực cho niềm tin vào chính nó. Chỉ có các mệnh đề tuyệt đối phi lý mới có sức hút như vậy (với những người sùng đạo, hay mê tín - càng phi lý bao nhiêu mà vẫn càng tin, vì như một thử thách để cho thấy và chứng tỏ lòng mộ đạo, hay mê tín cao vời!).

Sự hy sinh trí tuệ (sacrificium intellectus, thường được nhắc bằng tiếng Ý, sacrifizio dell'intelletto) là một khái niệm gắn với sự sùng đạo Kitô, đặc biệt là với dòng Jesuit. Đây là đòi hỏi thứ ba đối với những người theo dòng này. Chúng ta đứng ngoài – dĩ nhiên gọi là mê tín, cuồng tín.

Freud nêu câu này để nhắc một chiến thuật tuyên truyền quen thuộc của tôn giáo (Kitô) – kêu gọi, đề cao, ẩn trốn sau mặt nạ "đức tin", nhờ đó tài tình không phải cung cấp những lý do hữu lý đi kèm với những điều gọi là niềm tin của một người, bằng cách nâng điều phi lý lên thành "đức" tin.

[9] nguyên văn tiếng Pháp trong bản dịch tiếng Anh [‘đó là những kẻ sát nhân chúng nên làm tác động đầu tiên’] hay “hãy để cho những kẻ giết người bắt đầu”.

[10] [‘Người là chó sói với người’ – lấy từ Plautus, Asinaria II, iv, 88.]

[11] [Bất cứ ai là người đã nếm trải những khổ đau của sự nghèo đói trong thời thơ ấu và đã có kinh nghiệm về sự lãnh đạm và kiêu ngạo của giới giàu có, phải tránh khỏi không phải có những nghi ngờ là mình không có hiểu biết hoặc không có thiện chí với những nỗ lực để chiến đấu chống lại những bất bình đẳng về của cải giữa con người và tất cả những gì nó dẫn đến.

Để cho chắc chắn, nếu một nỗ lực được thực hiện nhưng đặt cơ sở cho sự đấu tranh này trên một đòi hỏi đấu tranh trừu tượng, nhân danh công lý, cho bình đẳng cho tất cả mọi người, có đó một phản đối rất rõ ràng phải được nêu lên - đó là bản chất, bởi khi đem tặng cho những cá nhân với những cực kỳ bất bình đẳng về những thuộc tính thể chất và về năng lực trí não, đã đem vào những bất công mà không có biện pháp khắc phục chống lại chúng.]

[12] [Xem Tâm lý nhóm và phân tích về Ego (1921c).]

[13] [Xem chương VI của Group Psychology (1921c), Standard Ed., 18, 101, và ‘Cấm kỵ về Trinh Tiết’ (1918a), ibid., 11, 199.]

[14] narcissism of minor differences: Khái niệm của Freud về “the narcissism of minor differences"” – ý tưởng rằng đích xác chỉ là vì những khác biệt thứ yếu giữa các dân tộc, vốn họ nếu không kể chúng, là giống nhau, những khác biệt thứ yếu này đã tạo thành cơ sở cho những xúc cảm xa lạ và có ác cảm với nhau. Khảo cứu đã cho thấy những khác biệt nhỏ nhoi thứ yếu nằm chìm dưới một phạm vi rộng lớn những mâu thuẫn, hiềm khích: từ những hình thức nhẹ của tinh thần làng xóm (campanilismo) đến những nội chiến đẫm máu.

Khái niệm này được các nhà xã hội học như Simmel, Durkheim, Lévi-Strauss khai triển, chủ yếu dùng cắt nghĩa tương quan thù ghét đã phát triển giữa con người hay giữa những nhóm người mà họ có rất nhiều điều giống nhau, chung nhau (đáng lẽ phải thân thiện với nhau, nhưng không).

Chúng ta có thể tìm thấy điều này trong những – nhẹ như diễu cợt, nặng đến hiềm khích - giữa "tâm lý" thấy trong những khác biệt tập tục nhỏ nhặt thấy trong dân chúng các làng sát cạnh nhau ở châu thổ sông Hồng, đến những chuyện nhỏ khác trên một lĩnh vực rộng lớn hơn, Nam v/s Bắc như - ăn phở có kèm với giá hay không - trở đi. Hay ở cùng miền Trung - đằng sau câu "Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay lo, Bình Định nằm co, Thừa Thiên ních hết". Đó là những narcissism of minor differences; thể hiện qua những bới móc, và khi có cơ hội là làm cho to chuyện những khác biệt thật nhỏ nhặt, để mỉa mai, dè bỉu, ... để thỏa mãn lòng tị hiềm (một dạng nổi của bản năng gây hấn) lẫn nhau giữa người Việt.

[15] trong những bản Anh ngữ, có bản không dịch nhưng để tiếng Pháp "la misere psychologique" [Từ tiếng Đức "psychologisches Elend" có vẻ là một lối dịch từ thành ngữ "misère philosophique" của Janet, Freud dùng để mô tả sự không có khả năng về tổng hợp trí não vốn ông gán cho những xáo trộn thần kinh (neurotics)]

[16] [Cf. Group Psychology and Analysis of the Ego (1921c)]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (7)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienne, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương VI

Không một bài nào trong những bài viết trước của tôi, tôi đã có một tình cảm thật mạnh mẽ như giờ đây, rằng những gì tôi đang mô tả chỉ là kiến thức phổ thông, và tôi đang tốn giấy và mực, và đến cuối đường, cả công việc của người sắp chữ và người thợ in, và vật liệu, để thuyết giải những điều, vốn chúng trên thực tế, là hiển nhiên. Vì lý do đó, tôi nên lấy làm hài lòng nắm lấy luận điểm, nếu như nó đã hiện ra rằng sự nhìn nhận về một bản năng đặc biệt, gây hấn hung hãn độc lập có nghĩa một sự thay đổi của lý thuyết phân tích tâm lý về những bản năng.

Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy, rằng đây không phải như vậy, và rằng đó chỉ đơn giản là một vấn đề tập trung sắc nét hơn vào một đường rẽ của suy tưởng đã đến từ lâu trước đây, và dõi theo những hệ quả của nó. Trong tất cả những phần phát triển tuần tự của lý thuyết phân tích tâm lý, lý thuyết về bản năng là một, trong đó đã dọ dẫm con đường tiến của nó là chật vật nhất [1]. Và dẫu thế lý thuyết đó thật hết sức không thể thiếu được cho toàn bộ cấu trúc khiến một gì đó phải được đặt vào chỗ của nó.

Trong những gì đã là lúc đầu tiên hoàn toàn lúng túng của tôi, tôi đã lấy như điểm khởi hành một câu nói của một thi sĩ-triết gia, Schiller, đó là "đói và yêu là những gì chuyển động thế giới" [2]. Đói có thể được lấy làm đại diện cho những bản năng vốn có mục đích bảo tồn cá nhân; trong khi yêu vươn đuổi sau chân những đối tượng, và chức năng chính của nó, được tự nhiên ưa thích trong mọi cách, là sự bảo tồn chủng loại. Thế nên, để bắt đầu, những bản năng-ego và những bản năng-đối tượng đối đầu với lẫn nhau. Đó là để biểu thị năng lượng của cái kể sau, và chỉ những bản năng sau mà tôi đã giới thiệu thuật ngữ "libido" [3].

Thế nên, phản đề đã là giữa những bản năng-ego và những bản năng dục tính

[4] của ái tình (theo nghĩa rộng nhất của nó [5]), đã được đẩy hướng đến một đối tượng. Một trong những bản năng-đối tượng, bản năng bạo dâm [6], đã đứng nổi bật so với phần còn lại, đúng là sự thật, trong đó mục tiêu của nó như vậy là rất xa với tư cách yêu thương. Hơn nữa, đã rõ ràng ở một số khía cạnh, nó đã gắn với những bản năng-ego: nó không thể che dấu quan hệ chặt chẽ với những bản năng của sự làm chủ vốn không có mục đích dục tính. Nhưng những khác biệt này đã bị vượt qua, sau cùng tất cả, sự bạo dâm đã rõ ràng là một phần của đời sống tính dục, trong những hoạt động ở đó tình cảm yêu thương có thể được thế chỗ bằng sự tàn ác. Chứng nhiễu loạn thần kinh được xem là kết quả của một đấu tranh giữa sự lợi ích của sự tự bảo tồn và những đòi hỏi của libido, một cuộc đấu tranh trong đó ego đã chiến thắng, nhưng với cái giá của những khổ đau và những chối từ hy sinh khốc liệt.

Tất cả mọi nhà phân tích tâm lý sẽ thú nhận rằng ngay cả ngày nay quan điểm này đọc lên đã không có âm thanh của một sai lầm ném-bỏ-lâu-rồi. Dù sao đi nữa, những thay đổi trong nó trở thành thiết yếu, khi những thăm dò của chúng ta tiến xa lên từ những gì bị đàn áp đến những sức mạnh đàn áp, từ những đối tượng-bản năng đến ego.

Bước quyết định đi tới đã là sự giới thiệu đưa vào khái niệm của narcissism [7] - đó là nói rằng, sự khám phá thấy ego chính tự thân nó đầu tư năng lượng xúc cảm vào libido, rằng ego, thực vậy, là căn nhà gốc của libido, và trong một số phạm vi vẫn giữ lại là trụ sở đầu não của nó [8].

Libido quá-yêu-chỉ-mình này quay sang phía những đối tượng, và như thế trở thành libido-đối tượng (đối tượng-ham muốn tính dục); và nó có thể chuyển đổi trở lại một lần nữa thành libido quá-yêu-chỉ-mình. Khái niệm về narcissism làm cho có thể có được một sự hiểu biết phân tích về những chứng neuroses chấn thương và nhiều những bệnh hoạn quanh gần chứng psychoses [9], cũng như của bản thân của chứng kể sau.

Đó là không cần thiết phải từ bỏ những diễn giải của chúng ta về neuroses-

chuyển nhượng như những nỗ lực của ego để bảo vệ chính nó chống lại tính dục; nhưng khái niệm về libido đã bị nguy hại. Bởi vì những-bản năng-ego, cũng thế nữa, là có tính libido, có khao khát tính dục, dường như rồi trong một thời gian không thể tránh khỏi rằng chúng ta nên làm libido trùng hợp với năng lượng bản năng nói chung, như C. G. Jung đã ủng hộ rồi trước đây.

Dù sao đi nữa, vẫn còn lại trong tôi một thứ tin tưởng vững chắc, vốn tôi đã vẫn chưa có khả năng tìm được những lý do cho chúng, đó là những bản năng không có thể đều tất cả thuộc về cùng một loại. Bước kế tiếp sau đómcủa tôi đã được thực hiện trong Beyond the Pleasure Principle (1920g) [10], khi sự cưỡng bách phải lặp lại và cá tính bảo thủ của đời sống bản năng, đầu tiên thu hút sự chú ý của tôi.

Bắt đầu từ những suy đoán về sự bắt đầu của sự sống và từ những tương đồng song hành trong sinh học, tôi đã rút ra kết luận rằng, bên cạnh bản năng để bảo tồn thực thể sống và nối nó vào những đơn vị càng lớn hơn, [11] phải có hiện hữu một bản năng trái ngược khác, bản năng tìm kiếm để giải thể những đơn vị này và đưa chúng trở lại tình trạng nguyên thủy không hữu cơ của chúng.

Đó là nói rằng, cũng giống như Eros [12], cũng có một bản năng của sự chết. Hiện tượng của đời sống có thể được giải thích từ hành động, hoặc đồng thời hoặc cùng đối lập lẫn nhau, của hai bản năng này. Tuy nhiên, không phải là dễ dàng để đem phơi bày rõ những hoạt động của bản năng được giả định về cái chết này. Những biểu hiện của Eros đã đủ nổi bật và ồn ào. Có thể được giả định rằng bản năng về cái chết hoạt động âm thầm nội tại trong sinh vật, hướng về sự giải thể của nó, nhưng tất nhiên, điều đó không có bằng chứng.

Một ý tưởng có kết quả hơn là một phần của bản năng sẽ chuyển hướng về phía thế giới bên ngoài, và phơi ra ánh sáng như một bản năng gây hấn và hủy diệt. Trong lối này, bản năng tự nó có thể được ép lẫn vào trong dịch vụ của Eros, trong đó cơ cấu sinh vật đã phá hủy một vài sự vật khác, dù là là

sinh động hoặc vô tri vô giác, thay vì tiêu diệt tự ngã riêng nó.

Ngược lại, bất kỳ hạn chế nào trên sự gây hấn hướng ra ngoài này sẽ bị buộc đi đến gia tăng sự tự hủy diệt, vốn nó đương tiến hành dù bất kỳ trường hợp nào. Đồng thời, người ta có thể ngờ từ thí dụ này rằng hai loại bản năng hiếm khi - có lẽ không bao giờ - xuất hiện trong cô lẻ, tách biệt với nhau, nhưng là hỗn hợp với nhau trong những tỷ lệ biến đổi và rất khác nhau, và vì thế trở nên không thể nhận ra được dưới phán xét của chúng ta.

Trong chứng bạo dâm [13], đã từ lâu được biết đến với chúng ta như một thành phần của bản năng tính dục, chúng ta sẽ có trước chúng ta một hỗn hợp đặc biệt mạnh mẽ thuộc loại này giữa những khuynh hướng của tình yêu và bản năng hủy diệt; trong khi đối lập tương ứng của nó là chứng khổ dâm [14], sẽ là một sự hợp nhất giữa tính hủy diệt được hướng vào bên trong và tính dục - một sự hợp nhất vốn nó làm những gì, nếu không thể là một khuynh hướng không thể nhận thấy, thành một khuynh hướng đập ngay vào mắt dễ thấy và hiển nhiên hữu hình.

Giả định về sự hiện hữu của một bản năng về cái chết, hay về hủy diệt, đã gặp kháng cự ngay cả trong giới phân tích (tâm lý); tôi nhận biết có một khuynh hướng thường xuyên thích - thà là gán bất cứ gì nguy hiểm và thù địch trong tình yêu vào một tính chất lưỡng cực [15] gốc trong bản chất của tự nó riêng. Lúc bắt đầu, nó chỉ là dự kiến mà tôi đưa ra những quan điểm tôi đã phát triển ở đây [16], nhưng dần với thời gian chúng đã chiếm một chỗ vững chắc như thế trong tôi khiến tôi thôi, không còn có thể nghĩ theo bất kỳ cách nào khác.

Đối với trí não của tôi, chúng hết sức hữu dụng từ một quan điểm lý thuyết nhiều hơn bất kỳ những quan điểm có thể có nào khác; chúng cung cấp cho sự đơn giản dễ hiểu đó, mà không phải hoặc bỏ qua, hoặc làm chuyện cưỡng bức với những sự kiện, vốn chúng ta vươn tới chúng trong công trình khoa học. Tôi biết rằng trong bạo dâm và khổ dâm, chúng ta luôn luôn nhìn thấy

trước chúng ta những biểu hiện của bản năng hủy diệt (hướng ra bên ngoài và vào bên trong), được nấu trộn mạnh mẽ với sự khiêu dâm [17]; nhưng tôi không còn có thể hiểu làm thế nào chúng ta có thể bỏ qua sự có-mặt-khắp-nơi của sự gây hấn không-khiêu dâm và tính hủy hoại, và làm thế nào chúng ta có thể thất bại không cho nó chỗ đứng phải có của nó trong sự giải thích của chúng ta về đời sống.

(Các khao khát về hủy hoại khi nó được hướng vào bên trong hầu hết trốn lánh được nhận thức của chúng ta, tất nhiên, trừ khi nó nhuốm màu với sự khiêu dâm).

Tôi nhớ thái độ tự vệ của riêng tôi khi ý tưởng về một bản năng hủy diệt đầu tiên xuất hiện trong tài liệu phân tích tâm lý, và bao nhiêu thời gian đã mất trước khi tôi trở thành tiếp thụ được với nó [18]. Rằng những người khác đáng lẽ cho thấy, và vẫn cho thấy, cùng một thái độ từ chối, bớt làm tôi ngạc nhiên. Bởi vì "trẻ em nhỏ không thích nó" [19], khi có nói chuyện về những khuynh hướng bẩm sinh của con người với "sự xấu" (tính ác), với tính gây hấn và với tính phá hoại, và cũng cả với sự tàn ác nữa.

Gót đã tạo dựng chúng trong hình ảnh toàn hảo của Ngài; không ai muốn được nhắc nhở là khó khăn như thế nào để hòa giải sự hiện hữu không thể phủ nhận được của cái ác - bất chấp những phản đối của Christian Science [20] - với tính toàn năng của Ngài hay tính toàn thiện của Ngài. Quỉ Dữ [21] sẽ là lối thoát tốt nhất như một cái cớ biện hộ cho Gót; trong cách đó, quỉ dữ sẽ được xử dụng đóng cùng một vai như là một tác năng làm suy hoại kinh tế như giống người Dothái trong thế giới của lý tưởng của người giống Aryan.

Nhưng ngay cả như vậy, người ta có thể buộc Gót phải chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của Quỉ Dữ cũng như cho sự hiện hữu của sự tà ác mà Quỉ Dữ là hiện thân. Theo quan điểm của những khó khăn này, mỗi người chúng ta cũng sẽ được khuyên, trong một số cơ hội thích hợp, hãy cúi đầu thật thấp, hãy khiêm tốn trước bản chất đạo đức sâu xa của loài người, làm như thế sẽ

giúp chúng ta được nổi tiếng với đám đông, và vì nó chúng ta sẽ sẽ được tha thứ rất nhiều [22].

Tên gọi “libido”, có thể được dùng thêm một lần nữa, để biểu thị những biểu hiện của sức mạnh của Eros, nhằm mục đích phân biệt chúng với năng lượng của bản năng Chết [23]. Phải thú nhận rằng chúng ta có khó khăn hơn nhiều trong nắm bắt bản năng đó; chúng ta chỉ có thể ngờ nó có, như nó đã là, như một gì đó trong cái nền đằng sau Eros, và nó thoát khỏi sự nhận biết, trừ khi sự có mặt của nó bị phản bội bởi tư cách trộn lẫn bị hỗn hợp với Eros.

Đó là trong bạo dâm, nơi mà bản năng chết bẻ vặn mục đích khiêu dâm sang ý hướng riêng của nó, và tuy thế lại đồng thời đáp ứng trọn vẹn thối thúc khiêu dâm, khiến chúng ta thành công trong việc thu nhận được cái nhìn rõ ràng vào trong bản chất của nó và quan hệ của nó với Eros. Nhưng ngay cả chỗ nào nó nổi lên không kèm bất kỳ mục đích tính dục nào, trong cuồng nộ mù quáng của tính hủy hoại, chúng ta không thể không nhận ra rằng sự hài lòng của bản năng được đi kèm với một mức độ cực kỳ cao của sự vui thú quá-yêu-chỉ-mình, do nó đem đến cho ego một thỏa mãn với những ao ước cũ của ego về sự toàn năng.

Bản năng hủy diệt, được điều hòa và được thuần hóa, và như nó đã là, nó đã bị cấm đoán trong mục tiêu của nó, khi nó hướng về những đối tượng, nó phải cung cấp cho ego sự thỏa mãn những nhu cầu quan trọng sống còn của nó và sự kiểm soát trên tự nhiên. Bởi vì giả định về sự hiện hữu của bản năng chủ yếu là dựa trên những nền tảng lý thuyết, chúng ta cũng phải thú nhận rằng nó không phải là hoàn toàn chống đỡ được hết những phản đối về lý thuyết. Nhưng đây là vốn những sự việc xuất hiện với chúng ta lúc này như thế nào, trong tình trạng kiến thức của chúng ta hiện giờ; nghiên cứu và suy ngẫm trong tương lai chắc chắn sẽ mang lại thêm ánh sáng nữa, vốn sẽ quyết định nội dung vấn đề.

Thế nên, trong tất cả những gì tiếp sau, tôi chấp nhận chỗ đứng rằng khuynh

hướng đến sự gây hấn xâm lược là một khuynh hướng bản năng độc lập, tự-tồn tại, và nguyên thủy trong con người, và tôi quay về với quan điểm của tôi (chương V) là nó tạo thành trở ngại lớn nhất với sự văn minh. Tại một điểm trong tiến trình của điều tra này (chương III), tôi đã được dẫn đến ý tưởng rằng văn minh là một tiến trình đặc biệt mà loài người trải qua, và tôi vẫn còn dưới ảnh hưởng của ý tưởng đó.

Bây giờ tôi có thể thêm rằng văn minh là một tiến trình trong sự phục vụ cho Eros, mà có mục đích là để kết hợp những cá nhân con người đơn lẻ, và sau đó những gia đình, sau đó những giống người, những dân chúng và những quốc gia, vào thành một thống nhất lớn, khối thống nhất của loài người. Tại sao điều này đã phải xảy ra, chúng ta không biết; nhưng công việc của Eros chính xác là thế [24]. Những tập hợp này của con người được ràng buộc một cách libido với lẫn nhau. Chỉ một mình sự thiết yếu, những ưu thế của công việc làm chung, sẽ không buộc họ lại với nhau.

Nhưng bản năng gây hấn tự nhiên của con người, tính thù địch của mỗi cá nhân chống lại tất cả, và của tất cả chống lại mỗi cá nhân, đối kháng lại chương trình này của văn minh. Bản năng gây hấn hung hãn này là phó sản bắt nguồn từ bản năng chết, và là đại diện chính của bản năng chết, vốn chúng ta đã tìm thấy song hành bên cạnh Eros và chia phần cùng với Eros thống trị thế giới. Và bây giờ, tôi nghĩ, ý nghĩa của sự tiến hóa của văn minh thôi không còn tối tăm với chúng ta.

Nó phải trình bày cuộc đấu tranh giữa Eros và cái Chết, giữa bản năng của sự sống và bản năng của hủy diệt, như nó tự vận động ra trong loài người. Cuộc đấu tranh này là tất cả những gì thiết yếu bao gồm trong sự sống, và sự tiến hóa của nền văn minh, do đó có thể được chỉ đơn giản mô tả như là cuộc đấu tranh cho sự sống của giống người. Và đó là trận chiến này của những khổng lồ, mà những vú em cô giáo nuôi dạy chúng ta cố gắng để xoa dịu dỗ dành bằng bài hát ru của họ về Thiên Đàng [25].

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Sep/2011)

(Còn tiếp...)

[1] [Một vài giải thích về lịch sử của lý thuyết của Freud về bản năng sẽ tìm thấy trong Ghi chú của người biên tập cho bài viết của ông 'Instincts and their Vicissitudes' (1915c), Standard Ed., 14,113 ff.]

[2] ['Die Weltweisen.']

[3] [Ở phần II của bài khảo cứu đầu tiên về nhiễu loạn thần kinh lo lắng (anxiety nerosis) – (1895b)]

[4] "libidinal instincts"

[5] [i.e như Plato đã dùng. Xem chương IV của Group Psychology (1921c), Standard Ed., 18, 99.]

[6] Sadistic instinct.

[7] Narcissism: sự quá-yêu-chỉ-mình, xem chú thích trong chương I.

[8] [Cf. nối kết với điều này, xem Phụ đính B của the Ego and the Id, Standard Ed., 19, 63]

[9] psychoses: loạn thần kinh - rối loạn thần kinh nghiêm trọng, trong đó tư tưởng và cảm xúc của chủ thể bị hư hỏng khiến mất hết nhận thức và liên lạc với thực tại bên ngoài.

[10] Trong Beyond the Pleasure Principle (1920g), Freud giới thiệu khái niệm về xung lực đẩy đến chết như một thuật ngữ đối nghich với xung lực bảo tồn sự sống. Ông nhận xét rằng "điểm đến của tất cả sự sống là cái chết",

"những sự vật không có sự sống hiện hữu trước khi có những sự vật có sự sống" và "tất cả những gì có sự sống đều chết vì những lý do nội tại".

Bản năng về cái chết (death instinct) – hay xung lực hướng về cái chết – là sức mạnh đẩy những sinh vật vươn đến sự trở về với trạng thái vô cơ (inorganic state), trạng thái được biết như không có sự sống như chúng ta hiểu. Khi hòa nhập với bản năng sống (Eros) – chúng ta thấy những xô đẩy chính của nó hướng về những sự phân hủy, tháo gỡ, tách rời, và ly cách. Có thể nói chung là thoát những ràng buộc. và cũng có thể hiểu sự sống là ràng buộc, kết hợp.

Lấy thí dụ đơn giản - những hóa chất phải kết hợp để tạo những tế bào, những tế bào phải kết hợp để tạo những cấu trúc sống, và những cấu trúc sống đó cũng phải kết hợp để tạo những cộng đồng sống, chất kết hợp đó là Eros, chúng ta gọi chung là yêu thương. Phản lại sự kết hợp này là phân hủy, tháo gỡ, tách rời, và ly cách, là bản năng của sự chết (Thanatos), hiểu là xung lực hướng về, thúc đẩy về cái chết, nói trên. Trong hình thức thuần khiết của nó, âm thầm trong cơ cấu tâm lý, nó khuất phục libido đến một mức nào đó, trong một lĩnh vực nào đó, và như thế, để lộ ra thế giới bên ngoài xung lực hủy hoại, thống trị hay ý chí muốn nắm quyền lực: đây là sự bạo dâm (sadism) "hợp thức", nhưng phần chìm bên trong cá nhân có khát vọng quyền lực là kích thích tính dục nguyên thủy của khổ dâm (masochism).

[11] [Sự đối nghịch vốn nó như thế nổi lên giữ khuynh hướng dễ dãi bất cần của Eros hướng về phát triển và bản chất bảo thủ tổng quát của những bản năng thì nổi bật, và nó có thể trở thành điểm khởi đầu cho một nghiên cứu về những vấn đề xa hơn nữa.]

[12] Eros và Thanatos - Freud xác định hai xung lực mà cả hai trộn lẫn vào nhau nhưng xung đột với nhau, bên trong mỗi cá nhân và giữa những cá nhân. Eros là xung lực bảo toàn sự sống, là tình yêu, sáng tạo, và tình dục, tự

hài lòng, và là sự bảo tồn chủng loại. Thanatos, từ gốc HyLạp là “cái chết” - là xung lực của xâm lược, bạo dâm, phá hoại, bạo lực, và của chính cái chết. Trong phần cuối của tập sách này, Freud ghi chú rằng con người, đi theo Thanatos, đã phát minh ra những dụng cụ để tiêu diệt hoàn toàn chính bản thân họ; còn phần Eros, dự kiến sẽ “làm một nỗ lực để khẳng định mình trong cuộc đấu tranh với một kẻ thù ngang ngửa phi luân. Nhưng ai có thể lường trước được với những gì sẽ thành công và với những gì sẽ là kết quả?”.

Freud xác định “bản năng” hoặc “những xung lực” (Triebe) mà ông xem như là bẩm sinh, phổ quát và liên tục cảm thấy. “Một bản năng khác với một kích thích (stimulus) ở chỗ nó phát sinh từ những nguồn kích thích trong cơ thể hoạt động như một sức mạnh thường trực và như vậy đối tượng không thể thoát khỏi nó bằng cách bay xa như anh ta có thể làm thế nếu từ một kích thích bên ngoài. Một bản năng có thể được mô tả như có một nguồn, một đối tượng và một mục tiêu. Nguồn là một trạng thái kích thích trong cơ thể, và mục tiêu của nó là để loại bỏ sự kích thích đó”. (Freud, 1938). Đời sống là vì thế phần lớn là về đối phó với những xung đột này, tìm kiếm để tối đa hóa sự hài lòng thỏa mãn, trong khi giảm thiểu mặc cảm tội lỗi và trừng phạt.

Eros (bản năng/xung lực của sự sống, libido (ham muốn tình dục)) là có liên quan với việc bảo tồn sự sống và bảo tồn chủng loại. Do đó, nó xuất hiện như những nhu cầu cơ bản cho an toàn, sức khỏe và nuôi dưỡng, và thông qua những xung lực ham muốn tính dục. Nó tìm cả hai – vừa bảo toàn và tạo ra đời sống.

Eros có liên quan với những cảm xúc tích cực của tình yêu, và do đó biểu hiện qua những hành vi hỗ trợ xã hội, chung sức cộng tác, hợp tác và những hành vi khác để hỗ trợ những hài hòa trong xã hội.

Thanatos: (xung lực / bản năng chết, mortido, (sự hung hăng)) xuất hiện đối lập và để cân bằng với Eros và đẩy một người hướng tới sự tuyệt chủng và

một “trạng thái vô tri vô giác”. Freud thấy xung lực này như đẩy chúng ta tiến tới những trạng thái về trước, bao gồm cả sự không hiện hữu, tức cái chết.

“Mục đích của mọi sự sống là sự chết ... những thứ vô tri vô giác tồn tại trước khi có những thứ sống, hữu tri giác” (Freud 1920). Thanatos liên quan với những cảm xúc tiêu cực như thù hận, sợ hãi và tức giận, dẫn đến hành vi chống đối xã hội, từ nhỏ như bắt nạt đến lớn như tự tử, hay giết người (có lẽ là phóng thể của những xung lực chết).

[13] Sadism: bạo dâm – khuynh hướng tìm khoái lạc, đặc biệt trong sự thỏa mãn tính dục, từ sự gây đau đớn, hành hạ thân xác hay gây nhục nhã cho kẻ khác, cho đối tương dục tình.

[14] Masochism: khổ dâm - khuynh hướng tìm khoái lạc, đặc biệt trong sự thỏa mãn tính dục, ngược lại với Sadism - từ sự tự gây đau đớn, tự hành hạ thân xác hay nhục nhã cho chính mình, trong sinh hoạt tình dục.

[15] Bipolarity.

[16] [Cf. Beyond the Pleasure Principle (1920g), Standard Ed., 18, 59]

[17] erotism

[18] [Xem một vài nhận xét trong phần Giới thiệu của người biên dịch] bản tiếng Anh.

[19] [“Denn die Kindlein, Sie horen es nicht gerne” trích dẫn từ một bài thơ của Goethe “Die ballade vom vertriebenen und heimgekehrten Grafen”.]

[20] Christian Science: giáo phái Kitô ở Mỹ, do Mary Baker Eddy (1821–1910) sáng lập.

[21] Satan: khái niệm về Quỉ Dữ là một khái niệm xuẩn lý – vì nếu đã giả

định Gót vừa toàn năng vừa toàn thiện thì không thể có Quỉ Dữ, không thể dùng Satan để đổ tội cho những tàn ác, hay đau khổ của con người.

Freud mỉa mai - Satan chỉ là cái cớ đề làm bung xung bào chữa cho Gót, những gì tốt đẹp thì tất cả đều do Gót, nhưng trước những gì xấu ác, vốn là những sự kiện thựctại không thể phủ nhận, thì gán hết cho Satan, trong khi vẫn tuyên xưng Gót là toàn hảo, toàn thiện và toàn năng.

[22] [Trong Mephistopheles của Goethe, chúng ta có một nhận dạng hết sức đặc biệt thuyết phục về nguyên lý của cái ác với bản năng tàn phá:

Denn alles, was entsteht,

Ist wert, dass es zu Grunde geht …

So ist dann alles,was Ihr Sunde

Zerstorung, kurz das Bose nennt,

Mein eigentliches Element.

Với tất cả những sự vật, đến từ Trống-Không

Đã gọi lên, xứng đáng bị hủy diệt

Thế nên, tất cả những gì là bạn, như Tội Lỗi đã đánh giá –

Hủy hoại, - bất cứ gì trộn với Tà Ác, -

Đó là thành tố đúng thực của ta

Quỉ dữ tự hắn nói tên đối thủ của mình, không dẫn kể những gì là thánh thiện và tốt lành, nhưng là sức mạnh trong Tự nhiên hoạt động hướng về sự sáng tạo và tái sinh sư sống - đó là, Eros:

Der Luft, demm Wasser, wie der Erden

Entwinden tausend Keime sich,

Im Trocknen, Feuchten, Warmen, kalten!

Hatt'ich mir nicht die Flamme vorbehalten,

Ich hatte nichts Aparts fur mich.

Từ Nước, Đất và Không Khí tung mở

Muôn ngàn mầm phá vỡ lên, bật lớn dậy,

Trong Khô, và ướt, và ấm, và lạnh ;

Và nếu như ta đã không là Lửa bốc dành sẵn, tại sao?

Thực vậy, Không gì đặc biệt của riêng ta bày cho thấy.

Cả hai đoạn trên trích từ Faust của Goethe, Phần I, Xen 3. Bản dịch tiếng Anh của Baylar Taylor.]

Các câu tiếng Việt dịch từ bản tiếng Anh.

[23] [quan điểm hiện tại của chúng ta có thể được tạm diễn tả trong phát biểu rằng libido (ham muốn tính dục) có cổ phần trong tất cả mọi biểu hiện bản năng, nhưng không phải tất cả mọi thứ trong sự biểu hiện đó là libido]

[24] [Xem Beyond the Pleasure Principle (1920g)]

[25] ['Eiapopeia vom Himmel' Một trích dẫn từ bài thơ Deutschland của Heine, Caput I.]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (8)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienna, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếp theo)

Chương VII

Tại sao những họ hàng của chúng ta, những loài vật, không trưng bày bất kỳ một cuộc đấu tranh văn hóa nào giống như thế? Chúng ta không biết. Rất có thể một số trong chúng – loài ong, loài kiến, loài mối - ra sức từ hàng ngàn năm trước khi chúng đi đến những thể chế Nhà nước, sự phân bố những chức năng và những hạn chế trên cá nhân, mà ngày nay chúng ta ngưỡng mộ chúng.

Nó là một nhãn hiệu của điều kiện hiện nay của chúng ta, mà chúng ta biết từ những tình cảm của riêng chúng ta, rằng chúng ta không nên nghĩ rằng chúng ta sẽ hạnh phúc ở trong bất cứ một Nhà nước nào của những loài vật này, hoặc ở trong bất cứ phần vụ nào trong đám chúng được giao cho mỗi cá nhân. Trong trường hợp của những loài động vật khác, có thể là có một sự cân bằng tạm thời đã đạt được giữa những ảnh hưởng của môi trường của chúng và những bản năng tranh đua lẫn nhau bên trong chúng, và rằng như thế một sự ngưng lại của sự phát triển đã xảy đến. Có thể là trong con người nguyên thủy một tiếp cận tươi mới của libido đã khơi lửa hồi phục một bùng phát mới của những hoạt động về phần của bản năng phá hoại. Có một số rất nhiều những câu hỏi ở đây mà vẫn chưa có trả lời.

Một câu hỏi khác quan tâm chúng ta chặt chẽ hơn. Văn minh sử dụng những phương tiện nào ngõ hầu ngăn cấm tính gây hấn hung hãn vốn đối kháng nó, làm tính này thành vô hại, loại bỏ tính này, có lẽ? Chúng ta đã trở nên quen thuộc rồi với một ít của những phương pháp này, nhưng vẫn chưa với một phương tiện xem dường như là quan trọng nhất. Điều này chúng ta có thể nghiên cứu trong lịch sử sự phát triển của cá nhân. Điều gì xảy ra trong anh ta để làm cho mong muốn gây hấn của anh thành không độc hại? Một cái gì đó rất đáng chú ý, vốn chúng ta sẽ không bao giờ đoán được, và nó dù sao đi nữa vẫn khá hiển nhiên. Sự gây hấn của anh ta được bơm ngược vào bên

trong, đồng hóa với chính mình [1] ; đó là, trong thực tế, được gửi trở lại nơi từ đó nó đã đến - có nghĩa là, nó được hướng trở về ego của riêng anh ta.

Ở đó, nó bị một phần của ego dành lấy, phần này tự đặt mình lên trên cao và kình chống lại phần còn lại của ego, như là super-ego, và giờ đây, trong dạng "lương tâm", sẵn sàng đặt vào hành động chống lại ego với cùng một tính gây hấn khắc nghiệt mà ego vốn đã thích thú thú thỏa mãn như khi nó có thể áp dụng với người khác, những cá nhân bên ngoài không liên hệ. Sự căng thẳng giữa super-ego khắc nghiệt và ego phải chịu dưới nó, được chúng ta gọi là ý thức về lầm lỗi, về sai phạm [2], nó tự thể hiện như một nhu cầu đòi trừng phạt [3]. Văn minh, do đó, lấy được quyền chủ nhân trên khát khao nguy hiểm với sự gây hấn của cá nhân, bằng cách làm suy yếu nó, và tước bỏ vũ khí của nó, và bằng cách thiết lập một cơ năng bên trong anh ta, trong mỗi người, để canh chừng nó, giống như một đồn binh trong một thành phố bị chinh phục.

Về phần nguồn gốc của ý thức về lầm lỗi, nhà phân tích tâm lý có quan điểm khác với những nhà tâm lý học khác, nhưng dẫu thế ông không thấy đem cho một giải thích về nó là dễ dàng. Để bắt đầu, nếu chúng ta hỏi làm thế nào một người đi đến có một ý thức về lầm lỗi, chúng ta đi đến một trả lời mà không thể tranh cãi: một người cảm thấy lầm lỗi (những người mộ đạo (Kitô) sẽ nói "tội lỗi") khi ông đã làm điều gì đó mà ông biết là "xấu".

Nhưng sau đó chúng ta để ý thấy lời đáp này cho chúng ta biết thật ít ỏi. Có lẽ, sau một vài do dự, chúng ta sẽ thêm rằng ngay cả khi một người đã không thực sự làm điều xấu, nhưng chỉ nhận ra trong mình một ý định làm điều đó, ông có thể tự coi mình là phạm lầm lỗi; và nảy sinh câu hỏi sau đó là tại sao ý định lại được xem là bằng như tác động. Cả hai trường hợp, tuy nhiên, có giả định trước rằng một người đã nhận ra rồi rằng điều gì là xấu là đáng khiển trách, là một điều gì đó phải không được đem ra thực hiện. Phán đoán này đã đến như thế nào?

Chúng ta có thể gạt bỏ sự hiện hữu của một khả năng nguyên thủy, như nó đã là tự nhiên, có thể phân biệt tốt khác với xấu. Điều gì là xấu thường không phải tất cả là những gì gây tổn hại hoặc nguy hiểm cho ego; trái lại, nó có thể là một gì đó đáng mong muốn và thú vị cho ego. Do đó, có một ảnh hưởng đứng ngoài - không liên quan đến vấn đề đang giải quyết - làm việc ở đây, và đây là điều vốn quyết định những gì được gọi là tốt hay xấu. Bởi vì những xúc cảm của riêng một người hẳn đã không dẫn ông đi theo lối này, ông phải đã có một động cơ để qui phục, để đặt dưới thế lực xa lạ không dính dáng gì này. Một động cơ như thế thì được khám phá dễ dàng trong tính không tự lực được của ông, và trong sự phụ thuộc của ông vào người khác, và nó có thể được chỉ định hay nhất như sợ hãi bị mất yêu thương.

Nếu như ông ta mất đi yêu thương của người khác vốn là người ông dựa vào, ông cũng thôi không còn được bảo vệ khỏi một loạt nhiều loại những nguy hiểm. Trên hết, ông bị phơi ra với nguy hiểm rằng con người mạnh mẽ hơn này sẽ cho thấy ưu thế của mình trong hình thức của sự trừng phạt. Do đó, ở lúc khởi đầu, những gì là xấu là bất cứ điều gì gây cho người ta mối nguy bị đe dọa với sự mất mát của yêu thương. Vì lo sợ về sự mất mát đó, người ta phải tránh nó. Đây cũng là lý do tại sao chẳng mấy khác biệt gì, nếu như một ai đã làm điều xấu, hoặc chỉ có ý định làm điều đó. Trong cả hai trường hợp, sự nguy hiểm chỉ đặt ra trong trường hợp nếu như, và khi nào gì-đó có uy quyền khám phá ra nó, và dù trong trường hợp nào trong hai, uy quyền sẽ hành xử cùng một lối.

Trạng thái này của não thức được gọi là "lương tâm xấu"; nhưng thực sự nó không xứng đáng với tên gọi này, vì ở giai đoạn này, ý thức về lầm lỗi là rõ ràng chỉ là một sợ hãi về mất yêu thương, lo lắng "xã hội". Ở trẻ nhỏ, nó không bao giờ có thể là bất cứ điều gì khác, nhưng ở nhiều người lớn cũng vậy, nó chỉ thay đổi trong mức độ vị trí của người cha, hay của cả cha lẫn mẹ, được cộng đồng nhân loại lớn hơn chiếm chỗ. Hậu quả là, những người như vậy có thói quen tự cho phép mình làm bất cứ điều gì xấu nhưng vốn

hứa hẹn cho họ sự vui thú, miễn là chúng được bảo đảm rằng uy quyền sẽ không biết bất cứ điều gì về nó, hoặc không thể trách họ về chúng; họ chỉ sợ bị khám phá ra [4]. Nói chung, trong xã hội ngày nay đã phải tính đến trạng thái này của não thức.

Một thay đổi lớn chỉ diễn ra khi uy quyền được chủ thể hóa qua việc thiết lập một super-ego. Hiện tượng lương tâm sau đó đạt tới một giai đoạn cao hơn. Trên thực tế, phải đợi cho đến bây giờ chúng ta mới nên nói về lương tâm, hay về ý thức về lầm lỗi [5]. Tại điểm này cũng vậy, hết không còn sự lo sợ bị khám phá; hơn nữa, sự phân biệt giữa làm một gì đó xấu và muốn làm nó biến mất hoàn toàn, vì không có gì có thể ẩn trốn khỏi super-ego, ngay cả dẫu chỉ những suy nghĩ.

Đúng là tính nghiêm trọng của tình hình từ một quan điểm thực tế đã qua mất, vì uy quyền mới, super-ego, không có động cơ mà chúng ta biết để phải đối xử tệ hại với ego, vốn nó có ràng buộc mật thiết với; nhưng ảnh hưởng di truyền, vốn dẫn đến sự sống còn của những gì đã quá khứ và đã bị khắc phục, làm cho tự chính nó cảm thấy trong sự kiện là những sự việc cơ bản vẫn còn như chúng đã là ở lúc khởi đầu. Super-ego hành hạ ego tội lỗi với cùng một tình cảm của khắc khoải lo lắng và thấp thỏm canh chừng những cơ hội ego bị thế giới bên ngoài trừng phạt.

Ở giai đoạn thứ hai này của sự phát triển, lương tâm trưng bày một tính chất khác thường vốn vắng mặt trong giai đoạn đầu tiên, và nó không còn dễ dàng để giải thích [6]. Đối với một con người càng nhiều đức hạnh hơn bao nhiêu, thì hành vi ứng xử càng nghiêm trọng và càng không tin cậy bấy nhiêu, vì vậy mà cuối cùng đó chính là những người đã tiến xa nhất trên đường thánh thiện là người khiển trách mình với sự tội lỗi tệ hại nhất.

Điều này có nghĩa là đức hạnh bị mất đi một vài phần của tưởng thưởng đã hứa hẹn của mình, ego ngoan ngoãn và trinh bạch không được vui hưởng sự tin tưởng của người thầy của nó, và cố gắng trong vô vọng, có vẻ như, để có

được điều đó. Sự phản đối ngay lập tức sẽ được thực hiện rằng những khó khăn này là những khó khăn nhân tạo, và sẽ được nói rằng một lương tâm nghiêm nhặt và thận trọng hơn thì cjinhs thực là dấu ấn của một người đạo đức. Hơn nữa, khi tự gọi mình là kẻ tội lỗi như thế, những vị thánh không phải là đã sai, khi xem xét những cám dỗ với sự thỏa mãn bản năng mà họ phơi bày ở một mức độ đặc biệt rất cao – bởi vì, như được rộng rãi biết đến, thất vọng thường trực chỉ đơn thuần gia tăng những cám dỗ, trong khi một thỏa mãn có thỉnh thoảng với chúng làm chúng giảm bớt, ít nhất là đương khi xảy ra.

Lĩnh vực luân lý, vốn nó quá đầy những vấn đề, trình bày với chúng ta một sự kiện khác: cụ thể là sự không may - nghĩa là, sự thất vọng với bên ngoài – hết sức nâng cao sức mạnh của lương tâm trong super-ego. Miễn là chừng nào những sự việc tiến hành tốt đẹp với một người, lương tâm của ông thì dễ dãi và để mặc ego làm tất cả những sự việc thuộc mọi loại; nhưng khi bất hạnh xảy đến với ông, ông lục xoát linh hồn của mình, thừa nhận tội lỗi của mình, làm tăng lên những đòi hỏi của lương tâm mình, áp đặt những tiết chế trên chính mình, và trừng phạt chính mình với những hành xác ăn năn[7]. Trọn cả dân tộc đã ứng xử trong cách này, và vẫn còn làm thế.

Tuy nhiên, điều này có thể dễ dàng giải thích được bởi giai đoạn ấu trĩ sơ nguyên của lương tâm, như chúng ta thấy, vốn nó đã không bị buông bỏ sau sự nội nhập đồng nhất hóa vào trong super-ego, nhưng vẫn tồn tại dai dẳng song song với nó, và đằng sau nó. Số phận được xem như là một thay thế cho tác năng mang tính bố mẹ. Nếu một con người bị không may, bất hạnh có nghĩa là ông ta không còn được quyền lực cao nhất này thương yêu; và bị đe dọa bởi sự mất thương yêu như thế, một lần nữa ông lại cúi đầu trước đại diện mang tính bố mẹ trong super-ego của mình – một vị đại diện vốn là người trong những ngày may mắn của mình, ông đã sẵn sàng bỏ bê.

Điều này trở nên đặc biệt rõ ràng nơi Số phận được ngước nhìn lên trong ý

nghĩa tôn giáo nghiêm nhặt, của tư cách không gì khác hơn một biểu hiện của Ý chí Thần linh. Dân tộc Israel đã tin chính họ là đứa con yêu biệt đãi của Gót, và khi người Cha vĩ đại đã gây bất hạnh này tiếp bất hạnh khác xối xả như mưa xuống dân tộc này của ông, họ đã không khi nào bị lay chuyển trong tin tưởng của họ vào sự liên hệ của ông với họ, hoặc đã đặt câu hỏi về quyền năng của ông, hoặc sự công chính của ông. Thay vào đó, họ đã sản xuất những tiên tri, những người đã giương cao trước họ sự tội lỗi của họ, và thoát ra từ ý thức về tội lỗi của họ, họ đã tạo ra những giới răn quá nghiêm khắc của tôn giáo thày tu [8] của họ [9]. Đáng chú ý là một con người nguyên thủy cư xử khác biệt như thế nào. Nếu người này gặp một bất hạnh, ông không ném trách nhiệm trên chính mình, nhưng trên vật-thần ông tôn thờ, vốn hiển nhiên là nó không làm nhiệm vụ của nó, và ông cho nó một trận đòn thay vì trừng phạt chính mình.

Theo đó, chúng ta biết hai nguồn gốc của ý thức về lầm lỗi: một phát sinh từ sợ hãi với một uy quyền, và một khác, về sau này, phát sinh từ sợ hãi với super-ego. Nguồn thứ nhất nhấn mạnh trên một sự từ bỏ của những thỏa mãn bản năng; nguồn thứ hai, cũng làm cùng việc này, thúc đẩy cho sự trừng phạt, vì sự tiếp tục của những khao khát bị cấm đoán không thể che dấu được với super-ego. Chúng ta cũng biết được tính nghiêm khắc của super-ego - những đòi hỏi của lương tâm - được hiểu như thế nào. Nó chỉ đơn giản là một tiếp nối của tính nghiêm khắc của uy quyền bên ngoài, mà nó đã kế thừa và nó đã thay thế một phần.

Bây giờ chúng ta thấy trong quan hệ nào sự từ chối bản năng đại diện cho ý thức lầm lỗi. Ban đầu, sự từ chối bản năng là kết quả của sự sợ hãi uy quyền bên ngoài: một người từ bỏ những thỏa mãn của mình để mình không bị mất thương yêu. Nếu một người đã thực hiện điều này, khi đã xong, một người là rời bỏ khỏi gì đó có uy quyền, và ý thức lầm lỗi thôi không còn nữa. Nhưng trường hợp sự sợ hãi với super-ego là khác biệt. Ở đây, từ bỏ bản năng thôi là chưa đủ, vì mong muốn vẫn dai dẳng tiếp diễn, và không thể che dấu được

khỏi super-ego. Vì vậy, bất kể sự từ bỏ đã được thực hiện, một ý thức về lầm lỗi xảy ra. Điều này tạo nên một bất lợi kinh tế lớn trong sự dựng dậy của một super-ego, hoặc, như chúng ta có thể nói về nó, trong sự hình thành của một lương tâm. Buông bỏ (từ chối, hay hy sinh) bản năng bây giờ thôi không còn có tác dụng giải phóng hoàn toàn; trinh bạch đạo đức thôi không còn được tưởng thưởng với sự đảm bảo về tình yêu. Một bất hạnh đe dọa từ bên ngoài – bị mất yêu thương và sự trừng phạt từ phần của uy quyền bên ngoài - đã được đánh đổi lấy một bất hạnh vĩnh viễn bên trong, lấy sự căng thẳng của ý thức về lầm lỗi.

Những quan hệ qua lại này là quá phức tạp và đồng thời quá quan trọng, cho đến nỗi dù trước nguy cơ tự lập lại, tôi sẽ tiếp cận chúng nhưng từ một góc độ khác. Trình tự diễn tiến theo thời gian, sau đó, sẽ là như sau. Đầu tiên đi đến sự từ bỏ bản năng do sợ hãi sự hung hăng của uy quyền bên ngoài. (Dĩ nhiên, điều này có nghĩa là những gì từ sự lo sợ bị mất yêu thương, vì yêu thương là một bảo vệ chống lại sự hung hăng trừng phạt này.) Sau đó đến sự dựng dậy của một uy quyền bên trong, và sự từ bỏ bản năng đến từ sự sợ hãi uy quyền đó – đến từ sợ hãi của lương tâm [10]. Trong hoàn cảnh thứ hai này, những ý định xấu ngang đồng với những hành động xấu, và từ đó đi đến một cảm xúc lầm lỗi và một nhu cầu trừng phạt. Tính hung hăng của lương tâm tiếp tục tính hung hăng của uy quyền. Cho đến đây, mọi việc đã không nghi ngờ gì được làm cho rõ ràng, nhưng ở chỗ nào điều này để lại khoảng trống cho sự tăng cường ảnh hưởng của bất hạnh (của sự từ bỏ, vốn áp đặt từ bên ngoài) , và cho mức độ nghiêm trọng bất thường của lương tâm trong những người tốt nhất và dễ bảo, dễ sai khiến nhất? Chúng ta đã giải thích rồi cả hai những lạ thường này của lương tâm, nhưng chúng ta có lẽ vẫn còn có một ấn tượng rằng những giải thích này đã chưa đi đến đáy của vấn đề, và để lại một dư lượng vẫn còn không được giải thích. Và ở đây, cuối cùng, một ý tưởng đi đến trong nó vốn hoàn toàn thuộc về tâm lý phân tích, và do đó là xa lạ với cách suy nghĩ thông thường của mọi người. Ý tưởng này là thuộc về một loại cho chúng ta khả năng hiểu tại sao nội dung chủ đề đã phải bị

xem ra quá lẫn lộn và quá khó hiểu cho chúng ta. Vì nó bảo cho chúng ta biết rằng lương tâm (hay đúng hơn, những lo lắng mà sau này trở thành lương tâm) khi khởi đầu, thực sự là nguyên nhân của sự từ bỏ bản năng, nhưng sau đó quan hệ này là đảo ngược. Mỗi sự từ bỏ bản năng bây giờ trở thành một nguồn động lực của lương tâm, và cứ mỗi sự từ bỏ tươi mới về bản năng lại làm tăng mức độ nghiêm trọng và không khoan thứ của lương tâm. Nếu như chúng ta có thể chỉ đem nó hòa hợp vào tốt hơn với những gì chúng ta đã biết về lịch sử của nguồn gốc của lương tâm, chúng ta sẽ bị cám dỗ để bảo vệ phát biểu có tính nghịch lý rằng lương tâm là kết quả của sự từ bỏ bản năng, hoặc rằng sự từ bỏ mà bản năng (ép đặt lên chúng ta từ bên ngoài) tạo ra lương tâm, vốn nó sau đó đòi hỏi thêm nữa sự từ bỏ bản năng.

Mâu thuẫn giữa phát biểu này và những gì chúng ta đã từng nói trước đây về căn nguyên của lương tâm là trong thực tế không phải rất lớn đến như vậy, và chúng ta có thể thấy một cách trong đó vẫn giảm nó thêm nữa. Ngõ hầu làm phát biểu vấn đề của chúng ta dễ dàng hơn, chúng ta hãy cùng lấy bản năng gây hấn như một thí dụ của chúng ta, và chúng ta hãy cùng giả định rằng sự từ bỏ trong vấn đề đang bàn luôn luôn là một sự từ bỏ sự gây hấn.

(Điều này, tất nhiên, sẽ chỉ được nhận lấy như là một giả định tạm thời.) Hiệu quả của sự từ bỏ bản năng với lương tâm sau đó là tất cả mỗi mảnh của gây hấn, vốn đem lại sự hài lòng với đối tượng được từ bỏ, thì được super-ego tiếp thu và làm tăng tính gây hấn của super-ego (với ego).

Điều này không hài hòa tốt với quan điểm rằng tính gây hấn nguyên thủy của lương tâm là một tiếp tục của tính nghiêm khắc của uy quyền từ bên ngoài, và do đó không có dính líu gì với sự từ bỏ, hy sinh bản năng. Nhưng sự khác biệt thì được loại bỏ nếu chúng ta mặc nhiên công nhận có một nguồn gốc khác biệt cho phần đặt định đầu tiên của tính gây hấn của super-ego.

Một số lượng đáng kể của tính gây hấn phải được phát triển trong đứa trẻ, chống lại uy quyền vốn ngăn cản nó không có được những thỏa mãn đầu tiên

- nhưng không phải là kém quan trọng nhất - của nó, dù cho là sự tước mất thỏa mãn bản năng bất kể thuộc loại nào vốn đã đòi hỏi nó, có thể là gì đi nữa; nhưng nó bị bắt buộc phải từ bỏ sự thỏa mãn của tính gây hấn báo thù này.

Nó tìm cách ra của mình khỏi tình hình hơn-thiệt (kinh tế) khó khăn này với sự giúp đỡ của những phương thức (tâm lý) quen thuộc. Bằng phương tiện của sự nhận dạng, đồng hóa mình với gì không phải là mình, đứa trẻ vơ lấy uy quyền mà nó không chống trả được, vào trong thành chính nó. Uy quyền này, giờ đây trở thành super-ego của nó, và đi vào sở hữu tất cả tính hung dữ gây hấn vốn (trước đó) một đứa trẻ đã thích mong chống lại nó.

Ego của đứa trẻ đã phải lấy làm tự bằng lòng với vai trò không vui sướng gì của uy quyền - người cha - người đã như vậy, bị xuống cấp. Ở đây, như thường xảy ra, tình hình (thực sự) đảo ngược: “Nếu như ta đã là cha và ngươi là con, ta sẽ đối xử xấu với ngươi”. Mối quan hệ giữa super-ego và ego, bị bóp méo bởi một ước muốn, là một sự quay trở lại của những quan hệ thực giữa ego, khi còn chưa bị phân chia, và một đối tượng bên ngoài.

Đó là cũng điển hình nữa. Tuy nhiên, sự khác biệt yếu tính là tính nghiêm khắc ban đầu của super-ego là không - hoặc không quá nhiều như thế - đại diện cho tính nghiêm khắc mà người ta đã có kinh nghiệm từ đối tượng, hoặc vốn từ người ta gán thuộc tính vào đối tượng; nó đúng hơn đại diện cho tính hung dữ gây hấn riêng của đứa trẻ hướng về đối tượng. Nếu điều này là chính xác, chúng ta có thể khẳng định thực sự rằng lúc khởi đầu, lương tâm phát sinh từ sự đàn áp của một xung lực hung dữ gây hấn, và nó sau đó được củng cố làm mạnh thêm hơn bằng những đàn áp mới thuộc cùng một loại.

Trong hai cái nhìn, cái nào là chính xác? Cái nhìn trước đó, vốn mang tính di truyền xem ra khó có thể công kích được, hay cái nhìn mới hơn, vốn gói tròn lý thuyết trong một cách thức đáng chào mừng như vậy? Rõ ràng, và cũng bởi bằng chứng nữa, của những quan sát trực tiếp, cả hai đều là hợp lý.

Chúng không mâu thuẫn với nhau, và ngay cả chúng trùng hợp tại một điểm, bởi vì tính gây hấn trả thù của đứ trẻ sẽ được một phần được xác định bởi số lượng gây hấn trừng phạt mà nó thấp thỏm trông đợi đến từ cha mình.

Kinh nghiệm cho thấy, tuy nhiên, mức độ nghiêm khắc của super-ego mà một đứa trẻ phát triển không có cách nào tương ứng với mức độ nghiêm khắc trong đối ứng mà nó tự mình đã gặp phải [11]. [1] Mức độ nghiêm khắc của cái kể trước xem dường như là độc lập với của cái kể sau. Một đứa trẻ đã được nuôi lớn lên trong rất dễ dãi nhân nhượng, vẫn có thể có một lương tâm rất nghiêm ngặt.

Nhưng nó cũng sẽ sai lầm khi thổi phồng sự độc lập này; không phải là điều khó khăn để một người tự thuyết phục rằng mức độ nghiêm khắc của dưỡng dục cũng quả thực có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành super-ego của trẻ con. Những gì đưa đến đáng kể là trong sự hình thành của super-ego và sự xuất hiện của một lương tâm bẩm sinh những yếu tố tạo dựng và những ảnh hưởng từ môi trường thực sự hành động trong kết hợp. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên tất cả, trái lại, nó là một điều kiện về bệnh lý [12] phổ quát cho tất cả những tiến trình như vậy [13].

Điều cũng có thể khẳng định rằng khi một đứa trẻ phản ứng trước những thất vọng lớn lao đầu tiên của mình với tính gây hấn hung hãn quá độ bản năng và với một super-ego nghiêm khắc tương ứng, đứa trẻ đi theo một mô hình phát sinh của loài [14] và sẽ đi vượt ra ngoài phản ứng vốn hiện giờ là chính đáng hợp lý; vì người cha của thời tiền sử chắc chắn đã là khủng khiếp, và một số lượng cực kỳ hung hãn gây hấn có thể được quy cho ông. Thế nên, nếu người ta đổi từ phát triển phát sinh của cá nhân sang phát triển phát sinh của toàn loài, những khác biệt giữa hai lý thuyết về nguồn gốc của lương tâm vẫn còn tiếp tục giảm bớt thêm nữa.

Mặt khác, một khác biệt mới và quan trọng tự làm cho sự xuất hiện của nó giữa hai tiến trình phát triển này. Chúng ta không thể tránh bỏ được giả định

rằng cảm xúc lầm lỗi của con người bắt nguồn từ mặc cảm Oedipus và đã có được mặc cảm này từ việc những anh em kết tập với nhau và giết người cha [15].

Trong dịp đó, một hành động của sự gây hấn đã không bị đàn áp đè nén, nhưng được đem ra thực hiện, nhưng nó là cùng là một hành động của sự gây hấn vốn nếu nó bị đàn áp đè nén ở đứa trẻ thì được cho là nguồn gốc của ý thức của nó về tội lỗi. Tại điểm này, tôi sẽ không nên ngạc nhiên nếu người đọc có kêu lên giận dữ: “Như thế, không có sự khác biệt nào dù một người giết cha của mình hay không – một người nhận được một xúc cảm về tội lỗi dù trong trường hợp nào!

Chúng ta có thể bỏ đi không nêu lên một vài nghi ngờ ở đây. Hoặc không đúng là cảm xúc lầm lỗi xuất phát từ tính hung hãn bị đàn áp đè nén, hoặc khác đi, toàn bộ câu chuyện giết cha là một hư cấu tiểu thuyết, và những trẻ con của người nguyên thủy đã không giết cha của mình thường xuyên nhiều hơn trẻ con ngày nay. Bên cạnh đó, nếu nó không phải là viễn tưởng hư cấu, nhưng một mảnh có thể có của lịch sử, nó sẽ là một trường hợp của một gì đó xảy ra vốn tất cả mọi người trông mong sẽ xảy ra - cụ thể là, của một người cảm thấy tội lỗi vì ông ta thực sự đã làm một gì đó mà không thể biện minh được. Và với sự kiện này, vốn sau hết tất cả, là một chuyện xảy ra tất cả mỗi ngày, phân tích tâm lý vẫn chưa đưa ra bất kỳ lời giải thích nào.

Đó là sự thật, và chúng ta phải làm như đã hứa với sự bỏ xót. Và chẳng phải là có bất kỳ bí mật lớn lao nào về vấn đề. Khi một người đã có một cảm xúc lầm lỗi sau khi đã phạm một hành động xấu ác hay trái luật, và vì nó, đúng hơn nên gọi tình cảm là hối hận [16]. Nó liên quan chỉ đến một hành động vốn đã thực hiện, và tất nhiên, nó giả định trước là một lương tâm - sự sẵn sàng để cảm thấy lầm lỗi - đã hiện hữu rồi trước khi hành động diễn ra.

Do đó, hối hận loại này không bao giờ có thể giúp chúng ta khám phá được nguồn gốc của lương tâm và ý thức về lầm lỗi nói chung. Điều gì xảy ra

trong những trường hợp hàng ngày là thường như thế này: một nhu cầu bản năng thu lấy được sức mạnh để đạt được sự thỏa mãn, bất chấp lương tâm, vốn là sau tất cả, có sức mạnh của nó bị hạn chế; và với sự suy yếu tự nhiên của nhu cầu do sự nó đã được hài lòng, sự quân bình trước đây của sức mạnh được tái lập. Như vậy, phân tích tâm lý là có lý do chính đáng để không bao gồm trong thảo luận hiện tại, trường hợp của một ý thức về lầm lỗi đến từ hối hận, dù cho trường hợp như vậy xảy ra thường xuyên đến đâu, và dù cho sự quan trọng thực tiễn của chúng lớn lao cho đến đâu.

Nhưng nếu ý thức về lầm lỗi của con người đi ngược về đến tận sự giết hại người cha thời nguyên thủy, sau cùng tất cả, đó đã là một trường hợp của "hối hận". Có phải chúng ta cho rằng một lương tâm và ý thức về lầm lỗi, ở thời điểm đó, như chúng ta đã giả định trước, đã không hiện hữu trước hành động? Nếu không thế, trong trường hợp này, hối hận đã từ đâu đến? Không nghi ngờ gì rằng trường hợp này sẽ giải thích cho chúng ta bí mật của cảm xúc lầm lỗi , và chấm dứt những khó khăn của chúng ta. Và tôi tin là nó có. Hối hận này đã là kết quả của tình cảm mâu thuẫn vừa yêu vừa ghét, có từ nguyên thủy, hướng về người cha.

Những đứa con trai ông ghét ông, nhưng chúng cũng yêu ông nữa. Sau khi thù ghét của họ đã được thỏa mãn từ hành động hung hãn gây hấn của họ, tình yêu của họ đã đi ra tiền diện trong sự hối hận của họ với hành động. Nó thiết lập super-ego bằng sự tự nhận nhập một, đồng hóa với người cha, nó đã cho cơ năng đó - super-ego - quyền lực của người cha, như được nghĩ như một trừng phạt cho hành động gây hấn họ đã tiến hành chống lại ông, và nó đã tạo ra những hạn chế vốn dự định để ngăn chặn một sự lập lại hành động đó.

Và vì khuynh hướng gây hấn chống lại người cha đã được lập lại trong những thế hệ tiếp nối, cảm xúc lầm lỗi , cũng vậy, vẫn tồn tại, và nó đã được làm vững mạnh thêm nữa bởi tất cả mỗi mảnh của gây hấn đã bị dập tắt và bị

đem chuyển sang super-ego. Bây giờ, tôi nghĩ rằng, cuối cùng chúng ta có thể nắm vững hai điều hoàn toàn rõ ràng: phần do tình yêu đóng vai trong nguồn gốc của lương tâm, và tai họa không thể tránh khỏi của cảm xúc lầm lỗi . Cho dù một người có giết cha của mình, hoặc đã kiêng không làm như vậy, không thực sự là điều quyết định.

Một người là buộc vào phải cảm thấy có lầm lỗi dù trong trường hợp nào của cả hai, vì cảm xúc lầm lỗi là một biểu hiện của xung đột do mâu thuẫn, của đấu tranh đời đời giữa Eros và bản năng của hủy hoại hoặc của cái chết. Xung đột này bắt đầu tiến hành lập tức ngay khi con người bị đối mặt với công việc phải sống chung lẫn với nhau. Chừng nào cộng đồng không nhận lấy hình thức nào khác hơn là hình thức của gia đình, xung đột này nhất định buộc phải tự thể hiện trong mặc cảm Oedipus, để thiết lập lương tâm và để tạo ra xúc cảm đầu tiên về tội lỗi. Khi một nỗ lực được thực hiện để mở rộng cộng đồng, cùng một xung đột được tiếp tục trong những hình thức vốn phụ thuộc vào quá khứ; và nó thì được làm mạnh thêm và kết quả trong sự tăng cường sâu đậm hơn nữa ý thức về lầm lỗi.

Vì văn minh tuân theo một xung lực gợi tính dục nội tại, vốn là nguyên nhân khiến con người kết hợp thành nhóm ràng-buộc-chặt-chẽ, nó chỉ có thể đạt được mục tiêu này qua một sự củng cố ngày càng tăng của cảm xúc lầm lỗi . Điều gì đã bắt đầu trong liên hệ với người cha được hoàn tất trong liên hệ với cả nhóm.

Nếu văn minh là một tiến trình cần thiết của sự phát triển từ gia đình đến nhân loại như một toàn bộ, sau đó - như là một kết quả của cuộc xung đột bẩm sinh phát sinh từ mâu thuẫn, của cuộc đấu tranh vĩnh cửu giữa những khuynh hướng của tình yêu và cái chết - có ràng buộc không thể gỡ ra với nó một gia tăng về cảm xúc lầm lỗi , vốn có lẽ sẽ đạt đến những đỉnh cao mà cá nhân thấy khó chịu đựng nổi. Người ta thì được nhắc nhở đến sự buộc tội kể lại, do một nhà thơ lớn chống lại “Những sức mạnh trời cao”: -

Ihr führt in’s Leben uns Leben.

Ihr lasst den Armen schuldig werden,

Dann überlasst Ihr ihn den Pein,

Denn jede Schuld rächt Sich auf Erden. [17]

Và chúng ta cũng có thể thở dài nhẹ nhõm khi nghĩ rằng dù sao đi nữa nó vẫn ban cho một số ít người, khó mà gọi là một gắng sức, để vớt vát từ xoáy nước của những xúc cảm của chính họ, những chân lý sâu xa nhất, hướng về chúng vốn phần chúng ta còn lại phải mở lấy lối đi cho chúng ta, trong không ngừng mò mẫm sờ soạng bất an, giữa những bất định hành hạ khổ ải.

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Jan/2012)

(còn tiếp)

[1] Internalize: trong tâm lý – chủ thể hóa - đồng hóa một thái độ hay cách ứng xử, thành bản tính tự nhiên hoặc do bắt chước không ý thức, hoặc bằng học tập.

[2] guilt: cảm giác phạm tội – làm điều gì sai trái, tự biết mình làm điều gì đó lầm lỗi, có trách nhiệm; đáng lẽ không nên làm; khác với cảm giác hổ thẹn (shame), Đây là những xúc cảm có tính cách đạo đức tự ý thức (self-conscious moral emotions) - sau khi làm một điều gì tự mình biết là không nên, một gì đó thường trực hơn, tạm gọi là lương tâm cảm thấy áy náy; đưa đến ăn năn, hối hận, sám hối; thí dụ - vì đã hại đến một ai khác (đâm xe vào một ai, gây tại nạn, gây thiệt hại cho mình hay người).

Mức độ nhẹ hơn là lúng túng, ngượng ngùng (embarrassment) ở mức độ thấp này, thiệt hại cũng nhẹ hơn, thí dụ trong trường hợp không thực sự tổn

thương ai ngoài sự tự trọng chính mình (nói lỡ lời). Những xúc cảm này hướng nội về mình (self), tự phán đoán hay nhận thức chủ quan một kinh nghiệm cảm xúc xảy ra khi một người nhận ra hoặc tin rằng, dù đúng thực hay không, người ấy đã vi phạm một tiêu chuẩn đạo đức nào đó, và chịu trách nhiệm đáng kể đối với hành vi đó. Nó liên quan chặt chẽ và dẫn đến khái niệm hối hận (remorse) hay ăn ăn.

Nói chung, chúng ta có thể tìm thấy trong những sách giáo khoa tâm lý – sẽ cho chúng ta những định nghĩa và phân loại sâu rộng về những tình cảm này. Nhận định ở đây là những xúc cảm này là những sự kiện thực tại, chúng tác động trên chúng ta và thường là nguồn gốc những bệnh tâm thần. Chúng cũng liên hệ với câu hỏi về "lương tâm" – có là một thực thể hay không, hay chỉ mà một ảo tưởng (cũng như linh hồn) là điều còn bàn cãi. Nhưng câu hỏi quan trọng hơn, và ở đây, là về nguồn gốc của chúng, và tùy theo những giải thích nguồn gốc của chúng, sẽ đưa đên những tác dụng, ứng dụng khác biệt tùy khung cảnh và môi trường văn hóa, trong đó tôn giáo đóng một vai trò quan trọng.

Tôn giáo ở phương Tây, chủ yếu là Kitô – đã có một giải thích hết sức đặc biệt về nguồn gốc của cảm thức lầm lỗi; từ đây nó đã đẩy thành một khái niệm khác – sin, tội lỗi. Khái niệm này có màu sắc và nội dung giáo điều và khoác màu tín ngưỡng. Sin được giải thích và hiểu trong văn hóa Kitô là trạng thái hay hành động làm trái ý Gót, nên "tội" (sin) ở đây không hoàn toàn có nội dung như từ được dịch và xử dụng như tương đương trong văn hóa không-Kitô. Trong tiếng Việt, chẳng hạn, chúng ta nói "làm thế là có tội – với pháp luật, với làng xã, với cha mẹ, với đất nước,…", có khi nói "làm như thế phải tội chết", nghĩa là có tội, có thể phải chịu hình phạt của "đất trời" – sẽ bị đày "địa ngục" chẳng hạn, mới nhuốm màu tôn giáo, nhưng không tuyệt đối như "sin". Trong văn hóa Kitô phương Tây, một người có tội ("sin") – là có tội với Gót, không với ai khác.

Kitô (và Islam) kế thừa hầu hết nội dung khái niệm tội lỗi từ Judaism, và những ý tưởng từ Persia và Roma, chủ yếu qua diễn dịch của Augustine, là người đã thích nghi những ý tưởng của Plato với giáo lý Kitô. Tiếng Latin tội lỗi là culpa, một từ đôi khi thấy trong tài liệu pháp luật, ví dụ "mea culpa" có nghĩa là "lỗi của tôi (guilt)"

Theo giáo lý Kitô, tội lỗi và xấu hổ có nguồn gốc từ loài người phạm giới đầu tiên chống lại Gót, chúng là những hậu quả của tội lỗi nguyên thủy (original sin). Tội lỗi và xấu hổ do đó mật thiết gắn liền với khái niệm về sin tội lỗi – một sự cố ý phạm giới chống lại ý chí của Gót. Như vậy những khái niệm này khác biệt tùy khung văn hóa và những giải thích phổ thông và bình dân về nguồn gốc của chúng có tính văn hóa.

Giải thích của giáo lý Kitô thuộc loại này và nó khác biệt sâu xa, nếu không nói là đối nghịch với văn hóa quen thuộc của chúng ta, vốn chúng ta chịu ảnh hưởng nặng nề văn hóa Tàu (người Tàu dịch shame là tu tàm (羞惭), và guilt là tu quí (羞愧) – gốc từ "tu" 羞 là xấu hổ thẹn thùng. Khác biệt trên hai điều chính yếu và quan trọng.

Thứ nhất, quan niệm tội lỗi của đạo Kitô là xa lạ với văn hóa nước Tàu, đặc biệt là khái niệm về tội lỗi nguyên thủy đã đi ngược lại với sự sùng bái và tôn kính tổ tiên. Thứ hai, những giải thích trong kinh thánh về tội lỗi nguyên thủy đã quá nhấn mạnh về khía cạnh tình dục.

Nhục dục và và tình dục là trung tâm giáo lý về tội lỗi nguyên thủy (tội tổ tông). Augustine giải thích sự xấu hổ của Adam và Eve đã có từ kinh nghiệm về sự trần truồng của họ, đã ngầm ý nói về những sinh hoạt dục tình với bộ phận sinh dục của họ. Xấu hổ dẫn họ kết lá sung làm khố, che những gì trước đó tự nhiên phơi mở, sau đã được gọi là âm hộ (pudenda), cơ quan sinh dục bên ngoài con người, đặc biệt là của người phụ nữ; (từ pudere Latin, có nghĩa là gây ra sự xấu hổ).

Ngược lại, truyền thống Nho giáo của Tàu chấp nhận tình dục như là một phần nội tại của bản chất con người, sinh hoạt tình dục là tự nhiên, chuyện ăn nằm giao cấu như chuyện gió mưa của đất trời (đọc Bồ Tùng Linh). Tuy nhiên, những hoạt động tình dục ngoài giới hạn của mỗi cá nhân mới bị lên án, nhưng chủ yếu từ quan điểm xã hội. Một chấp nhận đầy đủ hơn về tình dục được tìm thấy trong Đạo giáo, xem hoạt động tình dục như là một biểu hiện tự nhiên của nguyên lý âm dương trong vũ trụ.

Freud mô tả và giải thích cảm giác này, như chúng ta thấy trong chương này - như là kết quả của một cuộc đấu tranh giữa ego và super-ego. Freud bác bỏ vai trò của Gót như một kẻ trừng phạt hay ban thưởng. Trong khi loại bỏ nguồn gốc thần bí tôn giáo (bệnh tâm thần vẫn được xem là bị "quỉ" nhập – phải mời những thày chăn chiên "trục quỉ" (exorcism)), ông đưa giải thích khác về nguồn gốc tâm lý của cảm giác về sai phạm, hổ thẹn, lầm lỗi thấy trong những bệnh nhân, ông đưa ra một nguồn gốc khoa học, của khoa tâm lý phân tích. Là một y sĩ, ông thấy điều này là động lực vô thức trong cá nhân đã góp phần vào tạo những bệnh tâm thần. Freud đã xem "chướng ngại của một cảm giác vô thức về tội lỗi ... như chướng ngại lớn nhất trên sự hồi phục cho bênh nhân".

Đến đây, đặt trong toàn bộ giải thích của Freud, sự đè nén của văn minh trên bản năng tự nhiên của con người là điều không thể tránh khỏi – nên xúc cảm lầm lỗi, hay phạm tội – là xúc cảm thường trực vĩnh viễn của con người kết tập xã hội, con người văn minh; giáo dục, văn hóa có thể ngăn ngừa và xóa khỏi hay kiếm soát hữu thức, nhưng không thể xóa khỏi vô thức. Chính xúc cảm này đã được tôn giáo như Ki tô khéo léo lợi dụng ("sin") và trên đó xây dựng cả một hệ thống tín điều và luân lý. Như thế, nó đánh vào chỗ yếu đuối, điểm đáng thương nhất của con người.

Tôi chú ý đến điểm này khi đi tìm lý do giải thích sự tồn tại dai dẳng của tôn giáo – dù chúng chứa đầy rẫy những nội dung phi lý – trong xã hội khoa học

phát triển của con người phương Tây. Tôn giáo ở phương Tây dựng trên tình cảm, không trên lý trí, thế nên có lẽ bao nhiêu phê bình sắc bén trên cơ sở lý trí như Russell, Marx, Durkheim, hay Freud, hay hiện nay của những nhà vô thần mới (Hitchens, Dawkins, Harris) cũng có lẽ khó làm nó đổ được.

Nó bám chặt vào chỗ bị thương không thể tránh và dựng trên khổ đau không thể chữa được khởi từ đó của con người. Dĩ nhiên, nó chỉ an ủi xuông, hứa hẹn hão huyền, nhưng không bao giờ có ý định và cũng không thể chữa chạy được những thương đau của nhân loại. Như đã giới thiệu vội vàng trong lời dẫn nhập của tôi; tôi cũng sẽ khai triển điểm này sau.

[3] [Cf. "The Economic Problem of Masochism" (1924c), Standard Ed., 19, 166-7]

[4] [Điều này nhắc một vai trò lĩnh đạo nổi tiếng của Rousseau. (Vấn đề do Rousseau nêu lên đã được Freud trich dẫn trọn vẹn trong bài viết 'Our attitude towards Death (1915b), Stand Ed., 14, 298)]

[5] [Mọi người có nhận định sáng xuốt sẽ hiểu và đưa vào giải thích sự kiện là trong mô tả tóm tắt này chúng ta đã giới hạn mạnh mẽ những sự kiện mà trong thực tế xảy ra bởi tiến trình chuyển đổi dần dần, và nó không chỉ là một câu hỏi về sự hiện hữu của một super-ego, nhưng về sức mạnh tương đối và phạm vi ảnh hưởng của nó. Tất cả những gì đã được nói ở trên về lương tâm và tội lỗi, hơn nữa, là kiến thức phổ biến và hầu như không thể tranh cãi.]

[6] [nghịch lý này đã được Freud bàn luận trước đó, Xem, lấy thí dụ, chương V của The Ego and the Id (1923)]

[7] [Sự đề cao này trong đạo đức như là một hậu quả của sự không may, đã được Mark Twain minh họa trong một câu chuyện thú vị ngắn, The First Melon I ever Stole. Quả dưa lần đầu tiên ăn trộm là còn xanh. Tôi đã nghe

chính Mark Twain kể lại câu chuyện, một trong những lần đọc trước công chúng của mình. Sau khi ông đã đưa ra nhan đề, ông dừng lại và tự hỏi như thể ông đã nghi ngờ: "Đó có phải là lần đầu tiên không?" Với điều này, tất cả mọi việc đã được nói xong. Quả dưa đầu tiên đã rõ ràng không phải là chỉ một.]

[8] Priestly religion – một hình thức tôn giáo với điển hình là đạo DoThái - Trong phần lớn lịch sử của dân DoThái, tôn giáo của họ được những thày tu quản lý. Những thày tu DoThái tạo thành một giai cấp đặc biệt, có quyền lực xã hội, kinh tế và chính trị vượt xa ngoài nhiệm vụ thực hiện những nghi lễ thiêng liêng tôn giáo trong những đền synagogue. Địa vị của giai cấp thày tu này chỉ đứng sau nhà vua.

[9] [Một giải thích rộng rãi hơn về những liên hệ của dân tộc Do thái với Gót của họ, có thể được tìm thấy trong Freud, Moses and Monotheism (1939a).]

[10] ['Gewissensangst.' Một vài nhận xét về thuật ngữ này được tìm thấy trong cước chú của người biên dịch trong chương VlI của Inhibitions, Symptoms alld Anxiety (1926d), Standard Ed., 20, 128.]

[11] Như đã đúng được nhấn mạnh bởi Melanie Klein và do những nhà văn khác tiếng Anh.

[12] Aetiological – thuộc về lý do gây bệnh.

[13] Hai loại chính của những phương pháp gây bệnh trong sự nuôi dạy giáo dục - quá nghiêm khắc và quá nuông chiều - đã được Franz Alexander đánh giá chính xác trong tập sách của ông Psychoanalysis of the Total Personality (1927) kết hợp với nghiên cứu của Aichhorn về sự phạm pháp (Wayward Youth, 1925) Sự "quá mức nhân hậu và đam mê lạc thú của người cha" là nguyên nhân của trẻ em hình thành một super-ego quá mức nghiêm khắc, bởi vì, theo ấn tượng của yêu thương mà họ nhận được, họ không có lối

thoát nào khác cho tính gây hấn của họ ngoài cách biến nó vào bên trong.

Ở trẻ em phạm pháp, những người đã được nuôi dạy mà không có thương yêu, sự căng thẳng giữa ego và super-ego là thiếu vắng, và toàn bộ tính gây hấn của chúng có thể được dẫn đưa ra bên ngoài. Ngoài một số yếu tố tạo dựng có thể được xem là hiện hữu, do đó có thể nói, có một lương tâm nghiêm khắc phát sinh từ những hoạt động chung của hai yếu tố: sự thất vọng của bản năng, vốn nó tháo gỡ mọi ràng buộc, giải phóng tính gây hấn, và kinh nghiệm được thương yêu, vốn biến tính gây hấn vào bên trong và giao nó cho super-ego.

[14] Phylogenetic: the evolutionary development and diversification of a species or group of organisms, or of a particular feature of an organism. Với mỗi cá nhân trong từng chủng loại là ontogenesis - the development of an individual organism or anatomical or behavioral feature from the earliest stage to maturity.

[15] [Totem and Taboo (1912-13), Standard Ed., 13, 143]

[16] remorse

[17] [Goethe , Wilhelm Meister , “The Song of the Harper"

Với trái đất, trái đất mệt mỏi này, ngươi mang chúng ta

Với cảm giác tội lỗi ngươi để mặc ... bỏ đi không màng,

Sau đó, để ăn năn khốc liệt day dứt chúng tôi:

Một khoảnh khắc tội lỗi, nhưng một thời khổ hận! ,

Bản dịch của Carlyle

Couplet đầu tiên được kể như một liên kết với một giấc mơ trong quyển sách

ngắn của Freud On Dreams (1901a), Standard Ed., 5,637 và639.]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (9)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienna, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếptheo)

Chương VIII

Đã đến cuối hành trình của mình, tác giả phải yêu cầu những người đọc tha thứ vì đã không có được một hướng dẫn khéo léo hơn, và vì đã không tránh cho họ những đoạn đường dài tẻ trống, và những khúc-tạm-rẽ-vòng đầy phiền hà. Không nghi ngờ gì rằng nó đã có thể được thực hiện tốt hơn. Tôi sẽ cố gắng, dù có trễ nãi, để làm một vài bổ sung.

Điểm quan trọng đầu tiên, tôi ngờ người đọc đã có ấn tượng rằng những cuộc thảo luận của chúng ta về cảm xúc lầm lỗi [1] đã phá vỡ khuôn khổ của bài luận văn này: rằng chúng chiếm quá nhiều không gian, để phần còn lại của nội dung-chủ đề của nó, vốn chúng không phải luôn luôn được kết nối chặt chẽ, đã bị đẩy sang một bên.

Điều này có thể đã làm hỏng cấu trúc bài viết của tôi; nhưng nó tương ứng trung thành với ý định của tôi để trình bày cảm xúc lầm lỗi - như là vấn đề quan trọng nhất trong sự phát triển của văn minh và cho thấy rằng cái giá chúng ta phải trả cho sự tiến bộ của văn minh là một mất mát trong hạnh phúc qua việc đẩy mạnh cảm xúc lầm lỗi lên thật cao [2].

Bất cứ điều gì vẫn còn nghe ra có âm thanh kỳ lạ về tuyên bố này, vốn là kết luận cuối cùng của nghiên cứu của chúng ta, có lẽ có thể được truy nguồn về quan hệ khá kỳ lạ - như vẫn chưa hoàn toàn giải thích được – vốn cảm xúc lầm lỗi có với ý thức của chúng ta. Trong trường hợp thông thường của hối hận, mà chúng ta coi là bình thường, xúc cảm này làm tự nó rõ ràng, đủ để ý thức có thể nhận biết được. Thật vậy, chúng ta quen với việc nói về một "ý thức về lầm lỗi" thay vì về một "xúc cảm về tội lỗi" [3].

Nghiên cứu của chúng ta về những bệnh nhiễu loạn thần kinh [4], vốn sau hết với chúng, mà chúng ta có được những mũi tên có giá trị nhất chỉ đến một sự hiểu biết về điều kiện bình thường, đưa chúng ta lên cao va chạm với

một vài mâu thuẫn. Một trong những tình cảm này, chứng ám ảnh nhiễu loạn thần kinh, cảm xúc lầm lỗi làm tự nó được nghe vang động trong hữu thức, nó chi phối hình ảnh bệnh tình và cũng cả đời sống của bệnh nhân, và nó hầu như không cho phép bất cứ điều gì khác xuất hiện bên cạnh nó. Nhưng trong hầu hết những trường hợp và những hình thức khác của chứng nhiễu loạn thần kinh, nó còn lại là hoàn toàn vô thức, những dù không tính kể điều đó, vẫn không vì thế mà tác dụng của nó thành kém quan trọng hơn.

Bệnh nhân của chúng ta không tin chúng ta khi chúng ta gán thuộc tính "cảm xúc lầm lỗi vô thức" vào với họ. Để có thể làm chúng ta thành dễ hiểu với họ - dù cách nào đi nữa-chúng ta nói với họ về một nhu cầu vô thức với sự trừng phạt, trong đó cảm xúc lầm lỗi tìm được sự biểu hiện. Nhưng sự kết nối nó với một hình thức cụ thể của chứng nhiễu loạn thần kinh phải không được ước tính quá mức. Ngay cả trong chứng ám ảnh nhiễu loạn thần kinh, có những loại bệnh nhân không nhận thức được cảm xúc lầm lỗi của họ, hoặc những người chỉ cảm thấy nó như là một sự bất an [5] hành hạ, một loại bồn chồn lo lắng [6], như thể họ bị ngăn chặn không được đem ra thực hiện những hành động nhất định nào đó.

Cuối cùng, những điều này phải là có thể hiểu được, dẫu chúng ta tuy thế vẫn còn chưa thể hiểu. Ở đây, có lẽ chúng ta có thể lấy làm hài lòng khi được chỉ ra rằng cảm xúc lầm lỗi là nằm ở dưới đáy của không gì khác hơn ngoài một địa hình khác loại của của bồn chồn lo lắng; trong giai đoạn sau của nó, nó trùng khớp hoàn toàn với sợ hãi về super-ego.

Và những liên hệ của sự lo lắng với hữu thức trưng bày cùng những biến dạng khác thường. Lo lắng thì luôn luôn hiện diện ở chỗ nào đó, hoặc ở chỗ khác đằng sau tất cả mỗi triệu chứng; nhưng một lần, nó ồn ào chiếm toàn bộ của hữu thức, trong khi lần khác, nó giấu kín chính nó hết sức hoàn toàn, khiến chúng ta buộc phải nói về sự lo lắng vô thức hoặc như, nếu chúng ta muốn có một ý thức tâm lý rõ ràng hơn, vì trong trường hợp khởi đầu, lo

lắng chỉ đơn giản là một xúc cảm [7], của những khả năng có thể có của sự lo lắng.

Kết quả là rất có thể mường tượng được rằng xúc cảm tội lỗi đã được văn minh tạo ra thì không được cảm nhận giống như vậy, và vẫn còn ở mức độ lớn rộng là vô thức, hoặc xuất hiện như là một loại khó chịu – malaise [8] , một sự không hài lòng, mà với nó, người ta tìm kiếm những động cơ khác. Những tôn giáo, ở bất kỳ mức độ nào, chưa bao giờ bỏ qua phần đóng vai của cảm xúc lầm lỗi trong nền văn minh.

Hơn nữa - một điểm mà tôi đã thất bại không thấu hiểu ở chỗ khác [9] - chúng tuyên xưng cứu chuộc loài người từ cảm xúc lầm lỗi này, mà chúng gọi là tội lỗi. Từ cách thức vốn trong đó, trong đạo Kitô, sự cứu chuộc này thì đạt đến được – bởi cái chết hy sinh của một cá nhân duy nhất, là người trong cách thức này đem nhận trên chính mình một cảm xúc lầm lỗi, vốn nó là phổ thông với tất cả mọi người - chúng ta đã có được khả năng để suy ra cơ hội đầu tiên có thể đã từng là gì, trong dịp đó, cảm xúc lầm lỗi nguyên thủy này, vốn cũng đã là khởi đầu của văn minh, đã được tiếp thụ [10].

Mặc dù nó không thể là có tầm quan trọng lớn, nó có thể không là thừa thãi để làm sáng tỏ ý nghĩa của một vài từ như “super-ego”, “lương tâm”, “cảm xúc lầm lỗi”, “cần phải bị trừng phạt” và “hối hận”, mà chúng ta đã thường xuyên, có lẽ sử dụng quá lỏng lẻo và thay thế lẫn nhau. Chúng tất cả đều liên quan đến cùng một trạng thái của sự việc, nhưng biểu thị những khía cạnh khác nhau của nó.

Super-ego là một tác lực [11] vốn đã được chúng ta suy luận, và lương tâm là một chức năng trong số những chức năng khác, mà chúng ta gán cho tác lực này. Chức năng này bao gồm trong việc giữ một canh chừng trên những hành động và những ý định của ego và phán xét chúng, trong việc hành xử một sự kiểm duyệt. Những cảm xúc lầm lỗi, tính khe khắt ác nghiệt của super-ego, như vậy là cùng một điều tương tự như mức độ nghiêm khắc của

lương tâm.

Nó là nhận thức vốn ego đã bị canh chừng theo dõi trên cách này, việc đánh giá sự căng thẳng giữa những nỗ lực tranh dành riêng nó và những đòi hỏi của super-ego. Sự sợ hãi với tác lực then chốt này (một nỗi sợ hãi vốn nó là ở dưới cùng của toàn bộ quan hệ), sự cần thiết phải trừng phạt, là một biểu hiện có tính bản năng trên phần của ego, mà đã trở thành khổ dâm dưới ảnh hưởng của một super-ego tàn bạo; nó là một phần, đó là để nói rằng, thuộc bản năng hướng về hủy diệt ở bên trong, hiện diện trong ego, được sử dụng để hình thành một gắn bó mang tính gợi dục với super-ego.

Chúng ta không nên nói về một lương tâm cho đến khi một super-ego là được chứng tỏ hiện hữu. Về phần một cảm xúc lầm lỗi, chúng ta phải thừa nhận rằng nó hiện hữu trước khi có super-ego, và do đó cũng trước khi có lương tâm nữa. Vào thời điểm đó, nó là sự biểu hiện trực tiếp của sự sợ hãi của uy quyền bên ngoài, một sự nhìn nhận của sự căng thẳng giữa ego và uy quyền đó. Nó là rút ra trực tiếp của xung đột giữa nhu cầu về yêu thương của uy quyền, và thúc dục hướng tới sự thỏa mãn bản năng, vốn sự cấm đoán chúng sản xuất khuynh hướng đi đến gây hấn hung hãn.

Sự áp đặt lên lên trên hai tầng này của cảm xúc lầm lỗi - một đến từ nỗi sợ hãi của uy quyền bên ngoài, một khác khác đến từ sợ hãi của uy quyền bên trong - đã làm vướng bận sự thấu hiểu của chúng ta vào vị trí của lương tâm trong một số cách thức. Hối hận là một thuật ngữ tổng quát cho phản ứng của ego trong một trường hợp của cảm xúc lầm lỗi. Nó chứa đựng, dưới hình thức hơi thay đổi, những vật liệu giác quan của sự lo lắng vốn nó hoạt động đằng sau cảm xúc lầm lỗi, trong tự thân nó là một hình phạt, và có thể bao gồm sự cần thiết phải trừng phạt. Thế nên cũng vậy, hối hận, có thể cũ hơn lương tâm.

Cũng sẽ chẳng gây bất kỳ một tổn hại nào, nếu chúng ta một lần nữa xem xét lại những mâu thuẫn mà có một lúc chúng ta lúng túng sửng sốt trong thăm

dò của chúng ta. Như vậy, tại một điểm, cảm xúc lầm lỗi đã là hệ quả của những hành động từ sự gây hấn hung hãn vốn đã phải bị kiêng tránh; nhưng ở một điểm khác - và chính xác là ở khởi đầu lịch sử của nó, sự giết chết người cha - nó đã là hậu quả của một hành động gây hấn hung hãn đã được đem ra thực hiện.

Nhưng đã tìm thấy được một lối ra khỏi khó khăn này. Đối với thể chế của uy quyền bên trong, super-ego, đã thay đổi tình hình hoàn toàn cơ bản. Trước khi có điều này, những cảm xúc lầm lỗi đã trùng hợp với sự hối hận. (Nhân đây, chúng ta có thể nhận xét rằng thuật ngữ "hối hận" nên dành riêng cho phản ứng có sau khi một hành động gây hấn hung hãn đã thực sự được thực hiện.) Sau điều này, nhờ vào sự toàn trí của super-ego, sự khác biệt giữa một gây hấn trong ý định và một gây hấn được thực hiện xong, đã mất sức mạnh của nó.

Do thế nên về sau, một cảm xúc lầm lỗi có thể được tạo ra không chỉ bởi một hành vi gây hấn bạo lực vốn đã thực sự được thực hiện (như tất cả mọi người đều biết), mà cũng còn bởi một gây hấn bạo lực mới chỉ đơn thuần trong ý định (như phân tích tâm lý đã khám phá ra). Không kể đến sự thay đổi này trong tình trạng tâm lý, xung đột phát sinh từ mâu thuẫn - xung đột giữa hai bản năng nguyên thủy – để lại đằng sau cùng một kết quả.

Chúng ta đã bị cám dỗ tìm ở chỗ này giải pháp cho vấn đề của quan hệ khác nhau, trong đó cảm xúc lầm lỗi đứng thế chỗ cho ý thức. Có thể nghĩ được rằng một cảm xúc lầm lỗi phát sinh từ hối hận cho một hành động tà ác phải luôn luôn là hữu thức, trong khi một cảm xúc lầm lỗi phát sinh từ nhận thức một xung lực thúc dục làm tà ác có thể vẫn còn vô thức. Nhưng lời đáp thì không quá đơn giản như thế. Chứng ám ảnh nhiễu loạn thần kinh lên tiếng hăng hái chống lại nó.

Mâu thuẫn thứ hai có liên quan đến năng lực có tính gây hấn mà chúng ta giả định rằng super-ego đã được phú cho. Theo một quan điểm, năng lực đó chỉ

đơn thuần chuyển mang năng lực có tính trừng phạt của uy quyền bên ngoài, và giữ cho nó sống trong não thức, trong khi theo một quan điểm khác, trái lại, nó bao gồm, năng lực tích cực gây hấn hung hãn của riêng một người vốn đã không được sử dụng và năng lực tích cực gây hấn hiện đang hướng tới chống lại uy quyền cấm đoán đó.

Quan điểm đầu tiên xem dường phù hợp vừa vặn hơn với lịch sử, và quan điểm thứ hai với lý thuyết, của cảm xúc về lầm lỗi. Suy tưởng kỹ càng hơn đã giải quyết được mâu thuẫn dường như không thể hòa giải này gần như quá hoàn toàn; những gì còn giữ lại như là yếu tố yếu tính và có chung là trong mỗi trường hợp chúng ta đã giải quyết với một tính gây hấn hung hãn vốn nó đã được dời chỗ hướng vào bên trong. Quan sát bệnh lý, hơn nữa, cho phép chúng ta phân biệt trong thực tế hai nguồn cho tính gây hấn hung hãn mà chúng ta gán cho super-ego, một này hay một kia trong số chúng thực hành hiệu ứng mạnh hơn trong một trường hợp bất kỳ nhất định nào đó, nhưng như một quy luật tổn quát, chúng hoạt động trong trạng thái hoà hợp.

Điều này, tôi nghĩ rằng, là chỗ tại đó đưa ra một sự xem xét nghiêm túc cho một quan điểm mà tôi đã đề nghị chấp nhận tạm thời trước đó. Trong văn học phân tích gần đây nhất, một thị hiếu được cho thấy về ý tưởng rằng bất kỳ một loại thất vọng nào, bất kỳ một cản trở sự thỏa mãn bản năng nào, có kết quả, hoặc có thể có kết quả, trong một sự nâng cao tăng cường cảm xúc lầm lỗi [12] . Tôi nghĩ, một sự đơn giản hóa lớn về lý thuyết sẽ đạt được nếu chúng ta coi điều này như chỉ áp dụng với những bản năng gây hấn hung hãn, và ít có gì sẽ được tìm thấy để mâu thuẫn với giả định này.

Vì làm sao chúng ta giải thích, trên những cơ sở năng động và kinh tế, cho sự gia tăng cảm xúc lầm lỗi khi xuất hiện ở vị trí của một nhu cầu gợi dâm dục không được thực hiện? Điều này dường như chỉ có thể có trong một cách xoay tròn vòng về - nếu chúng ta giả sử, đó là, rằng sự ngừa phòng một sự thỏa mãn gợi dâm dục gọi lên một mảnh của tính gây hấn hung hãn chống

lại cá nhân là người đã ngăn trở sự hài lòng, và rằng tính gây hấn này tự nó bị dập tắt khi đến lượt nó. Nhưng nếu điều này là như vậy, sau cùng tất cả nó chỉ là tính gây hấn hung hãn vốn nó bị chuyển dạng vào thành một cảm xúc lầm lỗi, bằng cách bị đàn áp và được giao sang cho super-ego.

Tôi quả quyết rằng nhiều những tiến trình sẽ chấp nhận một trình bày đơn giản hơn và rõ ràng hơn, nếu những khám phá của phân tích tâm lý nhìn theo hướng sự bắt nguồn của cảm xúc lầm lỗi được giới hạn trong bản năng gây hấn hung hãn. Sự nghiên cứu những tài liệu trị liệu không đem cho chúng ta câu trả lời rõ ràng ở đây, bởi vì, như giả thuyết của chúng ta nói với chúng ta, hai lớp của bản năng hầu như khó có bao giờ xuất hiện trong một hình thức thuần khiết, cô lập với lẫn nhau; nhưng một điều tra về những trường hợp cực đoan có thể sẽ chỉ về hướng tôi dự đoán.

Tôi bị lôi kéo để rút ra một ưu thế đầu tiên từ quan điểm của trường hợp bị hạn chế nhiều hơn này, bằng cách áp dụng nó vào tiến trình của sự kiềm chế. Như chúng ta đã được biết, những triệu chứng thần kinh, trong bản chất của chúng, là những thỏa mãn thay thế cho những mong muốn tính dục không được thực hiện.

Trong tiến trình của công việc phân tích của chúng ta, chúng ta đã ngạc nhiên khám phá ra rằng có lẽ tất cả mỗi chứng nhiễu loạn thần kinh che dấu một phần lượng vô thức về cảm xúc lầm lỗi, vốn đến phiên nó củng cố những triệu chứng bằng cách sử dụng chúng như một trừng phạt. Bây giờ có vẻ chính đáng để hình thành mệnh đề sau đây. Khi một khuynh hướng bản năng chịu đựng sự kiềm chế, những yếu tố libido của nó được quay sang và thành những triệu chứng, và những thành phần gây hấn hung hãn của nó vào thành một cảm xúc lầm lỗi. Ngay cả khi nếu mệnh đề này chỉ là một phỏng đoán trung bình xấp xỉ với sự thật, đó là xứng đáng với quan tâm của chúng ta.

Một số độc giả của tác phẩm này, có thể hơn nữa, có một ấn tượng rằng họ

đã nghe nói quá thường xuyên đến công thức về sự vật lộn giữa Eros và bản năng cái chết. Nó đã được khẳng định để điển hình hóa tiến trình của văn minh mà loài người trải qua, nhưng nó cũng đã được đưa vào trong kết nối với sự phát triển của cá nhân, và lại thêm nữa, nó đã được cho là đã tiết lộ sự bí mật của sự sống hữu cơ nói chung. Tôi nghĩ, chúng ta không thể nào tránh không đi sâu vào những quan hệ của ba tiến trình này với lẫn nhau.

Sự lập lại của cùng một công thức được minh chứng bằng sự cân nhắc rằng cả hai tiến trình của văn minh con người và của sự phát triển của cá nhân đều là những tiến trình quan trọng - đó là nói rằng rằng chúng phải chia sẻ những đặc điểm tổng quát nhất của đời sống.

Về mặt khác, bằng chứng về sự hiện diện của đặc tính tổng quát này thất bại, với cùng chính lý do có tính chất tổng quát của nó, giúp chúng ta đi đến được bất kỳ sự khác biệt nào (giữa những tiến trình), miễn là chừng nào nó không bị thu hẹp vì những trình độ đặc biệt. Chúng ta có thể chỉ được hài lòng, do đó, nếu chúng ta khẳng định rằng tiến trình của văn minh là một sửa đổi mà tiến trình quan trọng sống còn trải nghiệm dưới ảnh hưởng của một công việc vốn Eros thiết lập nó và Ananke xúi dục nó - do những nhu cầu cấp bách của thực tại; và rằng công việc này là một công việc đoàn kết những cá nhân riêng biệt vào thành một cộng đồng ràng buộc với nhau bởi những quan hệ libido.

Tuy nhiên, khi chúng ta nhìn vào quan hệ giữa tiến trình của văn minh của con người và tiến trình phát triển hoặc giáo dục của những con người cá thể, chúng ta sẽ kết luận mà không do dự nhiều rằng cả hai là rất tương tự trong bản chất, nếu không phải là cùng một tiến trình được áp dụng cho những loại đối tượng khác nhau.

Quá trình của văn minh của loài người, tất nhiên, một sự trừu tượng hóa ở một trật tự cao hơn là sự phát triển của cá nhân và vì thế khó khăn hơn để thấu hiểu trong những thuật ngữ cụ thể, cũng không phải chúng ta nên theo

đuổi những tương tự với một ám ảnh cực đoan, nhưng trong cái nhìn của sự tương tự giữa những mục tiêu của hai tiến trình - trong trường hợp một sự hội nhập của một cá nhân riêng biệt vào một nhóm người, và trong trường hợp khác, sự tạo dựng ra một trong nhóm thống nhất từ nhiều cá nhân - chúng ta không thể lấy làm ngạc nhiên trước sự tương tự những giữa những phương tiện được xử dụng và những hiện tượng kết quả.

Khi nhìn về tầm quan trọng khác thường của nó, chúng ta phải không trì hoãn lâu mà không đề cập đến một trong những tính năng vốn phân biệt giữa hai tiến trình. Trong tiến trình phát triển của cá nhân, chương trình của những nguyên tắc lạc thú, vốn bao gồm trong việc tìm kiếm sự thỏa mãn của hạnh phúc, được giữ lại như là mục tiêu chính. Hội nhập, hoặc thích ứng với, một cộng đồng loài người xuất hiện như một điều kiện khó tránh khỏi vốn nó phải hoàn thành trước khi mục tiêu của hạnh phúc này có thể đạt đến được. Nếu nó có thể được thực hiện mà không cần điều kiện đó, nó có lẽ sẽ là được ưa chuộng hơn.

Nói cách khác, sự phát triển của cá nhân dường như với chúng ta là một sản phẩm của sự tương tác giữa hai thúc dục, thúc dục hướng tới hạnh phúc, mà chúng ta thường gọi là "vị kỷ", và thúc dục hướng tới liên minh với những người khác trong cộng đồng, mà chúng ta gọi là "vị tha". Không một nào trong những mô tả này đi sâu hơn đến dưới bề mặt. Trong tiến trình phát triển cá nhân, như chúng ta đã nói, màu sắc chính chủ yếu rơi trên thúc dục vị kỷ (hoặc thúc dục hướng tới hạnh phúc); trong khi thúc dục khác, có thể được mô tả như là một thúc dục "văn hóa", thì thường hài lòng với vai trò của những hạn chế áp đặt.

Nhưng trong tiến trình của văn minh những sự việc thì khác biệt. Ở đây điều quan trọng nhất là mục tiêu của việc tạo ra một sự thống nhất từ những con người cá nhân. Đúng là mục tiêu của hạnh phúc vẫn còn đó, nhưng nó được đẩy vào nền phía sau. Nó gần như có vẻ như việc tạo ra một cộng đồng lớn

lao con người sẽ là thành công nhất nếu không có sự quan tâm phải được trả cho hạnh phúc của cá nhân. Quá trình phát triển của cá nhân đó có thể được dự kiến sẽ có những tính năng đặc biệt của riêng nó mà không được sao chép trong tiến trình của văn minh của con người. Đó là chỉ trong chừng mực khi tiến trình đầu tiên của những tiến trình này đã liên minh với cộng đồng như là mục đích của nó mà nó cần phải trùng hợp với tiến trình thứ hai.

Cũng giống như một hành tinh quay quanh một vật thể trung tâm cũng như quay quanh trục của nó, do đó, những cá nhân con người tham gia trong tiến trình phát triển của loài người cùng một lúc như hắn ta theo đuổi con đường riêng của hắn trong đời sống. Nhưng với đôi mắt buồn tẻ của chúng ta, màn kịch của những sức mạnh trên vòm trời có vẻ như cố định trong một trật tự không bao giờ thay đổi; trong lĩnh vực của sự sống hữu cơ, chúng ta vẫn có thể xem những sức mạnh tranh đua với nhau như thế nào, và những tác động của cuộc xung đột thì liên tục thay đổi như thế nào.

Thế nên, cũng vậy, hai thúc giục, một thúc dục hướng đến hạnh phúc cá nhân và thúc dục khác hướng đến hợp nhất với những con người khác, phải vật lộn với nhau trong tất cả mỗi cá nhân, và như thế, cũng vậy, hai tiến trình của cá nhân và của phát triển văn hóa phải đứng trong đối lập thù địch với nhau, và cùng nhau tranh chấp chỗ đứng.

Nhưng cuộc đấu tranh giữa cá nhân và xã hội không phải là một dẫn xuất của mâu thuẫn này - có lẽ là một mâu thuẫn không thể hoà giải được - giữa những bản năng nguyên thủy của Eros và cái Chết. Nó là một tranh chấp trong kinh tế thiệt hơn của libido, so sánh được với cuộc thi đua liên quan đến sự phân bố của libido giữa ego và những đối tượng, và nó quả có thừa nhận về một chỗ ở cuối cùng trong cá nhân, như nó có thể hy vọng, nó sẽ cũng làm trong tương lai của văn minh, cho dù văn minh đó có thể đè nén đến chừng nào đời sống của cá nhân ngày hôm nay.

Sự tương tự giữa tiến trình của văn minh và con đường của phát triển cá

nhân có thể được mở rộng trong một khía cạnh quan trọng. Nó có thể được khẳng định rằng cộng đồng, cũng vậy, đã tiến hóa một super-ego, sự phát triển văn hóa tiến hành dưới ảnh hưởng của nó. Nó sẽ là một công việc hấp dẫn cho bất cứ ai là người có một kiến thức về văn minh của con người để đi theo tương tự này cho cùng trong những chi tiết. Tôi sẽ tự giới hạn mình để chỉ đưa ra một vài điểm nổi bật. Super-ego của một kỷ nguyên của văn minh có một nguồn gốc tương tự như nguồn gốc của một cá nhân.

Nó đã dựa trên ấn tượng để lại từ những nhân cách của những nhà lãnh đạo vĩ đại – những con người có não thức có sức mạnh áp đảo, hay những con người, vốn đã tìm thấy một trong những xung lực con người là mạnh mẽ nhất và thuần khiết nhất trong họ, và do đó nó thường là biểu hiện phiến diện một chiều nhất.

Trong nhiều trường hợp, sự tương tự lại còn đi xa hơn nữa, ở đó dài trong cuộc đời của họ, những khuôn mặt này đã được - thường là đã đủ, ngay cả nếu như không phải luôn luôn – bị những người khác chế nhạo và ngược đãi, và ngay cả có khi phải bị giết một cách tàn nhẫn. Trong cùng một cách, thực vậy, người cha nguyên thủy đã không đạt được tính thần linh mãi đến lâu sau khi ông đã gặp cái chết của mình bằng bạo lực.

Thí dụ thu hút chú ý nhất của sự liên kết định mệnh này được nhìn thấy trong nhân vật Jesus Christ - nếu như quả thực, nhân vật này không phải là một phần của huyền thoại, vốn đã gọi nó vào thành hữu thể từ một ký ức mờ mịt của biến cố nguyên thủy đó. Một điểm ứng thuận khác giữa super-ego của văn hóa và super-ego của cá nhân là cái kể trước, giống như cái kể sau, đều thiết lập những đòi hỏi lý tưởng khắt khe, nếu bất tuân chúng là bị "sợ hãi của lương tâm" thăm viếng.

Ở đây, thực vậy, chúng ta bắt gặp hoàn cảnh đáng chú ý là những tiến trình não thức có liên quan là thực sự quen thuộc hơn với chúng ta, và dễ tiếp cận hơn với hữu thức như chúng được nhìn thấy trong nhóm, hơn là chúng có thể

là trong con người cá nhân. Trong con người cá nhân, khi căng thẳng phát sinh, nó chỉ là tính gây hấn hung hãn của super-ego, vốn trong những hình thức khiển trách, làm cho chính nó được nghe thấu ầm ĩ; những đòi hỏi thực sự của nó thường vẫn vô thức nằm trong nền phía sau.

Nếu chúng ta mang chúng ra thành kiến thức thuộc hữu thức, chúng ta thấy rằng chúng trùng với những giới luật văn hóa hiện hành của super-ego. Tại điểm này, hai tiến trình, đó là sự phát triển văn hóa của nhóm và của sự phát triển văn hóa của cá nhân, như chúng đã là, là luôn luôn đan cài lẫn vào vưi nhau. Vì lý do đó một số những biểu hiện và tính chất của super-ego có thể dễ dàng khám phá trong hành vi của nó trong cộng đồng văn hóa hơn là trong những cá nhân riêng biệt.

Super-ego văn hóa đã phát triển những lý tưởng của nó và thiết lập những tiêu chuẩn của nó. Trong số những đòi hỏi của nó vốn đối phó với những quan hệ của con người với nhau được bao gồm dưới nhan đề luân lý học. Con người ta trong tất cả mọi thời đặt giá trị cao nhất trên luân lý, như thể họ hy vọng rằng nó đặc biệt sẽ tạo ra những kết quả đặc biệt quan trọng.

Và nó quả trong thực tế đối phó với một chủ đề vốn có thể dễ dàng được nhìn nhận như là điểm nhức nhối nhất trong mỗi nền văn minh. Luân lý như vậy, đã phải được xem là một cố gắng trị bệnh - như một nỗ lực để đạt được, bởi những phương tiện của một mệnh lệnh của super-ego, một điều gì đó mà cho đến nay chưa thực hiện được bằng những phương tiện của bất kỳ hoạt động văn hóa nào khác.

Như chúng ta đã biết, vấn đề trước mặt chúng ta là làm thế nào để dời đi được chướng ngại lớn nhất với văn minh - cụ thể là, khuynh hướng cấu thành của loài người là gây hấn hung hãn lẫn nhau, người này với người kia; và vì chính lý do đó, chúng ta đặc biệt quan tâm đến những gì có lẽ là gần đây nhất của những mệnh lệnh văn hóa của super-ego, mệnh lệnh như điều răn phải yêu thương người bênh cạnh như yêu chính mình.

Trong nghiên cứu của chúng ta, và liệu pháp của chứng nhiễu loạn thần kinh, dẫn chúng ta đến làm hai chê trách chống lại super-ego của cá nhân. Trong mức độ nghiêm trọng của những mệnh lệnh của nó và những cấm đoán, nó nhọc lòng quá ít về hạnh phúc của ego, trong đó nó nhận không đầy đủ những đối kháng không tuân theo chúng – của sức mạnh bản năng của id (trong điều trước nhất), và của những khó khăn đem đến từ môi trường thực tại bên ngoài (trong điều thứ hai). Hậu quả là chúng ta rất thường có nghĩa vụ, vì những mục đích điều trị, để chống lại super-ego, và chúng ta nỗ lực để là giảm thấp những đòi hỏi của nó.

Đích xác là cùng những phản đối tương tự có thể được thực hiện đối với những đòi hỏi đạo đức của super-ego văn hóa. Nó cũng vậy, nó không nhọc lòng lắm với chính nó cho đủ về những sự kiện của cấu tạo não thức của giống người. Nó ban hành một mệnh lệnh và không hỏi liệu mọi người có thể tuân theo được hay không.

Ngược lại, nó giả định rằng ego của một người là có khả năng tâm lý về bất cứ gì vốn được đòi hỏi với nó, rằng ego của một người đã làm chủ không giới hạn trên id của mình.

Đây là một sai lầm; và ngay cả trong những gì được biết đến như những người bình thường, id không thể bị kiểm soát quá những giới hạn nhất định nào đó. Nếu đòi hỏi nhiều hơn với một con người, cuộc khởi loạn sẽ được sản xuất ở trong người ấy, hoặc nhiễu loạn thần kinh, hoặc người ấy sẽ bị làm thành không hạnh phúc.

Lời răn, “Yêu kẻ lân cận như yêu mình”, là sự phòng vệ mạnh nhất chống lại tính gây hấn hung hãn của con người, và là một thí dụ tuyệt vời về những tiến hành phi tâm lý đối với super-ego văn hóa. Giới răn này là không thể nào có thể đi đến thực hiện được; một sự lạm phát tình yêu rất khổng lồ như thế chỉ có thể hạ thấp giá trị của nó, mà không gạt bỏ được khó khăn.

Văn minh không chú ý gì đến tất cả điều này, nó chỉ đơn thuần cảnh cáo chúng ta rằng càng khó hơn để tuân giữ giới răn bao nhiêu, càng đáng khen hơn khi làm như vậy.

Nhưng bất kỳ ai là người tuân theo một giới răn giống như thế trong văn minh ngày nay chỉ tự đặt mình vào một thế bất lợi khi liên hệ với ai là người không màng gì đến nó. Tính gây hấn hung hãn phải là một trở ngại mạnh mẽ với văn minh phải đến chừng nào, nếu như sự phòng vệ chống lại nó lại có thể gây ra cũng nhiều bất hạnh như gây hấn chính nó gây ra! Luân lý "Tự nhiên", như nó được gọi, không có gì để đem cho ở đây, ngoại trừ sự hài lòng tự mãn tự yêu mình của tư cách có thể nghĩ rằng mình tốt hơn so với những người khác.

Tại điểm này, luân lý dựa trên tôn giáo đem vào giới thiệu những hứa hẹn của nó về một đời sau tốt đẹp hơn. Nhưng miễn là chừng nào đạo hạnh không được khen thưởng ở đây trên trái đất, đạo đức luân lý, tôi võ đoán, sẽ thuyết giảng một cách vô ích. Tôi cũng nghĩ là điều khá chắc chắn rằng một thay đổi thực sự trong những quan hệ của con người với sở hữu tài sản sẽ giúp được nhiều hơn trong hướng này, hơn bất kỳ những mệnh lệnh đạo đức nào; nhưng sự công nhận thực tại này trong những người theo chủ nghĩa xã hội đã bị che khuất và làm thành vô dụng vì những mục đích thực tiễn bởi một quan niệm sai lầm lý tưởng tươi mới về bản chất con người.

Tôi tin rằng dòng suy nghĩ dõi tìm phần của một super-ego đã đóng vai trong những hiện tượng của phát triển văn hóa, vẫn hứa hẹn còn thêm những khám phá. Tôi nhanh để đi đến một kết thúc. Nhưng có một câu hỏi vốn tôi khó có thể trốn tránh. Nếu sự phát triển của văn minh có một tương đồng với sự phát triển của cá nhân xa rộng đến như thế, và nếu nó sử dụng cùng những phương pháp, có phải chúng ta không thể là chính đáng trong việc đạt được chẩn đoán rằng, dưới ảnh hưởng của những thúc dục văn hóa, một số văn minh, hoặc một số những kỷ nguyên của văn minh - có thể là toàn bộ của

loài người - đã trở thành bị rối loạn "thần kinh"? [13]

Một sự mổ xẻ phân tích của những rối loạn thần kinh giống như thế có thể dẫn đến những đề nghị điều trị vốn chúng có thể khẳng định quyền đòi chú tâm thực tế rất lớn. Tôi sẽ không nói rằng một nỗ lực thuộc loại này để thực hiện tâm lý-phân tích bao trùm cho cộng đồng văn hóa là phi lý hay bị chết với phần số là vô kết quả. Nhưng chúng ta cần phải rất thận trọng và đừng quên rằng, sau cùng tất cả, chúng ta chỉ đối phó với những tương đồng và nó là nguy hiểm, không chỉ với con người mà còn với những khái niệm, để tước xé chúng khỏi lĩnh vực mà trong đó chúng bắt nguồn gốc và đã tiến hóa. Hơn nữa, việc chẩn đoán chứng nhiễu loạn thần kinh cộng đồng thì phải đối mặt với một khó khăn đặc biệt.

Trong một chứng nhiễu loạn thần kinh cá nhân, chúng ta lấy sự tương phản vốn phân biệt bệnh nhân với môi trường của mình, vốn được xem là "bình thường", làm điểm bắt đầu của chúng ta. Đối với một nhóm trong đó tất cả những thành viên của nó đều bị ảnh hưởng bởi một và cùng một chứng rối loạn, không có thể hiện hữu nền tảng giống như vậy; nó sẽ phải được tìm thấy ở nơi nào khác. Và liên quan đến những ứng dụng điều trị của kiến thức của chúng ta, sử dụng những phân tích chính xác nhất của nhiễu loạn thần kinh xã hội sẽ là những gì đây, vì không có ai có được quyền để áp đặt như một biện pháp chữa trị giống thế với toàn nhóm? Nhưng bất chấp tất cả những khó khăn này, chúng ta có thể hy vọng rằng một ngày nào đó sẽ có người liều lĩnh bắt tay vào một khoa học nghiên cứu bệnh lý của những cộng đồng văn hóa.

Do những lý do rộng rãi nhiều loại, đó là rất xa với ý định của tôi để bày tỏ một ý kiến về giá trị của văn minh của con người. Tôi đã cố gắng để phòng vệ chính mình chống lại những định kiến nhiệt tình vốn chủ trương rằng văn minh của chúng ta là điều quý giá nhất mà chúng ta có được, hoặc có thể có được, và rằng con đường của nó sẽ nhất thiết dẫn đến những đỉnh cao hoàn

hảo không thể tưởng tượng nổi. Ít nhất tôi có thể nghe mà không phẫn nộ với những nhà phê bình là người có ý kiến rằng khi người ta điều tra những mục tiêu của nỗ lực văn hóa và những phương tiện nó sử dụng, người ta là ràng buộc để đi đến kết luận rằng toàn bộ nỗ lực không đáng giá với những rắc rối, và rằng kết quả của nó chỉ có thể là một tình trạng của những sự việc mà những cá nhân sẽ không thể có khả năng tha thứ được.

Tính không thiên vị của tôi được làm tất cả mọi việc dễ dàng hơn cho tôi vì sự hiểu biết rất ít của tôi về tất cả những điều này. Chỉ một điều duy nhất tôi biết chắc chắn và đó là những phán đoán của con người về giá trị trực tiếp theo đến sau những mong ước về hạnh phúc của mình - đó là, một cách tương ứng, chúng là một nỗ lực để trợ giúp những ảo tưởng của người ấy với những luận chứng.

Tôi sẽ phải tìm thấy nó rất dễ hiểu nếu một ai đó chỉ ra tính chất tự nhiên bắt buộc của dòng chảy của văn minh của con người, và đã phải nói, lấy thí dụ, rằng những khuynh hướng đi đến một hạn chế của đời sống tính dục, hoặc đi đến tổ chức của một lý tưởng nhân đạo đổi lấy tổn hại của sự chọn lọc tự nhiên đã là những khuynh hướng phát triển vốn chúng không thể ngăn chặn được, hoặc chuyển sang một bên, và với nó, tốt nhất là chúng ta nên nhường, nghĩ như thể chúng là những thiết yếu của tự nhiên.

Tôi biết, cũng nữa, những phản đối có thể được thực hiện để chống lại điều này, đối với tác dụng trong lịch sử của loài người, những khuynh hướng như vậy, được xem là không thể vượt thắng, đã thường bị vứt sang một bên, và thay thế bằng những khuynh hướng khác. Vì vậy tôi đã không đủ can đảm để đứng lên trước những đồng loại của tôi như là một tiên tri, và tôi cúi mình trước khiển trách họ mà tôi không thể cung cấp cho họ sự an ủi: vì ở dưới đáy đó là những gì tất cả họ đều đòi hỏi - những nhà cách mạng ngông cuồng nhất không nhiệt tình thua gì những người tin tưởng đạo hạnh nhất.

Câu hỏi định mệnh về loài người dường như với tôi là không biết có hay

không và đến mức độ nào phát triển văn hóa của họ sẽ thành công trong việc làm chủ những xáo trộn của đời sống cộng đồng của họ bởi bản năng gây hấn và tự hủy diệt của con người. Nó có thể là trong phương diện này, một cách đích xác ở thời điểm hiện tại, xứng đáng có được một quan tâm đặc biệt.

Con người đã giành được quyền kiểm soát những sức mạnh của thiên nhiên đến mức mà với sự giúp đỡ của chúng, họ sẽ không có khó khăn nào trong việc tiêu diệt nhau cho đến người cuối cùng. Họ biết điều này, và do đó dẫn đến một phần lớn tình trạng bất ổn hiện tại của họ, bất hạnh của họ, và tâm trạng lo lắng của họ. Và giờ đây là để được dự kiến rằng sức mạnh kia của hai "sức mạnh trời cao", Eros vĩnh cửu, sẽ làm một nỗ lực để khẳng định mình trong cuộc đấu tranh với địch thủ cũng bất tử ngang như mình. Nhưng ai có thể lường trước được với thành công gì và với kết quả nào? [14]

Sigmund Freud

(Vienna, 1929)

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất

(Jan/2012)

[1] Feeling of Guilt: cảm xúc lầm lỗi: đại diện cho một cảm giác căng thẳng trong não thức, đôi khi liên quan đến lo âu về một đe dọa tai ương cho chính mình. Nó cũng có thể là sự hiển lộ như sự khiêm nhường, đau khổ, hối hận, sự cần thiết phải chịu phạt, và cảm giác không xứng đáng. Thuật ngữ này mô tả một trạng thái cảm xúc phát sinh hậu quả của một số hành động mà chủ thể xem xét đáng bị khiển trách; nó cũng có thể chỉ về một cảm giác mơ hồ cá nhân bất xứng, không hẳn phải có liên quan đến một bất kỳ hành động cụ thể nào.

Freud phân biệt hai nguồn của cảm xúc lầm lỗi: sợ hãi uy quyền và sợ hãi

super-ego. Sợ hãi trước buộc phải thôi không làm một số áp lực hay hành động theo bản năng, trong khi sợ hãi sau, nội tâm hóa quyền lực của cha mẹ, bắt đầu phát triển của super-ego. Một trong các chức năng của cơ quan này (super-ego), có trách nhiệm cho việc đánh giá và phán đoán của các hành động của ego, được gọi là lương tâm đạo đức. Gây hấn hung hãn xuất phát từ lương tâm đạo đức này kéo dài và tăng cường sự gây hấn hung hãn đã được trải nghiệm từ uy quyền. Dưới ảnh hưởng của cảm xúc lầm lỗi, ego đặt mình dưới những đòi hỏi của super-ego, vì sợ mất cảm tình và bảo vệ của nó. Theo Freud, có một liên kết giữa cảm xúc lầm lỗi và mặc cảm Oedipus.

Lo lắng trước sự phải mất (hoặc tiềm năng có thể bị mất) của đối tượng yêu thương không phải là biểu hiện duy nhất của cảm xúc lầm lỗi. Ngoài ra còn có những tiềm năng khác như sự đau đớn nội tâm, những đau khổ trong đời sống, sự khiêm cung quá mức, thất bại cứ lặp đi lặp lại và những hối tiếc quá khứ, tất cả liên tục dày vò lên tiếng gọi, có thể đưa đến ăn năn, hoặc chuộc tội, hoặc lẩn tránh, từ bỏ hay hy sinh nào đó, hay ý tưởng tự tử, và khuynh hướng về tự trừng phạt.

Trong tập sách này - Civilization and Its Discontents, Freud mô tả cách các cảm xúc lầm lỗi, cùng các phương pháp và cơ chế được sử dụng để vùng vẫy chống lại nó, ảnh hưởng của nó trên quan hệ của cá nhân, không chỉ với gia đình trực tiếp của họ, mà còn các mối quan hệ khác trong các nhóm xã hội lớn hơn, và ngay cả với nền văn minh như một toàn thể. Một trong những mục tiêu chủ yếu của phân tâm học là tìm hiểu bệnh nhân xem họ điều hành mặc cảm tội lỗi của họ như thế nào, ví dụ, để hiểu được mức độ mà họ có thể chấp nhận sự mâu thuẫn và trách nhiệm trong khi đối mặt với bản năng sống còn và những tình cảm tạo ra cảm xúc lầm lỗi.

Trong một mức độ nào đó, cảm xúc lầm lỗi có thể nói được là phản ánh, hoặc là kết quả của sự bất đồng điệu giữa ego và super-ego, sự xuất hiện của super-ego ngụ ý sự xuất hiện không thể tránh được của cảm xúc lầm lỗi.

[2] [“Thế nên, lương tâm không làm chúng ta tất cả thành những kẻ hèn nhát …”

Giáo dục những người trẻ tuổi trong thời nay đã che dấu không cho họ biết phần đóng vai của tính dục trong đời sống của họ, và đó không phải là khiển trách duy nhất mà chúng ta buộc phải chống nó. Tội lỗi khác của giáo dục là không chuẩn bị cho giới trẻ với tính gây hấn hung hãn mà họ đã được định sẵn để trở thành những đối tượng. Khi đẩy giới trẻ vào đời sống với một hướng dẫn tâm lý sai lầm loại như thế, giáo dục thì hành xử như thể trang bị cho người bắt đầu một chuyến thám hiểm Bắc cực nhưng với quần áo mùa hè và bản đồ của những hồ nước trong nước Ý.

Trong việc này, điều trở nên hiển nhiên là có một sự lạm dụng nào đó được thực hiện trong những đòi hỏi về đạo đức. Sự nghiêm ngặt của những đòi hỏi này vốn đã không làm tổn hại rất nhiều nếu như giáo dục đã nói: “Đây là cách con người phải nên là như thế nào, để được hạnh phúc và để làm cho những người khác hạnh phúc, nhưng bạn phải nhận biết được trên sự kiện là họ không là như thế.” Thay vì như thế, những người trẻ này được làm để tin rằng tất cả mọi người khác đều đáp ứng những đòi hỏi đạo đức này – nghĩa là, tất cả mọi người khác đều là đạo đức. Đó là đòi hỏi đã đặt cơ sở trên điều này khiến cho giới trẻ, chúng cũng vậy, sẽ thành đạo đức (như mọi người khác).]

[3] [‘Schuldbewwusstsein’ thay vì ‘Schuldgefuhl’. Thuật ngữ thứ hai là từ Freud đã xủ dùng hầu hết mọi phần.]

[4] neuroses

[5] uneasiness

[6] anxiety

[7] [Xem chương VIII của Inhibitions, Symptoms and Anxiety (1926d),

Standard Ed., 20, 132. – Những cảm giác không thể được mô tả đúng thực như "vô thức" (cf. The Ego and the Id, Standard Ed., 19, 22-3).]

[8] ["Unbehagen": từ ngữ vốn xuất hiện trong nhan đề của tác phẩm này]

[9] [Trong Tương lai của một Illusion (1927c)]

[10] [Totem và Taboo (1912-1913).]

[11] agency

[12] Quan điểm này đặc biệt được Ernest Jones, Susan Isaacs và Melanie Klein tiếp nhận, và cũng có thể, tôi hiểu, cả Reik và Alexander.

[13] [Cf. Một vài nhận xét trong the Future of an Illusion (1927c).]

[14] [Câu cuối cùng đã được viết thêm, vào năm 1931-khi sự đe dọa của chính quyền Hitler đã bắt đầu thành rõ ràng.]

Sigmund Freud - Văn minh và những Bất mãn từ nó (10)

Văn minh và những Bất mãn từ nó

Sigmund Freud

(1856 – 1939)

Das Unbehagen In Der Kultur (Vienna, 1929).

Civilization and Its Discontents (1930)

(tiếptheo)

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và Nhà Xuất Bản

Lời bạt của người dịch

1

Có một điểm tôi muốn làm rõ rệt với nhan đề Das Unbehagen in der Kultur của Sigmund Freud. Theo sát nghĩa "Unbehagen" là "Sự lo lắng", hoặc "Sự khó chịu". Còn "Kultur" (Latin - cultura), chính Freud định nghĩa, hay đúng hơn cho chúng ta biết ông dùng với nghĩa là "mô tả toàn bộ tổng số những thành tựu và những quy định vốn chúng phân biệt đời sống của chúng ta với của những động vật tổ tiên của chúng ta", và chúng phục vụ hai mục đích - đó là để bảo vệ con người chống lại thiên nhiên, và điều chỉnh những quan hệ hỗ tương của họ. Nên Kultur được dịch rộng rãi hơn – theo bản Anh ngữ - là Văn minh.

Thông thường, chúng ta vẫn hiểu văn minh là những thành tựu về vật chất, còn văn hóa là những thành tựu trong lĩnh vực tinh thần. Ở đây, Freud không dùng từ "văn minh" để chỉ những thành tựu của xã hội, hay dân tộc như thế; nhưng ông dùng với nghĩa chỉ mức độ, hay trình độ tiến hóa của con người. Trình độ tiến hóa tìm thấy trong những cơ cấu tổ chức cộng đồng của nó (gia đình, thân tộc, xã hội, tôn giáo) và cũng trong những gì nhằm quản lý tự nhiên, vì những công trình thành tựu trong sự chế ngự thiên nhiên cũng có thể được xem là kết quả, hay mức chỉ trình độ tiến hóa. Như thế, Freud dùng từ "Kultur"; để chỉ cả hai: văn minh và văn hóa, nhưng về trình độ tiến hóa của chúng.

Khi đảo thứ tự hai danh từ trên sẽ nhấn mạnh hơn về nguồn gốc của sự lo lắng, bất an, bất mãn – thành Civilization and Its Discontents – và tôi tạm dịch - Văn minh và những bất mãn từ nó – nghe hơi Tây như vậy vì theo sát bản tiếng Anh, nay đã thành cổ điển của James Strachey, mặc dù nhan đề của bản tiếng Pháp có lẽ sát với ý tác giả hơn - Malaise dans La Civilisation.

(Nếu không phải đổi thứ tự hai danh từ chính, và không phải nhấn mạnh như bản Anh ngữ nổi tiếng – đã có thể dịch gọn ghẽ là “những Bất mãn của Con người trong nền Văn minh”).

Sau khi viết xong tập The Future of an Illussion vào mùa thu 1927, Freud bị bệnh, sức khỏe suy yếu, nên mãi đến năm 1929 ông mới bắt đầu viết tập sách này. Nhan đề đầu tiên Freud chọn là “Das Unglück in der Kultur” (Bất hạnh trong Văn minh); nhưng từ Unglück sau đó đổi sang thành “Unbehagen” – một từ khó tìm được tương đương trong tiếng Anh. Freud đã tự đề nghị nhan đề bản tiếng Anh là “Man’s Discomfort in Civilisation”. Từ “Malaise” trong tiếng Pháp sát hơn với “Unbehagen”. – Bản tiếng Đức, xuất bản tháng Nov/1929, tại Vienna (mặc dù trên bìa sách ghi năm 1930), từ đấy đến nay vẫn luôn được tái bản liên tục, và trở thành tác phẩm tiêu biểu nhất, phổ thông nhất của Freud.

2

Civilization and Its Discontents là nỗ lực của Freud để bàn đến những căng thẳng mà ông nhìn thấy giữa những bản năng qua những xung lực trong mỗi cá nhân trước những đòi hỏi phải thuận hợp với xã hội lớn rộng hơn đã được phát triển đến một mức độ chính con người tự hào gọi là là văn minh. Truy tìm nguyên nhân những căng thẳng đó, Freud đưa về một bản năng cơ bản nhất, hiện diện trong con người, là bản năng gây hấn hung hãn (aggression), tự thân bản năng đó là bất ổn định và bốc đồng bất thường, có thể tóm thu vào một từ là bản năng phản-xã hội.

Đối phó, kiểm soát, hoặc chuyển hướng bản năng hiếu chiến này là rất quan trọng để có thể hình thành các mối quan hệ tốt đẹp với những con người khác; làm như thế sẽ giảm nhẹ một trong ba lĩnh vực của những điều kiện sống của con người mà Freud tin rằng chúng ngăn chặn tất cả chúng ta không ai có được hạnh phúc (hai lĩnh vực kia là tư cách chúng ta phải phơi mở ra với thế giới bên ngoài [tức là, chúng ta là những đối tượng của thiên

nhiên– với những bất thường như của của thời tiết – thiên tai], và sự yếu đuối của cơ thể con người trước – lời Freud, như lấy từ đạo Phật - bệnh, lão và tử).

Sự ràng buộc này từ mỗi cá nhân với cộng đồng văn minh – cá nhân trong xã hội văn minh bị ràng buộc với xã hội của nó, tuân theo những qui luật của xã hội đó; không phải sâu xa, và không phải lúc nào cũng rất mạnh mẽ - điều này được minh chứng, ví dụ, bởi số lượng những người sẽ vi phạm các tiêu chuẩn của xã hội nếu họ nghĩ rằng họ có thể che dấu hay trốn thoát, không bị nó trừng phạt. Tuy nhiên, não thức con người đã đi đến một phương tiện có tính cách nội tại và chủ quan để "thực thi" văn minh – đó là sức mạnh của cảm xúc về lầm lỗi, vốn đạo Kitô đặt tên là "tội lỗi", trong đạo đức gọi là lương tâm; mà Freud đặt tên cho khía cạnh đó của nhân cách là super-ego.

Theo Freud, xung đột liên tục giữa những bản năng và super-ego trong quan hệ của con người với xã hội văn minh, là nguyên nhân đích thực của hầu hết những bất mãn, không hạnh phúc của con người. Một trong những căng thẳng xã hội lớn nhất, ông nói, đến từ lời răn hết sức sai lạc của một tôn giáo trong nền văn minh (phương Tây), điển hình là "hãy yêu người khác như yêu chính mình" - một đòi hỏi không chỉ mâu thuẫn với những bản năng cơ bản gây hấn xâm lược của chúng ta, mà còn có xu hướng vô cùng khó khăn để đưa vào thực hành.

Và khi super-ego khiển trách chúng ta đã thất bại không sống với những kỳ vọng loại như thế đã được nội tâm hóa ...chúng ta sẽ thấy dẫn đến những bệnh nhiễu loạn thần kinh, Freud dựa trên khá nhiều tâm lý học của ông về những gì có thể xảy ra khi cá nhân không muốn hoặc không thể hòa giải được bản năng của mình với những đòi hỏi xã hội.

Có một mặt khác trong những lập luận của Civilization and Its Discontents, những suy nghĩ xa thêm nữa về quan hệ thường xuyên căng thẳng giữa các cá nhân và xã hội. Đáng nhắc lại rằng Freud đã viết tập sách này trong cuối

những năm 1920 và đầu những năm 1930, một thời gian của bất ổn lớn lao của xã hội phương Tây, trong bối cảnh giữa hai cuộc thế chiến, cuối cùng sẽ dẫn đến hàng loạt các sự kiện lịch sử, trong đó có Freud phải rời bỏ Vienna, nước Áo, nơi sinh trưởng của mình, sang London nước Anh vào giữa năm 1938; nơi ông qua đời vào tháng 9/1939. Thế nhưng, ngay cả khi chúng ta lấy đi màu sắc khá bi quan – do ảnh hưởng của thời đại – trong những giải thích chủ yếu xây dựng trên cơ sở tâm lý, Civilization and Its Discontents vẫn cung cấp một bản tóm tắt khá chính xác những suy nghĩ của Freud về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, và cho thấy lớp men tráng hào nhoáng bên ngoài nhưng khá mỏng manh của văn minh hiện đại.

3

Freud xem điểm khởi đầu của văn minh xảy ra tại khoảnh khắc nào đó khi con người nguyên thủy đi đến quyết định, sau một cân nhắc bất thường và thận trọng, đã đột nhiên thôi không dập tắt ngọn lửa đang cháy bằng cách vẫn làm là đái nước tiểu rưới lên trên nó, nhưng giữ cho nó tiếp tục cháy sáng. Ông viết "Nếu chúng ta quay về ngược đủ xa, chúng ta thấy rằng những hành động có văn minh đầu tiên là việc sử dụng những dụng cụ, đạt được sự điều khiển lửa và sự xây dựng những cư trú. Trong số này, sự làm chủ được lửa nổi bật lên như là một thành tựu hoàn toàn khác thường và một dẫn chứng không gì sánh bằng."

và Freud đưa ra giả thuyết nổi tiếng của ông – ông gọi là một phỏng đoán - về nguồn gốc của sự kiện con người đi đến làm chủ ngon lửa qua sự kiềm hãm, từ từ chối xung lực bản năng là đái lên ngọn lửa để dập tắt nó: "con người nguyên thủy có thói quen muốn làm thỏa mãn một ao ước trẻ con vốn liên kết với lửa, khi hắn đến tiếp xúc với lửa, là dập tắt ngọn lửa bằng cách đái lên nó. .... Người đầu tiên từ bỏ ham muốn này, và giữ lửa lại đã có thể mang nó đi với anh ta và điều phục nó cho sử dụng riêng cho mình. Bằng cách dội tắt ngấm ngọn lửa của sự kích thích tính dục của riêng mình, anh ta

đã thuần phục được sức mạnh thiên nhiên của lửa. Sự chinh phục văn hóa lớn lao này như vậy đã là phần thưởng cho sự từ bỏ về bản năng của anh ta”.

Đưa ra hình ảnh này, Freud nhấn mạnh với chúng ta là khi con người bắt đầu biết kiềm chế nhu cầu bản năng, để cho đòi hỏi từ bên ngoài (tự nhiên) thắng đòi hỏi bên trong (bản năng), là khi con người bắt đầu có văn minh. Nhìn theo cách khác, con người phải hy sinh những đòi hỏi thỏa mãn bản năng của mình. Văn minh bắt đầu từ sự áp chế bản năng tự nhiên. Áp chế đó có thể là cần thiết, nhưng không phải là không đau lòng. Và như thế những bất mãn trong lòng người nằm trong lòng văn minh con người.

Tất cả những gì khác theo điều này kéo đến, và đây là lý do tại sao, ngay cả trong thời đại chúng ta, con người đạt được những thành tựu lớn lao, chưa từng có trong lịch sử, trong khoa học và kỹ thuật; nhưng nó vẫn không hạnh phúc hơn so với trước đó. Là một y sĩ, thực vậy, Freud tự hỏi tại sao văn minh chỉ dường như có khả năng đẩy con người vào những rối loạn tâm thần, một hiện tượng hết sức phổ thông trong phần thế giới phương Tây của Freud, và đã xảy ra trong trình tự tương đối ngắn.

Ông lưu ý vắn tắt “chúng ta phải cẩn thận để đừng đồng tình với định kiến rằng văn minh đồng nghĩa với một khuynh hướng đi đến hoàn hảo”. Đối với ý tưởng về tôn giáo có ảnh hưởng đến văn minh, điển hình như vai trò của đạo Kitô trong lĩnh vực đạo đức, ông dành cho nó sự khinh miệt tinh tế nhất của ông: “Thật bất hạnh, tất cả các vụ thảm sát người DoThái diễn ra trong thời Trung Cổ đã không làm thời đại đó an toàn hơn và hòa bình hơn cho các tín đồ Kitô. Sau khi Paul đã làm cho bác ái phổ quát là nền tảng đạo đức của cộng đồng Kitô, sự thiếu khoan dung cực đoan đến cuồng tín của đạo Kitô đối với những người còn lại bên ngoài nó là một hậu quả không thể tránh khỏi”.

Tập sách mỏng nhiều những suy tưởng ủ ê, thất vọng về tương lai con người, đã giáng thêm một đòn chí tử vào quan điểm lạc quan về con người và xã hội, cùng tiến bộ gọi là văn minh nhân loại. Những suy nghĩ của ông chảy theo cùng một dòng với hai tư tưởng vĩ đại khác cùng thời.

Trước tiên là Darwin, với thuyết Tiến hóa – đã đem con người về gốc thực của nó là mặt đất này – con người chỉ là một rong những sinh vật, dù đã phát triển tiến hóa, nhưng vẫn chỉ là một sinh vật; sinh vật ấy cũng chỉ mới có đây trong lịch sử trái đất mà thôi.

Marx giải quyết câu hỏi về tương lai xã hội loài người với biện chứng duy vật lịch sử, và giải quyết khổ đau của con người – vong thân – bằng giải pháp kinh tế (như Adam Smith), nhưng qua đấu tranh chính trị.

Trong khi đó, Freud – qua Civilization and Its Discontents cho thấy ông không hoàn toàn đồng ý, Freud muốn đi xa hơn, theo ông giải pháp của những người theo chủ nghĩa xà hội sẽ không thành công – vì nó bỏ qua những bản năng – nghĩa là bản chất con người. Con người bị đè nén, áp bức, nhưng không chỉ đơn giản về phương diện kinh tế; nhưng giải thích độc đáo của Freud là trong lĩnh lực văn minh – với mô hình tâm lý của ông về não thức con người.

Ông nói "Tôi cũng nghĩ là điều khá chắc chắn rằng một thay đổi thực sự trong những quan hệ của con người với sở hữu tài sản sẽ giúp được nhiều hơn trong hướng này, hơn bất kỳ những mệnh lệnh đạo đức nào". Chúng ta hiểu – ông muốn nói, chủ nghĩa xã hội khi tìm cách giải quyết hạnh phúc nhân sinh, dù sao cũng thực tiễn và gần sự thật hơn – con người khổ đau, hiển nhiên và không ai phủ nhận vì những nguyên nhân liên quan đến dạ dày, vì đói, vì công ăn việc làm, và những bất đồng quyền lợi kinh tế đưa đến chiến tranh giữa người và người.

Tôn giáo, hay đạo đức tôn giáo, nếu xưa không thiển cận ấu trĩ, thì nay là lừa

dối hão huyền, nên Civilization and Its Discontents cũng trình bày tóm tắt một quan điểm miệt thị của Freud về tôn giáo, điển hình ở đây là đạo Kitô trong xã hội phương Tây, trước đây trong The Future of an Illussion, ông đã cho thấy nó chỉ là một ảo tưởng, hứa hẹn đời sau, không đem lại được hạnh phúc cho con người, chỉ là một món thuốc tâm lý giả mạo, có tác dụng an thần, loại "cao đơn hoàn tán" bày bán giữa chợ, giữa những hàng cá hàng thịt. Món thuốc này hoàn toàn vô công hiệu, dù "trong uống ngoài thoa".

Sau đó, Freud tiếp tục đi đến thách thức những lời nhàm chán vô vị vẫn tồn tại lâu dài về xã hội loài người: rằng văn minh đã nổi lên như một dấu mốc, đơn giản cho thấy tiến bộ của nhân loại, bảo vệ chúng ta chống lại thiên nhiên, và phát triển các quyền tự do chính trị và xã hội, đem lại hạnh phúc cho chúng ta. So sánh sự phát triển của văn minh với sự phát triển của tâm lý cá nhân, ông nhìn thấy trong cả hai, một xung đột tất yếu giữa Eros và Thanatos, giữa mong muốn được thương yêu, sống cùng những người khác, và bạo lực tác hành (hoặc mong muốn) muốn hủy diệt người khác.

Nhận định rằng văn minh là một tiến trình thương thảo giằng co và cấu trúc những cộng đồng, nó phải cũng là một cách để kiểm soát và đè nén cả hai bản năng bạo lực và dục tính, nó làm như thế không chỉ qua pháp luật của xã hội, nhưng bằng cách xâm nhập vào tâm lý của chúng ta, mà Freud bàn luận thông qua màng lọc của lý thuyết cấu trúc tâm lý của ông (nơi những xung lực bản năng và vô thức của id đã được ego kiềm chế dưới sự giám sát khốc liệt của super-ego hướng nội và gây hấn hung hăng).

Quan điểm tâm lý của Freud là cố gắng trên cơ sở tâm sinh lý, để giải thích về cảm xúc lầm lỗi, lương tâm, và hối hận ở mỗi cá nhân trong các bối cảnh xã hội rộng rãi nhất, chúng là các sản phẩm của sự thỏa hiệp giữa Eros và Thanatos, giữa muốn được yêu thương và muốn phá hoại, hủy diêt; giữa cá nhân và nhóm, và giữa sự thỏa mãn những xung lực bản năng của một người và những nhu cầu của cộng đồng lớn hơn, trong đó con ngừơi là một thành

viên.

Trong khi một số những quan điểm của ông nhuốm đậm màu của nhân loại học ở thế kỷ trước, nhưng sự tập trung của ông vào cảm giác lầm lỗi, tính hung hăng gây hấn, và những bản năng giết người dẫn đến sự diệt chủng, mang rất nhiều tính cách tiên tri, tất cả như vẽ trước biểu đồ cho mười lăm năm kế tiếp, trong đó đã xảy ra những giờ phút đen tối nhất của văn minh nhân loại. Châu Âu, từ trên những thành quả của cuộc cách mạng kỹ nghệ, đã bị ngã quị, hủy hoại và kéo cả thế giới vào cuộc đại chiến thứ hai khốc liệt.

5

Những chủ đề chính của tập sách này, đều xây dựng trên lý thuyết đặc biệt của ông về cấu trúc tâm lý con người:

Bản năng gây hấn hung hãn (aggression)

Freud nêu giải thích về bản năng sơ khai của loài người là hành động hung hãn, gây hấn lẫn nhau. Trong những xã hội nguyên thủy, người đứng đầu gia đình hoàn toàn tự do biểu hiện bản năng gây hấn này của mình, bất kể và bất chấp những tổn hại cho tất cả những người xung quanh; nhưng trong xã hội văn minh, chúng ta đã phải kiềm chế khuynh hướng này, qua sự kiện tự đặt mình dưới các quy định pháp luật và quyền lực áp đặt (cả bên trong và bên ngoài), để đảm bảo an ninh tối đa và hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Lý do ban đầu, khi chúng ta gia nhập vào những cộng đồng xã hội, chính xác là để thoát khỏi các sức mạnh hiếu chiến gây hấn lẫn nhau và tự hủy diệt, nhưng sự cần thiết phải ngăn chặn bản năng hiếu chiến của chúng ta đã là một nghịch lý, nó trở thành nguyên nhân gây những bất hạnh lớn lao.

Khi bị dồn nén, những bản năng không bị dập tắt, dù bị pháp luật, giáo dục hay tôn giáo trói tay trong hành động, nhưng chỉ là nhất thời; trong chúng ta

vẫn giữ lại những ý tưởng hay dự định xuất phát từ bản năng này, thế nên một cảm giác về lầm lỗi thành hình, ngày càng đề nặng, và trong các trường hợp cực đoan nhất, các hình thức khác nhau của chứng loạn thần kinh tâm lý xuất hiện. Hệ quả là có những cá nhân bắt đầu nổi loạn chống lại văn minh với mức độ gây hấn hung hãn lại còn vượt quá mức độ chính nó lúc ban đầu, trước khi bị dồn nén,đàn áp, sự kiện này đe dọa sự tan rã của xã hội, cho thấy văn minh xây dựng với vỏ ngoài khá mỏng manh và dễ vỡ.

Cá nhân và văn minh

Freud vẽ một tương tự rộng rãi giữa sự phát triển tâm sinh lý (chủ yếu là phát triển tính dục - libidinal development) của cá nhân và sự tiến hóa của văn minh, xác định ba giai đoạn song song trong xảy ra: 1) hình thành nhân cách (có được một bản sắc riêng biệt); 2) thăng hoa (chuyển dịch, uốn nắn những xung lực bản năng nguyên thủy vào những dòng sinh lực khác, thành những hoạt động thể chất hoặc tâm lý, được xã hội chấp nhận và tôn sùng); 3) không thỏa mãn/dồn nén bản năng (chôn lấp những bản năng nguyên thủy vốn không được xã hội chấp nhận, trong mỗi cá nhân, tự đặt mình dưới các quy định của qui luật trong xã hội).

Freud cũng xác định sự khác biệt chính giữa hai tiến trình: chương trình nhắm đến lạc thú, trong đó bao gồm nguyên tắc trong việc tìm kiếm và đạt hạnh phúc, được giữ như là mục tiêu trung tâm của sự phát triển cá nhân, trong khi trong bối cảnh của văn minh, hạnh phúc cá nhân thường bị bỏ qua, phải hy sinh cho lợi ích của sự đoàn kết và sự gắn kết xã hội.

Eros và Xung-lực-Chết (Eros and the Death Drive)

Khái niệm về một “xung lực lao đến cái Chết” của con người được Freud xây dựng trong Beyond the Pleasure Principle (1927), nó được xem là bản năng Chết, trái ngược với Eros, hoặc bản năng Sống. Freud đưa ra giả thuyết rằng tất cả các đối tượng đều duy trì trong một mức độ tăng giảm thiệt hơn

(kinh tế) trong libido của họ một quân bình giữa hai bản năng, hay "xung lực" này. Freud xử dụng khái niệm này rất rộng rãi trong thảo luận của ông về văn minh, đặc biệt là trong việc dẫn chỉ những thí dụ trong lịch sử của những hành vi bạo lực và phá hoại.

Ông kết luận rằng toàn bộ câu chuyện của nền văn minh con người, tự nó có thể được định nghĩa, mặc dù trong những điều kiện rất rộng, như một cuộc đấu tranh liên tục và còn chưa phân thắng bại giữa Eros và kẻ thù chính của nó, là xung lực lao đến cái Chết. Đoạn cuối cùng của tập sách – ông bi quan, rằng chúng ta còn chưa thể biết vật lộn giữa hai "sức mạnh trời cao" này rồi sẽ ngã ngũ ra sao, "Eros vĩnh cửu, sẽ làm một nỗ lực để khẳng định mình trong cuộc đấu tranh với địch thủ cũng bất tử ngang như mình. Nhưng ai có thể lường trước được với thành công gì và với kết quả nào?"

Văn minh và hạnh phúc

Freud lập luận rằng văn minh tự trong bản chất là kẻ thù của hạnh phúc con người. Tiến trình "văn minh" của con người liên quan đến thắt chặt ngột ngạt các xung động tình dục vốn dẫn trực tiếp đến thỏa mãn lạc thú. Freud cũng lưu ý rằng việc tham gia vào đời sống văn minh đòi hỏi phải từ bỏ các xung lực gây hấn tích cực của một người.

Như vậy, để làm một người văn minh, chúng ta phải buông bỏ hai tuyên đòi mạnh mẽ nhất của chúng ta, bản năng tình dục và bản năng bạo lực.

Hai bản năng đòi này tìm thỏa mãn trong những lối thoát trong các hoạt động khác nhau, hiện tượng Freud gọi là thăng hoa – thí dụ thi đấu thể thao thay vì bạo hành, chẳng hạn - nhưng thực hiện này không thể thay thế kinh nghiệm trực tiếp của sự thỏa mãn bản năng được tìm thấy trong các tổ chức xã hội sơ khai đơn giản.

Như Freud viết, "Nếu nền văn minh đòi hỏi phải có những hy sinh như vậy,

không chỉ về tình dục nhưng cũng những khuynh hướng gây hấn hung hãn trong nhân loại, chúng ta có thể hiểu được nhiều hơn lý do tại sao nó thật là quá khó khăn như vậy để con người có thể cảm thấy hạnh phúc trong đó. Trong thực tế, con người nguyên thủy được may mắn hạnh phúc hơn về phương diện này, vì hắn không biết gì đến bất kỳ một hạn chế nào với bản năng tự nhiên của mình.

Người Cha nguyên thủy và Di sản tâm lý của ông

Trong Totem and Taboo (1913), lần đầu tiên Freud giới thiệu một trong những suy đoán văn hóa gây tranh cãi nhất của ông: ông giả định rằng các xã hội con người nguyên thủy được tổ chức giống như của các loài vượn người, trong đó có một con đực giữ ưu thế (người cha nguyên thủy), đặc biệt con đực này nắm độc quyền về sinh hoạt tình dục với những con cái trong bầy.

Freud cho rằng cuối cùng những đứa con trai đã hợp nhau lại, giết chết người cha, đóng vai tộc trưởng áp bức của họ, tuy nhiên, hành động này đã tạo chấn thương tâm lý sâu xa và lâu dài.

Theo Freud, hối hận đến sau hành động này đã đưa đến cảm giác sai phạm, lầm lỗi đầu tiên, và người cha nguyên thủy đã được nội tại hóa trong mỗi cá nhân, thành tác năng ông gọi là super-ego cấm đoán. Người cha nguyên thủy này, khi phóng thể ra xã hội bên ngoài, được thể hiện trong hình ảnh Gót, một người cha toàn năng, thấy trong những tôn giáo Abraham, trong các vị vua được thần thoại hóa của các nền văn minh cổ đại, và trong các nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn mê hoặc đám đông của lịch sử gần đây hơn. Thật vậy, lý thuyết của Freud dường như dự đoán những khuôn mặt lĩnh tụ trong những năm sau đó - Mussolini, Hitler và Stalin.

Lương tâm và Super-Ego

Freud xác định một cảm giác bao trùm về lầm lỗi như là một trong những

vấn đề trung tâm đe dọa nền văn minh hiện đại, và cho rằng nó đến từ super-ego, có thể tạm xem như một tác năng nội tại, hoạt động trong não thức, giám sát những ý định và hành động của ego, giữ cho bản năng hiếu chiến của ego trong vòng kiểm soát. Một thuật ngữ khác để gọi super-ego là lương tâm.

Freud đi ngược thời gian dõi tìm dấu vết sự hình thành của super-ego trong hành động nguyên thủy, một giả thuyết nổi tiếng nhất của ông – mặc cảm Oedipus – sự nổi loạn của đám con trai giết chết người cha nguyên thủy, những người con này bị bỏ lại bị đè nặng với một cảm giác hối hận, sau đó họ nội tại hóa những cấm đoán của uy quyền cùng những luật lệ cấm đoán trước đây do người cha đại diện, vào bên trong chính mình thành Super-ego.

Super-ego thường đặt những đòi hỏi nghiêm trọng, những tiêu chuẩn khắt khe, những lý tưởng cho mỗi cá nhân, thường không thực tế, không dễ thực hiện, và gây ra những bất hạnh lớn. Freud cũng cho rằng có sự tồn tại của một super-ego tập thể, kết tập thể hiện qua hình ảnh các nhà các nhà lãnh đạo chính trị hay tôn giáo mạnh mẽ, hay những con người có thành tựu lớn, super-ego tập thể này hoạt động trên một quy mô lớn hơn trong một nền văn hóa hay xã hội.

Phê phán các Tổ chức Tôn Giáo

Phần lớn con người (trong xã hội phương Tây) điều chỉnh hành vi ứng xử của họ theo các nguyên tắc của giáo lý tôn giáo, những tín đồ đặt ý chí và số phận của mình trong bàn tay của một gót linh thiêng, người mà Freud xem không gì khác hơn một hình ảnh người cha đã được bơm cho phồng lớn thành cao vời. Tôn giáo là dựa trên "Tương lai của một Ảo tưởng", bởi vì nó trả lời câu hỏi trọng tâm về cứu cánh của cuộc đời chúng ta trên mặt đất, bằng cách chỉ về một thế giới bên kia, sau cái chết.

Trong khi vạch một con đường đơn giản và giả tạo như thế để đi tìm hạnh

phúc, tôn giáo đã tránh được cho đám đông tín đồ chứng rối loạn thần kinh cá nhân, vì khi phục tùng đức tin tôn giáo của họ, họ đã bị một chứng nhiễu loạn thần kinh tập thể rồi. Nhưng Freud khinh miệt thứ "hạnh phúc" mê sảng này - tìm qua sự phủ nhận sự sống, và phục tùng mê tín – thứ đức tin đó phủ nhận lý trí, và buộc phải tuân phục vô điều kiện những phi lý.

6

Lý thuyết của Sigmund Freud trong Civilization and its Discontents là sự xung đột giữa các nhu cầu bản năng cá nhân và tập tục luân lý của toàn bộ xã hội là nguồn gốc giải thích trạng thái của con người về sự bất an, bất mãn, không thoải mái hạnh phúc, rồi gây hấn, thù nghịch và cuối cùng, đi đến bạo lực. Đối với Freud, cuộc vật lộn lớn nhất trong đời sống thoát ra từ sự liên kết giữa thế giới nội tâm của chúng ta và xã hội trong đó chúng ta sinh ra.

Chúng ta, như mỗi cá nhân – do bản năng sinh tồn - phải kết hợp với những cá nhân khác, tạo dựng những cộng đồng; chúng ta phải sống chung để sống còn. Nhưng khi kết hợp như vậy, chúng ta phải hy sinh, kềm chế rất nhiều những bản năng, mất đi sự thỏa mãn toàn vẹn vốn con người sơ khai có lẽ đã có.

Trong xã hội văn minh, chúng ta luôn luôn như một đứa trẻ ấm ức, tuy được dắt vào nhà hàng, cho ăn món ưa thích, nhưng phải chịu những giới hạn nào đó, chẳng hạn phải nhai nuốt, cầm thìa cầm đũa theo một cách thức gò bó, chưa kể trước đó phải ăn mặc chỉnh tề, phải ngồi trên ghế, bên bàn ăn như thế nào, không được thích thú cười to, nói lớn, thức ăn nếu có xương, không được nhè xương, ném xuống gầm bàn …

Thế nên, hài hòa với bên ngoài và bình an bên trong chỉ có thể đạt được khi chúng ta học được cách kiểm soát những xung lực năng nổ của chúng ta bằng cách giải quyết tình trạng trái nghịch này.

Tuy nhiên, vì Freud tin rằng những sức mạnh hủy hoại hiện diện trong tất cả các cá nhân, và do đó con người bởi bản chất tự nhiên là thiết yếu phản-xã hội và phản-văn hóa.

Đây là những tiền đề của Freud khó được nhiều người chấp nhận Sau cùng tất cả, Freud mô tả con người như sinh vật có bản năng gây hấn hung hãn và thực sự không thể kiểm soát được, cũng khó phù hợp với hình ảnh đẹp đẽ cao thượng vốn con người xưa nay vẫn tự vẽ về mình. Hơn nữa, khi Freud nhắc nhở về sự gây hấn hung hãn như là "bản năng gốc tự-tồn tại trong con người…. là trở ngại lớn nhất với văn minh", ông đã xác định hiệu quả được vấn đề, nhưng ông không đưa ra giải pháp hợp lý nào về phần kiểm soát bản năng gây hấn hung hãn và bản năng phản-xã hội này của chúng ta.

Tuy nhiên, sự đối địch giữa các đòi hỏi bản năng và những kiềm chế của văn minh làm cho quan điểm của Freud về tính gây hấn hay bản năng phá hoại của con người thành đặc biệt phức tạp. Một phần là vì những xung lực của hận thù, tức giận và hung hãn là, từ quan điểm của Freud, chính nó bắt nguồn từ sự tự bảo tồn để sống còn.

Trong cái nhìn của Freud về con người và xã hội, bạo lực như m1ột gì không thể thoát khỏi và được như là cơ sở của chính sự tồn tại của chúng ta. Nó xuất hiện trong hai cấp độ; sự bạo hành trong bản năng hoang dã nơi mỗi cá nhân, và sự bạo hành mà văn minh thực hành với chúng ta, như để cân bằng. Vì nếu không có ít nhất một số lượng cưỡng bách và ít nhất một số lượng các hạn chế sao cho ngang bằng với những xung lực đòi thỏa mãn trong mỗi cá nhân, hòa hợp xã hội không thể đạt được, văn minh cũng không thể duy trì được. Sự quân bình giữa đòi hỏi bên trong và áp chế bên ngoài lúc nào cũng tạm thời, mỏng manh trong xuốt dòng lịch sử loài người.

Lê Dọn Bàn - bản nháp thứ nhất

(Jan/2012)

Hết.